

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**
----------

VŨ NGỌC HÙNG

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TÁI HIỆN HÌNH TƯỢNG, LIÊN TƯỢNG
VÀ TƯỢNG TƯỢNG CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC
TRUYỆN NGẮN Ở LỚP 12 THPT**

**Chuyên ngành: Lý luận và PPDH bộ môn Văn và Tiếng Việt
Mã số: 9.14.01.11**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Việt Chũ

Hà Nội -2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả và số liệu nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kì công trình nghiên cứu khoa học nào khác.

Tác giả luận án

VŨ NGỌC HƯNG

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GV	: Giáo viên
HS	: Học sinh
THPT	: Trung học phổ thông
TPVC	: Tác phẩm văn chương
NV	: Nhà văn
BĐ	: Bạn đọc
VB	: Văn bản
BĐHS	: Bạn đọc học sinh
TN	: Tiếp nhận
TNTN	: Tiếp nhận truyện ngắn
QTDH	: Quá trình dạy học
PP	: Phương pháp
BP	: Biện pháp
TN	: Thực nghiệm
ĐC	: Đối chứng
NL	: Năng lực
ĐHSP	: Đại học sư phạm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Giả thuyết khoa học	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Đóng góp của luận án.....	7
7. Cấu trúc luận án	8
NỘI DUNG	9
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU	9
1.1. Tình hình nghiên cứu về vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng trong dạy học văn.....	9
1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới.....	9
1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước	13
1.2. Tình hình nghiên cứu về vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng trong dạy học truyện ngắn	20
1.2.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới.....	20
1.2.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam	22
Tiểu kết chương 1.....	28
CHƯƠNG II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI	29
2.1. Cơ sở lý luận:	29
2.1.1. Phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho HS là một mục tiêu quan trọng trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12 ..	29
2.1.2. Năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12	35
2.1.3. Đặc điểm tiếp nhận của học sinh là cơ sở quan trọng để phát triển	

năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12	51
2.1.4. Đặc trưng thi pháp truyện ngắn ở lớp 12 là cơ sở thiết yếu để phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của HS ..	55
2.2. Cơ sở thực tiễn	63
2.2.1. Thực trạng năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh lớp 12 trong học truyện ngắn.....	63
2.2.2. Thực trạng dạy truyện ngắn của giáo viên theo hướng phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng cho HS lớp 12...	87
CHƯƠNG III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TÁI HIỆN HÌNH TƯỢNG, LIÊN TƯỞNG VÀ TƯỞNG TƯỢNG CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC TRUYỆN NGẮN Ở LỚP 12	98
3.1. Những yêu cầu có tính định hướng trong dạy học truyện ngắn theo hướng phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho học sinh lớp 12	98
3.2. Một số biện pháp để triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12	103
3.2.1. Tổ chức hoạt động cắt nghĩa tình huống truyện với sự huy động khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của HS	103
3.2.2. Tổ chức hoạt động lựa chọn, cắt nghĩa những chi tiết nghệ thuật thông qua sự tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của HS	111
3.2.3. Tổ chức hoạt động phân tích nhân vật với sự tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của HS	115
3.2.4. Tổ chức hoạt động phân tích giọng kể thông qua sự tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng của HS.....	118
3.2.5. Tổ chức hoạt động nhập vai kể chuyện sáng tạo với tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của HS	121

3.2.6. Vận dụng kĩ thuật công não để huy động năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong dạy HS	123
Tiểu kết chương 3.....	126
CHƯƠNG IV. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM	127
4.1. Mục đích thực nghiệm	127
4.2. Nguyên tắc thực nghiệm	127
4.3. Đối tượng và địa bàn thực nghiệm.....	127
4.4. Bài dạy và giáo viên thực nghiệm.....	128
4.4.1. Bài dạy thực nghiệm	128
4.4.2. Giáo viên dạy thực nghiệm	128
4.5. Quy trình thực nghiệm	129
4.6. Chuẩn đánh giá kết quả thực nghiệm.....	130
4.7. Phương pháp xử lí kết quả thực nghiệm	132
4.8. Giáo án thực nghiệm	134
4.9. Kết quả thực nghiệm	135
4.10. Một số kết luận sư phạm rút ra từ thực nghiệm	147
Tiểu kết chương 4	148
KẾT LUẬN.....	149
DANH MỤC.....	151
CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	153
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực THHT của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12	65
Bảng 2.2. Tiêu chí đánh giá năng lực THHT của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12	67
Bảng 2.3. Chỉ số hành vi của năng lực tái hiện hình tượng trong học truyện ngắn ở lớp 12	69
Bảng 2.4. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực liên tưởng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12	70
Bảng 2.5. Tiêu chí đánh giá năng lực liên tưởng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12	72
Bảng 2.6. Chỉ số hành vi năng lực liên tưởng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12	74
Bảng 2.7. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực tưởng tượng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12	76
Bảng 2.8. Tiêu chí đánh giá năng lực tưởng tượng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12	77
Bảng 2.9. Chỉ số hành vi năng lực tưởng tượng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12	79
Bảng 2.10: Bảng thống kê kết quả khảo sát năng lực tái hiện hình tượng của học sinh qua giờ học truyện ngắn ở lớp 12	81
Bảng 2.11: Bảng thống kê kết quả khảo sát năng lực liên tưởng của học sinh qua giờ học truyện ngắn ở lớp 12	83
Bảng 2.12: Bảng thống kê kết quả khảo sát năng lực tưởng tượng của học sinh qua giờ học truyện ngắn ở lớp 12	84
Bảng 2.13: Kết quả khảo sát nội dung có liên quan đến năng lực tái hiện hình tượng của giáo viên trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12	91

Bảng 2.14: Kết quả khảo sát kiến thức có liên quan đến năng lực liên tưởng của giáo viên trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12.....	92
Bảng 2.15: Kết quả khảo sát kiến thức có liên quan đến năng lực tưởng tượng của giáo viên trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12.....	93
Bảng 4.1. Bảng phân phối tần suất Student	134
Bảng 4.2. Thông tin về lớp dạy học thực nghiệm và dạy học đối chứng	135
Bảng 4.3. Bảng thống kê kết quả kiểm tra học sinh.....	142
Bảng 4.4. Bảng phân phối thực nghiệm kết quả kiểm tra của học sinh.....	142
Bảng 4.5. Bảng xếp loại học lực học sinh của lớp TN và ĐC	143
Bảng 4.6. Số % học sinh đạt từ điểm x trở xuống	144
Bảng 4.7. So sánh các tham số đặc trưng của kết quả kiểm tra	145

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

1.1. Phát triển năng lực văn học cho học sinh là một nội dung quan trọng của đổi mới giáo dục

Có thể nói, giáo dục đang đổi mới và chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều phương diện từ nội dung, chương trình cho đến đánh giá,... tất cả đều hướng đến phát triển năng lực cho người học. Để góp phần vào quá trình thực hiện mục tiêu đó, ngoài việc quan tâm sâu sắc đến năng lực tạo lập văn bản, môn Ngữ văn còn chú trọng đến hình thành và phát triển năng lực tiếp nhận cho chủ thể học sinh. Đặc biệt trong đó, thông qua những tác phẩm chọn lọc và từng bài học cụ thể, giáo viên tập trung hướng đến phát huy phẩm chất cho người học như: có khả năng tái hiện chân xác, liên tưởng phong phú và tưởng tượng sáng tạo, có lòng vị tha và đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống lành mạnh và biết ứng xử nhân văn, có ý thức về cội nguồn bản sắc của dân tộc, có khả năng nhận thức sâu sắc về sức mạnh của sự cộng cảm, biết giác nhận ra sự yếu đuối và cả những bất toàn về sự tồn tại của bản thân mình trong cuộc sống,... đây cũng là một sứ mệnh thiêng liêng của môn Ngữ văn. Chúng tôi nhận định, để có thể đạt được mục tiêu trên, người giáo viên cần biết quan tâm phát triển đồng bộ hệ thống năng lực tiếp nhận, đặc biệt là năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng,... trong quá trình tổ chức dạy học. Bởi lẽ, xét đến cùng, đích hướng của dạy học Ngữ văn chính là giúp người học nhận ra những giới hạn của con người, biết mở rộng và vượt qua nó theo nhiều cách khác nhau.

1.2. Phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho học sinh có thể nâng cao hiệu quả tiếp nhận tác phẩm văn chương

Có thể hiểu, cảm thụ văn học chính là quá trình chiếm lĩnh và sáng tạo; trong đó, việc vận dụng đồng bộ các năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng được xác định là giải pháp tối ưu, là bí quyết để người dạy có thể tổ chức tiếp nhận sáng tạo. Bên cạnh đó, các hoạt động tâm lí này còn có vai trò như là trung tâm của những phản ứng tình cảm, để góp phần quan trọng vào việc

chuyển hóa văn bản của nhà văn thành tác phẩm trong tinh thần của người học. Do vậy, phát triển các năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học văn được xem như là những phương thức tư duy hiệu quả để hướng tới giải phóng tiềm năng sáng tạo của chủ thể học sinh.

Không chỉ vậy, cơ chế tâm lí của học sinh được xem là yếu tố quan trọng trong quá trình tiếp nhận văn học. Thông qua sự cộng hưởng giữa các nhân tố trong cấu trúc năng lực tâm lí với tác phẩm, bạn đọc học sinh có thể tái hiện trong tâm trí hệ thống các biểu tượng bằng liên tưởng và tưởng tượng để hướng đến kiến tạo cho riêng mình những kiểu mẫu hình tượng độc đáo. Từ quá trình đó, chúng ta có cơ sở để định lượng được tính năng động của chủ thể cảm thụ ở vai trò “đồng sáng tạo” hoặc có thể nghiệm chứng được độ chênh về khoảng cách thẩm mỹ giữa bạn đọc học sinh với tác phẩm và nhà văn. Tác giả luận án cho rằng, đây là một vấn đề cấp thiết mà giáo viên Ngữ văn cần quan tâm để hướng tới phát triển năng lực tiếp nhận cho người học.

1.3. Thực tế dạy học văn theo hướng vận dụng và phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng của học sinh trong nhà trường THPT hiện nay

Những năm gần đây, dạy học Ngữ văn đã có nhiều đổi mới về mục tiêu, nội dung và phương pháp, tuy nhiên, nhìn nhận một cách tổng quát, hiệu quả dạy học văn vẫn chưa đạt được như mong muốn. Có nhiều nguyên nhân để luận giải cho điều này, nhưng có lẽ chúng ta nên bắt đầu từ việc nhận thức chưa thực sự sáng rõ về mối quan hệ giữa phản ứng tình cảm học sinh với tâm lí sáng tạo của nhà văn trong quá trình tổ chức dạy học của giáo viên. Đồng thời, trong mối quan hệ ấy, hoạt động tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng chưa được xem như một cơ chế trong vận hành tâm lí, là cửa ngõ của những rung động thẩm mỹ ở học sinh khi tương tác với tác phẩm. Không chỉ vậy, các vấn đề quan trọng như đối tượng, phương thức chiếm lĩnh, sự phối hợp giữa tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng ở từng giai đoạn tư duy để tạo nên quy luật vận động đầy phức tạp trong tâm lí của học sinh vẫn chưa được giáo viên nhận diện rõ nét. Đặc biệt, giáo viên chưa giúp học sinh

tái hiện được hình tượng một cách trọn vẹn bằng việc vận hành đồng bộ hệ thống năng các lực từ tri giác ngôn ngữ, tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng. Do vậy, hầu như tình cảm của học sinh cách biệt với thế giới hình tượng trong tác phẩm, giáo viên không bảo tồn được mối quan hệ giữa các năng lực tâm lí để thúc đẩy, kích hoạt, nuôi dưỡng sự hứng thú lâu bền của học sinh trong tiếp nhận. Xét cho cùng, cảm thụ tác phẩm và phản ứng tâm lí của người học là một quá trình đồng khớp nhau; nơi cửa ngõ này, tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng, cảm xúc, ý chí, lí trí, ấn tượng,... có sự kết nối chặt chẽ, chúng đồng hiện và đồng tại với nhau trong một cơ chế của hoạt động tâm lí. Bên cạnh đó, thực tiễn dạy học cho thấy, năng lực cảm thụ của học sinh thông qua tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng còn nhiều hạn chế; tình trạng tái hiện hình tượng bị sai lệch hoặc thiếu chân xác, liên tưởng nông cạn, tưởng tượng tản mạn và chưa phong phú, sự cảm thụ hời hợt,... còn diễn ra phổ biến. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới hiệu quả dạy học văn nói chung còn nhiều hạn chế. Do vậy, chúng tôi cho rằng, phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho học sinh trong quá tổ chức dạy học tác phẩm văn chương là thực sự cần thiết.

1.4. Thực tế dạy học truyện ngắn theo hướng vận dụng và phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng của học sinh trong nhà trường THPT hiện nay

Nhiều năm qua, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học truyện ngắn được giới nghiên cứu phương pháp và các nhà sư phạm quan tâm nhiều hơn. Tuy nhiên, đối chiếu với thực tiễn dạy học, chúng tôi nhận thấy, chất lượng dạy học truyện ngắn vẫn chưa được cải thiện đáng kể. Có nhiều cách để lí giải hạn chế trên, tuy vậy, chúng ta nên bắt đầu từ việc nhận thức lại một số vấn đề có tính lí luận để xác lập hệ thống biện pháp đặc trưng cho dạy học thể loại này.

Có thể nói, truyện ngắn là một mô hình cỡ nhỏ của văn xuôi tự sự, có tính khu biệt với các thể loại văn học khác, có nghĩa là, chúng ta phải xây dựng hướng tiếp nhận đặc thù khi tổ chức dạy học thể loại này. Lâu nay, dạy học truyện ngắn vẫn chưa đạt kết quả là do người dạy chưa thực sự bám dựa

vào đặc trưng thi pháp thể loại (biểu tượng, chi tiết, sự kiện, tình huống, nhân vật, kết cấu, ngôi kể, lời kể, giọng kể, điểm nhìn,...) để huy động tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng, điều này dẫn đến sự đứt gãy và rời biệt trong tương tác tâm lí giữa giáo viên cũng như học sinh với tác phẩm. Bên cạnh đó, khi dạy học truyện ngắn người dạy chưa định dạng được kiểu loại hình tượng và đặc trưng khu biệt của nó trong tâm lí sáng tạo của nhà văn, đồng thời chưa quan tâm gắn kết được nó trong mối quan hệ với các dấu hiệu thi pháp thể loại để tổ chức dạy học. Không chỉ vậy, người dạy chưa thực sự đánh giá đúng vai trò của mối quan hệ tương tác giữa hoạt động tri giác ngôn ngữ, tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng, nhận biết, đánh giá, xúc cảm,... với tâm lí học sinh trong từng công đoạn và cả quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo. Điều này dẫn đến hệ quả là, những phản ứng tình cảm của người học không thể tiếp xúc và tương tác với thế giới nghệ thuật của nhà văn để từ đó sáng tạo nên mẫu hình tượng độc đáo mang màu sắc cá nhân. Tác giả luận án cho rằng, tháo gỡ nút thắt này là một yêu cầu bức thiết để hướng đến nâng cao hiệu quả dạy học truyện ngắn, nhưng rất tiếc, vấn đề có tính thời sự này lại chưa được giáo viên quan tâm sâu sắc và đúng mức.

Như vậy, những nhận thức tổng quan về lí luận và thực tiễn dạy học trên đây đã gợi mở và định hướng để chúng tôi lựa chọn đề tài “*Phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12*” với mong muốn góp thêm một phần công sức vào việc bổ sung và hiện thực hóa về phương pháp dạy học truyện ngắn ở nhà trường phổ thông.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là quá trình phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng của học sinh ở lớp 12 trong dạy học đọc hiểu truyện ngắn theo hướng tiếp nhận sáng tạo.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trong phạm vi cụ thể là truyện ngắn ở lớp 12; trong đó, chúng tôi chọn hai tác phẩm là Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài, Vợ

nhật của Kim Lân để khảo sát và thực nghiệm. Từ cơ sở đó, luận án đi vào nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp tổ chức dạy học truyện ngắn cho chủ thể học sinh.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

3.1.1. Phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong quá trình dạy học truyện ngắn.

3.1.2. Đề xuất một số biện pháp để phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho học sinh trong quá trình dạy học truyện ngắn ở lớp 12.

3.1.3. Qua việc nghiên cứu đặc điểm thi pháp truyện ngắn ở lớp 12, đề tài góp phần làm sáng tỏ bản chất tiếp nhận thể loại này thông qua tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh. Từ đó, tác giả luận án hi vọng có thể giúp cho giáo viên tổ chức quá trình dạy học truyện ngắn được hiệu quả.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

3.2.1. Nghiên cứu những vấn đề lí luận và thực tiễn của năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng của học sinh để nâng cao hiệu quả dạy học truyện ngắn ở nhà trường phổ thông.

3.2.2. Thực nghiệm những đề xuất trong thực tế dạy học đọc hiểu truyện ngắn ở lớp 12 để xem xét và khẳng định tính khả thi của những đề xuất về cách thức vận dụng các năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng vào tổ chức dạy học.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu làm sáng rõ cơ sở khoa học của việc vận dụng lí thuyết tiếp nhận truyện ngắn và tìm ra những biện pháp thích hợp để phát phát triển năng tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng cho học sinh **thì** sẽ nâng cao được hiệu quả dạy học truyện ngắn ở lớp 12.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp khảo sát

Qua việc dự giờ một số giờ dạy văn trong nhà trường THPT, tác giả đối chứng lý luận và tiến hành khảo sát bằng phiếu điều tra để có cơ sở đánh giá năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng của học sinh. Đồng thời, chúng tôi lấy đó làm căn cứ khoa học cho những kiến nghị về một số giải pháp sư phạm nhằm nâng cao hiệu quả dạy học thể loại truyện ngắn.

5.2. Phương pháp thống kê

Phương pháp này được dùng để thực hiện hệ thống hóa các kết quả khảo sát, đánh giá và tổng hợp kết quả thực nghiệm. Từ đó, chúng tôi có sở để kiểm định tỉ lệ đạt được của bài thực nghiệm, hướng tới những kết luận chính xác và có độ tin cậy cao.

5.3. Phương pháp chuyên gia

Trong quá trình thực hiện, người viết tiến hành gặp gỡ thầy cô giáo, bạn bè đồng nghiệp, các nhà khoa học phương pháp, nhà giáo dục, nhà lí luận văn học, nhà tâm lí, các đối tượng học sinh khác nhau... để phỏng vấn, trao đổi, đề xuất,... nhằm xây dựng những luận thuyết khoa học và tìm hướng đi đúng đắn cho đề tài.

5.4. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Phương pháp thực nghiệm sư phạm được vận dụng để tiến hành kiểm nghiệm tính ứng dụng của các biện pháp đã đề xuất ban đầu nhằm phát huy hệ thống năng lực tiếp nhận của học sinh. Từ kết quả của thực tiễn, tác giả luận án đánh giá và định vị hướng đi đúng đắn cho đề tài khoa học cũng như là khả năng thực thi của vấn đề bước đầu đã đề cập.

5.5. Phương pháp nghiên cứu lí luận

Phương pháp này được chúng tôi vận dụng để phân tích các công trình nghiên cứu về lí luận thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau ở trong nước cũng như trên thế giới. Bám dựa vào đó, tác giả luận án tổng hợp, đối chiếu và tìm mối liên hệ để xây dựng các luận thuyết khoa học cho đề tài.

5.6. Phương pháp nghiên cứu liên ngành

Phương pháp liên ngành được chúng tôi vận dụng để phân tích đối tượng nghiên cứu trên nhiều bình diện khác nhau từ nguồn dữ liệu của các chuyên ngành cụ thể. Từ việc sử dụng một ngành để ứng dụng vào một ngành, dùng lý thuyết ngành này để ứng dụng vào ngành khác,... tác giả luận án tìm ra những đặc điểm nổi trội, sự giao thoa giữa các ngành khoa học để xác lập cơ sở lý luận cho đề tài.

6. Đóng góp của luận án

6.1. Đóng góp về lý luận

6.1.1. Hoạt động tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn được nghiên cứu từ góc độ thi pháp thể loại và tâm lý học tiếp nhận, nếu được đánh giá một cách khoa học sẽ góp phần làm rõ bản chất đặc thù của công việc dạy học hiện nay.

6.1.2. Đích hướng của đề tài là chỉ ra vai trò quyết định của tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học truyện ngắn lớp 12 theo hướng tiếp nhận sáng tạo. Các biện pháp được đề xuất góp phần phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo và phát huy năng lực của học sinh trong giờ học.

6.2. Đóng góp về thực tiễn

6.2.1. Thực tế dạy học truyện ngắn ở THPT cho thấy: hiện tượng tách rời quá trình phân tích của GV với những cảm xúc chủ quan HS chính là nguyên nhân dẫn tới việc tổ chức tiếp nhận còn kém hiệu quả. Đặt vấn đề xây dựng những biện pháp để chiếm lĩnh truyện ngắn một cách khoa học, luận án sẽ góp phần đổi mới phương pháp dạy học truyện ngắn đang đặt ra hiện nay.

6.2.2. Có thể thấy, một trong những nguyên nhân khiến giờ dạy học tác phẩm truyện ngắn trở nên không mấy hấp dẫn là do giáo viên vận dụng không đồng bộ các năng lực tiếp nhận để kết nối cảm xúc HS với tâm lý sáng tạo của nhà văn trong việc tổ chức các hoạt động dạy học. Do đó, nếu phát huy được năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng sẽ khơi dậy được hứng thú và khả năng sáng tạo của học sinh trong dạy học truyện ngắn.

7. Cấu trúc luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Thư mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, đề tài gồm 4 chương cụ thể như sau:

Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Với chương này, người viết tập trung phân tích các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, để nhận diện những nội dung lí thuyết có liên quan trực tiếp đến vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học.

Chương 2. Tiền đề lí luận và thực tiễn của đề tài

Ở chương 2, tác giả luận án tập trung làm rõ cơ sở lí luận và thực tiễn của đề tài, trên cơ sở đó chúng tôi khái quát hóa các đơn vị lí thuyết trọng tâm, tập trung xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu để tìm hướng đi đúng đắn cho đề tài.

Chương 3. Một số biện pháp phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng cho học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12.

Trong chương này, chúng tôi đề xuất một số biện pháp phát triển năng lực tiếp nhận phù hợp với đặc trưng thi pháp của thể loại truyện ngắn. Đồng thời qua đó, tác giả luận án gợi mở một số hướng tiếp cận để giúp học sinh có thể tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng một cách có hiệu quả.

Chương 4. Thực nghiệm sư phạm

Chương cuối, chúng tôi tiến hành cụ thể hóa những định hướng, biện pháp đã đề xuất ở chương trước qua các giáo án cụ thể. Cùng với đó, tác giả luận án tập trung mô tả quá trình thực nghiệm để đánh giá khả năng ứng dụng của các biện pháp đã đưa ra bằng phiếu lấy ý kiến giáo viên và học sinh làm cơ sở thực tiễn để vận dụng vào dạy học truyện ngắn trong nhà trường THPT.

Kết luận chung

Danh mục các công trình nghiên cứu của tác giả luận án

Thư mục tài liệu tham khảo

Phụ lục

NỘI DUNG
CHƯƠNG I
TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu về vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng trong dạy học văn

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Có thể nói, từ lâu, vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong văn học đã được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đặc biệt quan tâm và được tiếp cận theo nhiều hướng khác nhau.

(1) Tiếp cận từ quan điểm của nghiên cứu lí luận văn học

Ở phương Đông, cách đây vài thế kỉ, lí luận văn học, mỹ học,... đã quan tâm sâu sắc đến trí tưởng tượng trong sự tương quan với năng lực sáng tạo của nhà văn. Tác giả Lưu Hiệp được xem là một trong số các nhà lí luận văn học Trung Quốc bàn sớm nhất đến trí tưởng tượng sáng tạo trong mối quan hệ giữa tài năng và cảm xúc của nhà văn. Mở đầu chương Thần tứ của cuốn sách *Văn tâm điêu long*, ông viết: “*Hình tại nơi sông biển, tâm tại nơi cửa khuyết, đó là nói về thần tứ vậy. Khi cấu tứ văn chương, cái thần bay rất xa. Bởi vậy, lúc lặng lẽ tập trung suy nghĩ, dòng tư duy có thể tiếp xúc tận ngàn năm, khi đổi thay nét mặt ngắm nhìn, thì ánh mắt như thấy được vạn dặm. Ngâm vịnh lên, âm thanh như nhả ngọc phun châu, tưởng tượng nhìn trước mắt như sắc màu mây gió*”[38, tr. 185]. Như vậy, tác giả Thần tứ đã đặt ra vấn đề về trí tưởng tượng trong sáng tạo – một vấn đề nhạy cảm, rất khó nắm bắt và lí giải đối với lí luận văn học. Hơn nữa, với việc chỉ ra một số quy luật của năng lực liên tưởng và tưởng tượng, Lưu Hiệp đã đóng góp rất lớn cho nghiên cứu về tính chất đặc thù của tiếp nhận nghệ thuật và có thể xem như một định hướng về phương pháp luận trong dạy học văn.

Ở phương Tây, Aristotle, nhà triết học Hy Lạp thời cổ đại là người bàn sớm về vai trò của trí tưởng tượng, ở chương XVII của quyển *Nghệ thuật thơ ca* cho rằng, khi xây dựng các cốt truyện phải làm thế nào hình dung được

chúng thật sinh động ở trước mắt. Theo luận giải của ông: *“Nhà thơ cần phải cố gắng hình dung cho mình thấy được cả hoàn cảnh của những nhân vật hành động nữa, vì theo bản chất tự nhiên, những ai tự mình trải qua một nỗi cảm xúc nào đó mới có thể truyền đạt được nỗi cảm xúc ấy đúng nhất, chỉ có người nào xúc động mới thực sự làm cho người khác xúc động, và chỉ có người nào phần nộ mới làm cho người khác phần nộ mà thôi”*[2, tr. 83]. Như vậy, từ nhận định này, chúng tôi hiểu rằng, thơ ca là lĩnh vực của những người có tài và những người đam mê, vì những người có tài mới có khả năng hóa thân, nhập vai, và những người đam mê mới có khả năng phấn hứng cao độ. Thành công của tác phẩm trước hết bắt nguồn từ mối quan hệ giữa hình dung và sự trải nghiệm tưởng tượng của nhà thơ, hình dung và tài năng cá nhân. Tư tưởng này của Aristote được giới nghiên cứu lý luận văn học phương Tây tiếp tục phát triển thêm một bước nữa khi bàn về trí tưởng tượng sáng tạo và cấu trúc của tác phẩm. Theo nhóm tác giả này, tưởng tượng là một trong những biện pháp quan trọng nhất để nhà văn xây dựng hình tượng, qua óc tưởng tượng, các hình ảnh mới hiện hiện sống động dưới ngòi bút nhà văn với ngôn ngữ, hành động, với dáng vẻ và nội tâm vô cùng phong phú.

Cùng nhận định như trên, nhiều nhà khoa học khác đã phân tích về năng lực tưởng tượng từ điểm nhìn của lý luận sáng tạo văn học để lượng định về sự bền vững và tầm mức ảnh hưởng bởi cá tính sáng tạo của nhà văn đối với quá trình phát triển văn học. Tiêu biểu là các nghiên cứu của M.B.Khrapchenko - Viện sĩ Viện Hàn Lâm Khoa học Liên Xô, tác giả đã chỉ ra rằng, trí tưởng tượng và sự tái hiện có thể coi là một dạng năng lực đặc biệt và rất cần thiết đối với quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn. Ông nói: *“Trong sự thiết kế tác phẩm văn học, trong những khám phá nghệ thuật mà nhà văn thực hiện, trí tưởng tượng sáng tạo đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Cái chủ yếu trong tài năng nghệ thuật – đó là cái được gọi là sự tái hiện và tưởng tượng sáng tạo”*[28, tr .119]. Rõ ràng, nếu không có trí tưởng tượng thì không thể chế biến một cách sáng tạo những ấn tượng và những điều quan sát được trong cuộc sống

thành những hình tượng nghệ thuật độc đáo. Đồng thuận với các quan điểm trên khi lí giải về năng lực sáng tạo của nhà văn, K. Pauxtopxki trong các nghiên cứu của mình đã nhấn mạnh đến yếu tố khai sáng trong nhận thức và tư duy của con người, ông cho rằng, không có tưởng tượng thì không thể khai hoa kết quả, và nơi ấy trí tưởng tượng tưởng tượng sinh ra tất cả. Ông khẳng định: “*Nếu trí tưởng tượng tái hiện mất đi con người sẽ không còn là con người*”[77, tr. 160]. Chúng tôi cho rằng, các tác giả đã coi trí tưởng tượng và sự tái hiện là những năng lực quan trọng trong sáng tạo của nhà văn, là cội nguồn trong hoạt động sáng tạo của con người và từ đó có thể đoán giải tương lai.

(2) *Tiếp cận từ quan điểm của phương pháp dạy học*

Từ bình diện dạy học, cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, thế giới đã bàn nhiều đến khả năng sáng tạo của học sinh, và kỹ thuật sáng tạo được xem là quan trọng nhất trong mọi hoạt động sáng tạo của các em. Kỹ thuật đó, theo tác giả Chu Quang Tiềm được bắt đầu từ những linh cảm, những liên tưởng và tưởng tượng phục hồi, nhằm hồi tưởng lại (tái hiện) những hình ảnh do tri giác thu nhận được trong quá trình đọc tác phẩm. Nhưng những tưởng tượng phục hồi, các linh cảm trực giác đó chưa thể trở thành hoạt động sáng tạo mà học sinh phải trải qua thao tác hệ thống hóa, phân tích và dần dần hình thành những liên tưởng sáng tạo. Sự liên tưởng và tưởng tượng sáng tạo thường liên quan đến các đặc điểm của chi tiết hay hình ảnh mà các em ấn tượng. Sau đó, lí giải và liên tưởng nó bằng sự nếm trải, từ đó hình thành cách thức lập luận trong việc trình bày hướng lí giải của bản thân, tất cả quy trình đó chính là khâu kỹ thuật trong hoạt động sáng tạo. Tác giả nhấn mạnh: “*Tưởng tượng sáng tạo là đem những ý tưởng có tính cách linh hoạt tản mạn dung hợp thành nhất quán và sự dung hòa cho ý tưởng thành nhất quán ấy chính là tình cảm*”[92, tr.305]. Chúng tôi nhận thấy, tác giả Chu Quang Tiềm đã xác nhận vai trò đặc biệt quan trọng của năng lực tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng trong hoạt động tâm lí, hoạt động sáng tạo của chủ thể người học.

Ở góc độ phương pháp tâm lí sư phạm, các công trình nghiên cứu của tác giả Levitov công bố năm 1970 đã chỉ ra rằng, học sinh cần phải có những

biểu tượng về những sự vật không có trong kinh nghiệm cũ của họ, nghĩa là về những sự vật chưa bao giờ được tri giác. Theo ông: “*Ngôn ngữ văn học giàu hình ảnh và gợi cảm, nó đòi hỏi học sinh phải dùng tưởng tượng để xây dựng và tái hiện những biểu tượng phù hợp*”[32, tr.185]. Như vậy, tác giả đã phân tích các thuộc tính đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật; đồng thời, với việc đề cao vai trò của tái tạo trong xây dựng biểu tượng và lĩnh hội tri thức, tác giả đã xem việc sáng tạo hình tượng như một điều kiện để nâng cao hiệu quả tiếp nhận tác phẩm văn chương của chủ thể người học. Có nhiều điểm gặp gỡ và tương đồng với quan điểm trên, tác giả V.A.Nhikonxki trong công trình *Phương pháp giảng dạy văn học ở trường phổ thông* năm 1978 đã chỉ ra đặc thù của quá trình cảm thụ đọc sách. Theo ông, bản thân tác phẩm luôn gợi ra bức tranh của cuộc sống bằng năng lực tâm lí của nhà văn, cảm thụ đọc sách được hiểu như một quá trình tái hiện sáng tạo đầy phức tạp trong khi đọc. Tác giả lưu ý: “*Cảm thụ đọc sách không phải là sự tổng hợp những tín hiệu về tình cảm, mà là những biểu tượng được tạo nên bằng hoạt động của sự tái hiện do các tín hiệu từ ngôn ngữ tạo ra*”[68, tr. 32]. Như vậy, cảm thụ văn học về cơ bản có tính sinh động, điều đó yêu cầu người học cần có sự nuôi dưỡng và chấp cánh cho trí tưởng tượng phong phú của mình để gắn kết quá trình cảm thụ với hoạt động tiếp nhận sáng tạo.

Cuối thế kỉ XIX, nghiên cứu về phương pháp giảng dạy văn học ngày một chuyên sâu hơn trong việc tìm ra quy luật và bản chất của quá trình tiếp cận tác phẩm của chủ thể học sinh. Trong đó, cần phải kể đến các nghiên cứu của Z. Ia Rez, cụ thể là trong công trình *Phương pháp luận dạy văn học* năm 1983, nhà nghiên cứu này đã chỉ ra rằng, việc kích thích cho các năng lực tâm lí hoạt động, sự đồng sáng tạo của người đọc sẽ giúp lĩnh hội văn bản về mặt lô gíc một cách sâu sắc tính hình tượng. Theo đó, nhiệm vụ quan trọng của người dạy là đánh thức khả năng liên tưởng phong phú, tưởng tượng sáng tạo và sự tái hiện hình tượng một cách chân xác trong tư duy sẽ làm cho sự cảm thụ tác phẩm của họ được phong phú và sâu sắc hơn. Tác giả cho rằng: “*Các quan hệ liên tưởng giữ một vai trò hàng đầu trong tư duy nghệ thuật. Tính*

đến ý nghĩa của các liên tưởng hình tượng người giáo viên văn sẽ cố gắng liên kết tài liệu lại theo những quy tắc và làm cho học sinh cảm nhận được cả ý niệm lẫn hình tượng của hiện tượng”[82, tr.157].

Có thể nói, tiếp cận TPVC theo hướng vận dụng và phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng là một hướng đi đúng đắn. Như vậy, với đường hướng này, các nhà nghiên cứu đã đưa ra cái nhìn chân xác về bản chất của quá trình giải mã tác phẩm văn học. Tuy nhiên, tác giả luận án nhận thấy, các nghiên cứu trên còn nặng về lí thuyết, chưa bàn luận trực diện về phương pháp cụ thể để phát triển năng lực cho người học ở một thể loại riêng biệt. Chúng tôi xin kế thừa những thành tựu này để hướng đến phát huy năng lực tiếp nhận, đặc biệt là năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong quá trình tổ chức dạy học truyện ngắn ở nhà trường phổ thông.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Ở nước ta, các nhà nghiên cứu lí luận văn học, nhà sư phạm Ngữ văn đều rất quan tâm đến năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng trong các hoạt động sáng tạo.

(1) Tiếp cận từ quan điểm của lí luận và phê bình văn học

Con đường sáng tạo của nhà văn đã được Hoàng Trinh bàn đến trong cuốn *Văn học cuộc sống nhà văn* năm 1978, trong công trình này, người viết đã chỉ ra tầm quan trọng của trí tưởng tượng trong sáng tạo nghệ thuật, nó tham gia vào tất cả các khâu và trải qua các bước khác nhau. Tác giả nhấn mạnh: *“Hình tượng hoàn chỉnh trong văn học là kết quả của sự tổng hòa giữa tưởng tượng trực giác, tưởng tượng tình cảm, tưởng tượng trí tuệ, dưới sự chỉ đạo của một thế giới quan đúng đắn, duy vật và biện chứng”[101, tr.474].* Theo cách hiểu này, việc sáng tạo và giải mã hình tượng là một quá trình tổng hợp được khái quát qua nhiều chu trình, và nhiều giai đoạn khác nhau trong tâm lí nhà văn; trong đó, các hoạt động liên tưởng, tưởng tượng cùng với sự tái hiện có vai trò đặc biệt quan trọng. Cùng hướng nghiên cứu trên, tác giả Trần Đình Sử trong các nghiên cứu của mình đã chỉ ra vai trò của tưởng

tượng đối với sáng tạo hình tượng nghệ thuật. Theo ông, muốn sáng tạo thì người nghệ sĩ phải có óc tưởng tượng phong phú, bởi bản thân hiện thực không đưa lại cho con người cái toàn vẹn, cái hoàn hảo trong các hình tượng nghệ thuật mà trong tư duy của họ phải gắn liền với tưởng tượng và xúc cảm. Trong cuốn *Lí luận văn học* năm 2008 ông nhận định rằng: “*Nếu tình cảm là sinh mệnh của thơ thì tưởng tượng là đôi cánh của thơ. Tưởng tượng là hoạt động tâm lí phân giải, tổ hợp các biểu tượng đã có để tạo ra hình tượng hoàn toàn mới. Mọi nghệ thuật đều cần đến tưởng tượng*”[88, tr. 260]. Rõ ràng, tác giả đã phân tích vấn đề từ góc nhìn tâm lí học nghệ thuật để chỉ ra tầm quan trọng của tưởng tượng trong sáng tạo hình tượng nghệ thuật. Tiếp tục mở rộng và khám phá năng lực sáng tạo của nhà văn, các tác giả như: Đào Duy Hiệp, An Huỳnh, Đoàn Đức Phương, Phùng Gia Thế, Phan Thị Huyền Trang, Trần Ngọc Hiếu, Trần Việt Phương,... lại nghiên cứu quy luật và những hướng đi của trí tưởng tượng trong sáng tạo thi ca. Theo nhóm tác giả này, tưởng tượng là hướng đi kín đáo giúp nhà văn khám phá những bí ẩn trong thế giới nội cảm của con người. Sự tưởng tượng trong sáng tạo là gì nếu như không phải là việc ta bỏ qua hình ảnh thực, các giới hạn,... mà soi chiếu để nhận ra sức sống mới của biểu tượng, từ đó nới dài biên độ của hình tượng cảm xúc con người. Tác giả luận án cho rằng, đây là một vấn đề lí luận có vai trò quan trọng trong việc gợi dẫn và chỉ ra bản chất của phương pháp tiếp cận tác phẩm văn chương theo thi pháp thể loại

(2) Tiếp cận từ quan điểm của lí luận và phương pháp dạy học

Tiếp cận từ phương diện lí luận và phương pháp dạy học, tác giả Phan Trọng Luận trong nhiều công trình nghiên cứu của mình đã rất quan tâm đến phát triển các năng lực tái hiện hình tượng trong dạy và học văn. Trong cuốn *Phân tích tác phẩm văn học trong nhà trường* năm 1977 ông đã chỉ ra con đường để đến với tác phẩm văn học là con đường trải qua nhiều chặng, nhiều bước, nhiều giai đoạn. Trên con đường đó, tái hiện hình tượng không chỉ đóng vai trò là công cụ hay là thao tác trong tiếp nhận tác phẩm văn học mà còn là một khâu trong quá trình truyền thụ nghệ thuật. Tác giả khẳng định:

“Tái hiện hình tượng tác phẩm không chỉ là một thao tác tư duy để đi vào thế giới tác phẩm mà còn là một bí quyết truyền thụ bài văn thành công” [57, tr.113]. Bên cạnh đó, vấn đề về tính đặc thù của quá trình liên tưởng và tưởng tượng trong cảm thụ sáng tạo cũng được tác giả bàn đến trong nhiều nghiên cứu khác như: Xã hội – Văn học – Nhà trường năm 1996; Cảm thụ và giảng dạy văn học năm 1983; Văn học giáo dục thế kỉ XXI năm 2006; Phương pháp dạy học văn, tập 1, năm 2012; Phương pháp giải mã văn bản văn học năm 2014. Trong các nghiên cứu này, tác giả đã đặt ra một câu hỏi lớn: “*Làm sao để những hình ảnh, thế giới nghệ thuật đi vào thế giới tâm linh của người đọc, nếu không thì cuộc sống nghệ thuật được tái hiện lên vẫn xa lạ, vẫn chưa lay động đến cảm xúc, tư duy của người tiếp nhận. Nơi cánh cửa này, vai trò của liên tưởng tưởng tượng cực kì quan trọng*” [63, tr. 124]. Như vậy, theo tác giả, năng lực tâm lí cùng với những trải nghiệm cá nhân có mối quan hệ mật thiết, nó được xem là cầu nối của liên tưởng và tưởng tượng trong việc chuyển hóa thế giới nghệ thuật của nhà văn vào đời sống tinh thần của người đọc để từ đó có thể cảm thụ tác phẩm được sâu sắc.

Cùng hướng nghiên cứu với các nhà phương pháp khác khi bàn về mối quan hệ giữa năng lực và tâm lí của chủ thể học sinh, tác giả Lâm Vinh trong cuốn *Giảng văn* năm 1981 cho rằng: “*Năng lực cảm thụ lệ thuộc rất nhiều vào sự phát triển của các quá trình tâm lí, quá trình nhận thức, đặc biệt là quá trình tư duy ngôn ngữ và liên tưởng*” [72, tr.150]. Từ nhận định của tác giả, chúng tôi cho rằng, hoạt động liên tưởng và tưởng tượng của người học vừa mang tính chất cảm tính lại vừa chứa đựng cả tính chất lí tính, đặc điểm này cũng phản ánh sự hạn chế bởi tính chất chủ quan của hoạt động liên tưởng trong tiếp nhận văn học. Do vậy, người giáo viên cần đặc biệt lưu tâm đến sự bảo tồn và nuôi dưỡng hoạt động phối hợp giữa liên tưởng và tưởng tượng trong quá trình tương tác tâm lí của chủ thể người học.

Lí giải về tiếp nhận thẩm mỹ và đặt ra những yêu cầu có tính nguyên tắc trong dạy học văn, tác giả Nguyễn Duy Bình trong cuốn *Dạy văn dạy cái hay – cái đẹp* năm 1983 đã đề cập đến vai trò của năng lực tái hiện hình

tượng. Theo ông, công việc cần thiết đối với người dạy văn là phải giúp học sinh tái hiện và chuyển hóa hình tượng nghệ thuật vào thế giới tinh thần của mình; chỉ có như vậy, quá trình tổ chức giao tiếp trong dạy và học Ngữ văn mới diễn ra quy luật tiếp nhận nghệ thuật của nó. Để chứng minh cho quan điểm này, tác giả nhấn mạnh: *“Một khi các em chưa tái hiện được hình tượng trong tâm trí của mình thì tác phẩm văn học vẫn là một hiện tượng xa lạ, các em chưa được tiếp xúc với nó, do đó khó mà hiểu được lời phân tích dẫn dắt của giáo viên”* [3, tr. 40]. Chúng tôi cho rằng, đây là một trong những luận đề có ý nghĩa quan trọng trong việc chỉ ra mối quan hệ giữa bản chất, nội dung và phương pháp của quá trình dạy học văn.

Ở một hướng đánh giá có tính hệ thống và lô gíc về hoạt động đọc, tác giả Đỗ Huy Quang trong các nghiên cứu của mình đã bàn chi tiết và sâu sắc về lí luận về hoạt động học văn, phân tích mối quan hệ bên trong và bên ngoài. Từ đó khẳng định vấn đề hoạt động học là sản phẩm, là điều kiện thực thi quan điểm dạy học văn mới theo hướng dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm. Tác giả đã xuất phát từ việc khảo sát thực tiễn dạy học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông để đánh giá vai trò của bạn đọc sáng tạo ở HS, những biểu hiện tính chủ thể tích cực thông qua hoạt động học. Trong luận án Phó Tiến sỹ Khoa sư phạm - Tâm lý *“Những hình thức hoạt động của học sinh trong giờ dạy học tác phẩm văn học ở phổ thông trung học”* năm 1996 đã đề xuất một số hình thức hoạt động học của HS như sau: 1) Hoạt động đọc văn; 2) Hoạt động tái tạo thế giới hình tượng; 3) Hoạt động phân tích; 4) Hoạt động đánh giá giá trị của tác phẩm; 5) Hoạt động tự bộc lộ, tự kiểm tra, tự nhận thức của chủ thể học sinh [80, tr.27]. Như vậy, tác giả đã mô hình hóa các dạng thức hoạt động tiếp nhận tác phẩm văn chương của chủ thể người học, đặc biệt tái hiện thế giới hình tượng được xem là một trong những hoạt động quan trọng để khám phá tác phẩm.

Bên cạnh đó, bàn về bí quyết của việc dạy văn, tác giả Đặng Hiền sau khi bàn về sức hấp dẫn của một giờ văn và con đường khám phá tác phẩm, đã đề cao vai trò của năng lực tái hiện hình tượng trong tiếp nhận. Ông cho rằng,

thế giới hình tượng trong tác phẩm là một thế giới giả định nhưng nó sống động không kém thế giới thật và tự nó đã có một ma lực cuốn hút người đọc. Tác giả nhận định: *“Người thầy dạy văn phải đưa học sinh vào thế giới sống đó bằng cách vừa tái hiện nó vừa giúp học sinh tri giác, quan sát nó đồng thời nhận xét, đánh giá nó”*[39, tr. 54]. Rõ ràng, tác giả đã xem hoạt động tái hiện hình tượng là con đường ngắn hiệu quả nhất để bước vào khám phá và kiến tạo thế giới nghệ thuật trong tác phẩm.

Tiếp tục mở rộng quan điểm trên, tác giả Nguyễn Thanh Hùng đã nhìn nhận, đánh giá văn học trong sự vận động và biến đổi của nó, sau khi nghiên cứu tác phẩm như mô hình để nhận ra bình diện mới về nội dung và nghệ thuật cho tác phẩm. Người viết đã chỉ ra vai trò của năng lực liên tưởng và tưởng tượng trong sáng tạo hình tượng của nhà văn cũng như mối quan hệ hữu cơ giữa liên tưởng và tưởng tượng đối với việc kiến tạo hình tượng của bạn đọc. Theo ông: *“Hành động sáng tạo hình tượng văn học trông cậy rất nhiều vào sự hình dung và trí tưởng tượng. Tưởng tượng có được là nhờ vào hỗ trợ của liên tưởng. Liên tưởng có được là nhờ vào sự phong phú của trí nhớ”*[46, tr. 120]. Đặc biệt, quan điểm này cũng thể hiện xuyên suốt trong các nghiên cứu về quá trình đọc hiểu tác phẩm văn chương, tác giả lưu ý: *“Hoạt động đọc văn trước hết phải huy động khả năng tri giác ngôn ngữ để tìm hiểu không chỉ các tầng lớp ý nghĩa, mà còn thức tỉnh cảm xúc, khơi dậy năng lực liên tưởng, tưởng tượng để tái hiện thế giới nghệ thuật của tác phẩm”*[46, tr.24]. Như vậy, tác giả luận án nhận thấy, cơ chế vận hành của tâm lí nói chung và hoạt động liên tưởng, tưởng tượng nói riêng chi phối trực tiếp đến quá trình xây dựng biểu tượng và tái hiện hình tượng trong tiếp nhận của bạn đọc.

Theo quan điểm của tác giả Nguyễn Trọng Hoàn, để chiếm lĩnh và cảm thụ giá trị tác phẩm hiệu quả, điều quan trọng là phải xác lập được cách tư duy. Trong cuốn *Rèn tư duy sáng tạo trong dạy học tác phẩm văn chương* năm 2003, người viết đã tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa hoạt động liên tưởng và tưởng tượng của người học trong giờ dạy học tác phẩm văn chương và soi quét nó trong một hệ thống lí luận. Từ việc xác định năng lực

liên tưởng, tưởng tượng như những yếu tố then chốt để giải mã văn bản, tác giả đã đi vào phân tích các điều kiện, cơ chế vận hành của tâm lí, mối quan hệ tương tác giữa liên tưởng và tưởng tượng với các hoạt động khác của tư duy sáng tạo để từ đó làm nên tính đặc thù của quá trình tiếp nhận văn học ở nhà trường. Theo tác giả: *“Liên tưởng tưởng tượng nghệ thuật trong dạy học văn được xem là những phương thức tư duy tự khám phá, tự tiếp cận và tự chiếm lĩnh kiến thức để phát triển và hoàn thiện tâm hồn, trí tuệ và cũng như nhân cách học sinh”*[41, tr.13].

Tác giả Phạm Toàn là một trong những người coi trí tưởng tượng như là một kĩ thuật tham gia vào quá trình tái hiện hình tượng, vừa là cầu nối dẫn học sinh đến với giá trị văn hóa, vừa như một thao tác để tái hiện nội dung tác phẩm theo hướng đánh thức trong tình cảm của người học từ các hiệu ứng tâm lí. Ông chỉ ra: *“Các em phải tự mình làm lại cái hình tượng đã được những người đi trước công phu tạo dựng nên. Các em phải sống hết như chính các em là những người tiên bối đó trong việc tạo dựng hình tượng”*[93, tr. 365]. Đặc biệt, nhà nghiên cứu này đã nhận định thao tác tái hiện như một công cụ để đến với hình tượng nghệ thuật, nó được xem như một năng lực tinh thần của con người. Tác giả Phạm Toàn cho rằng: *“Năng lực tưởng tượng của trẻ em khi đọc văn học sẽ lộ ra cái hình tượng nghệ thuật các em đang tự mình cùng bạn bè tạo dựng ngay trong giờ học”*[93, tr.336]. Như vậy, có thể hiểu, tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng không chỉ là hệ thống thao tác mà còn là phương tiện tư duy đặc biệt để học sinh tiếp nhận văn học và đưa nghệ thuật gần gũi hơn với hiện thực đời sống.

Theo tác giả Nguyễn Thị Thanh Hương, tiềm năng của văn bản văn học không chỉ dừng lại ở việc phản ánh hiện thực mà còn có khả năng tổ chức, điều khiển các rung động thẩm mỹ, kích thích, khơi gợi trí liên tưởng, tưởng tượng, tình cảm và ý chí của bạn đọc. Việc thưởng thức văn bản văn học đã thể hiện một hành vi sáng tác, độc giả trở thành người sáng tác lại, bổ sung hoàn thiện và xác định các giá trị của tác phẩm. Bởi vì, xét cho cùng, quá trình phân tích tác phẩm văn học chính là sự vận hành, chuyển hóa từ văn bản của tác giả sang sự

tiếp nhận ở bạn đọc thông qua sự tương tác tâm lí, mà cụ thể ở đây là được thực hiện bằng thao tác liên tưởng, tưởng tượng và tái hiện. Thực chất mối quan hệ giữa học sinh với tiềm năng của văn bản là mối quan hệ liên chủ thể nhà văn và bạn đọc học sinh. Đọc tác phẩm là thực hiện đối thoại ngầm với chủ thể thẩm mỹ thông qua văn bản, nhằm tạo ra một sự hòa đồng giữa hai thế giới, một thế giới do tác phẩm hàm chỉ và một thế giới mà các em xây dựng được trong lúc đọc tác phẩm. Mối quan hệ ấy có thể hiểu là cuộc giao tiếp, học sinh sẽ tìm ra mình, sẽ hoàn thiện nhận thức, sẽ hứng thú và phấn chấn khi đọc tác phẩm, tự suy nghĩ về những kinh nghiệm của mình về cái họ đã trải qua và biết được bằng năng lực tâm lí. Tác giả nhấn mạnh: “*Dựa vào liên tưởng và trí tưởng tượng học sinh có thể theo dõi diễn biến ý nghĩ của tác giả*”[49, tr. 44]. Như vậy, chúng tôi cho rằng, mối quan hệ giữa bạn đọc học sinh với văn bản thực chất là mối quan hệ giữa sự sáng tạo và sự tiếp nhận văn bản.

Gặp gỡ và thống nhất với các nhà nghiên cứu phương pháp dạy học Ngữ văn khi bàn về vai trò của bạn đọc tích cực trong việc chiếm lĩnh văn bản, tác giả Phạm Thị Thu Hương trong cuốn *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông* năm 2012 đã lí giải văn bản văn chương là một hệ thống mở với cấu trúc đa tầng. Để giải mã được nó, bạn đọc phải vượt qua nhiều chặng, quá trình ấy được bắt đầu từ sự tri giác ngôn ngữ cho đến sự thấu cảm tinh tế nơi bề sâu bên trong của thế giới hình tượng, và tại đó, chính tưởng tượng sẽ trực tiếp thực hiện chức năng quan trọng này. Tác giả nhấn mạnh: “*Đọc là quá trình được nhập thân, được sống cùng bầu khí quyển nhân vật là vì thế. Hình dung tưởng tượng làm đầy đặn nhân vật lên, cho chúng dáng dấp hình hài, bước ra từ tác phẩm và giao tiếp với độc giả, thậm chí tưởng tượng còn “nối dài” đời sống cho nhân vật khi câu chữ đã khép lại bằng kết thúc*”[51, tr. 43]. Từ ý hướng này, chúng tôi nhận thấy rằng, hình dung, liên tưởng, tưởng tượng, tái hiện được xem là những công cụ tư duy hữu hiệu để bạn đọc học sinh khám phá tác phẩm, bổ sung vào khoảng trống những điều mà nhà văn chưa nói hết, mở rộng thêm khung khổ phản ánh và nối dài biên độ tồn tại của hình tượng nhân vật.

Như vậy, các nhà nghiên cứu về phương pháp dạy học văn đã làm rõ các khía cạnh, bình diện về vai trò của năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng trong quá trình tổ chức tiếp cận tác phẩm văn học. Tác giả luận án nhận thấy, đây là hướng đi quan trọng, cần thiết và hữu ích cho việc phát triển năng lực tiếp nhận cho học sinh trong dạy học truyện ngắn ở nhà trường phổ thông.

1.2. Tình hình nghiên cứu về vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng trong dạy học truyện ngắn

1.2.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

Cuối thế kỉ XIX, không chỉ riêng truyện ngắn, mà thi pháp văn xuôi tự sự cũng được nghiên cứu mở rộng; trong đó, cần phải kể đến các phát hiện về chức năng của tưởng tượng khi gắn với bản chất hoạt động đọc trong truyện kể của Todorov. Từ quá trình phân tích vai trò của trí tưởng tượng khi đọc, ông đã đặt câu hỏi về cách thức riêng để xây dựng được một thế giới tưởng tượng khi tiến hành đọc và đọc theo cách nào?. Để trả lời câu hỏi trên, ông đã bắt đầu xác nhận các yếu tố đơn giản nhất của văn bản như: diễn ngôn có tính quy chiếu, những bộ lọc của truyện kể, ý nghĩa và biểu tượng hóa (biết được điều xảy ra khi đọc). Từ việc phân tích như vậy, Tzvetan Todorov đi đến kết luận: *“Tưởng tượng có chức năng như một bộ lọc thông tin từ sự chân xác của kiểu thức, thời gian và cách nhìn trong thế giới được miêu tả”*[97, tr.237].

Những năm đầu của thế kỉ XX, nghiên cứu về phương pháp dạy học truyện ngắn cũng được bàn đến một cách sâu rộng. Vào cuối năm 2000, Bộ giáo dục Kentucky (Hoa Kỳ) đã tổ chức hội thảo để bàn về chủ đề *Teaching the Short Story* dành cho giáo viên. Trong hội thảo, các chuyên gia hàng đầu như: Packet, Star Lewis, Dewey Hensley, Darlene, Mary Duncan, Marianne Mosley, Lynda Thomas,... đều đề cập trực tiếp đến các vấn đề quan trọng về dạy học thể loại truyện ngắn. Các tham luận đã tập trung vào những nội dung sau đây: cách viết một truyện ngắn của học sinh; các thành phần của truyện ngắn; các cách để phát triển cốt truyện; cách tiếp cận phân lớp để giảng dạy truyện ngắn; tổng hợp các quan sát để nhận ra sự thay đổi của nhân vật. Đặc biệt, khi bàn về các phương thức để tiếp cận nhân vật, các chuyên gia cho

rằng: “*Tư tưởng, hành động và suy nghĩ của nhân vật là những thứ quan trọng để người học có thể tưởng tượng ra sự bộc lộ của nhân vật*”[123].

Cùng với quan điểm trên khi bàn về phương pháp đọc hiểu thông qua truyện ngắn, tác giả Parvin Ghasemi (Iran) trong cuốn tạp chí có tên là *Teaching Comprehension through Short Story* năm 2011 cho rằng, câu chuyện ngắn như một thể loại văn chương đa ngôn ngữ có thể tương tác để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và phân tích văn bản. Tác giả lưu ý, giáo viên có thể kích thích trí tưởng tượng của học sinh trong khi đọc văn bản, đồng thời luôn nhắc nhở họ rằng: “*Hãy tưởng tượng mình đang trong hoàn cảnh được gợi ý từ văn bản*”[125]. Như vậy, theo Parvin Ghasemi, đọc nhập thân có thể giúp người học phát huy khả năng tái hiện, tưởng tượng sáng tạo và cảm thụ văn bản truyện ngắn được sâu sắc.

Gặp gỡ với tư tưởng dạy học trên, Tác giả Pearson (nhà văn Mỹ) trong chuyên luận *10 tips for teaching short story* năm 2014 đã đề xuất các hoạt động trong giờ học. Theo tác giả, để nâng cao hiệu quả dạy học truyện ngắn cần thực hiện nhiều hình thức tiếp cận như: khuyến khích khám phá cá nhân; đọc từng câu chuyện nhiều hơn một lần; nắm lấy cơ hội để thảo luận xuyên văn hóa; tiến hành một cuộc tranh luận về một chủ đề trung tâm; nâng cao kỹ năng tư duy phê bình thông qua phân tích văn học; chỉ định các hoạt động viết nhằm kéo dài giới hạn của học sinh (viết nhật ký về phản ứng của họ đối với một câu chuyện, tiến hành các cuộc phỏng vấn về các vấn đề được nêu ra trong câu chuyện, sử dụng hình ảnh của câu chuyện làm hình ảnh mẫu để quan sát và mô tả, tương phản một câu chuyện với một câu chuyện khác). Từ sự phân tích và xác lập các hướng tiếp cận truyện ngắn như trên, tác giả đi đến kết luận: “*Bằng cách tưởng tượng có thể làm phong phú kỹ năng ngôn ngữ truyện ngắn cho người học*”[124].

Cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, khi bàn về hướng tiếp cận truyện ngắn và những nội dung liên quan, giới nghiên cứu cũng quan tâm hơn đến vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng. Những năm gần đây, dạy học truyện ngắn được bàn luận sôi nổi trong các hội thảo khoa học, và trên các

trang Blog cá nhân như: *Teaching the Short Story to improve reading and writing skill* năm 2011 của Parvin Ghasemi (Iran); *Teaching a Short Story Unit: An Overview* của Lenzi Hart; *Imagination and Creativity in Literary Stories* năm 2015 của William H. Coles (nhà văn Mỹ); *Why is Character an Important Element in Short Stories* năm 2017 của Kate Prudchenko (India); *The power of Short Story* năm 2017 của Tim Harris (Australia); *Strategies for Teaching Short Story* năm 2017 của Lindsey Row Hyveld và Jennifer Janecek (Anh). Đặc biệt cần phải chú ý đến các bài báo khoa học trong cuốn tạp chí *Teaching Short Story through Critical Thinking* năm 2012 của Mukti Prakash Thapliya đến từ đại học Canterbury (New Zealand). Theo tác giả, khuyến khích tư duy phản biện của học sinh là một chiến lược chi phối toàn bộ quá trình dạy học truyện ngắn của giáo viên, đồng thời giúp cho học sinh biết tư duy độc lập, chủ động dự kiến những tình huống có thể xảy ra và phát triển trí tưởng tượng sáng tạo. Tác giả đặc biệt lưu ý: “*Truyện ngắn có một tiềm năng độc đáo để kích thích trí tưởng tượng, và sử dụng trí tưởng tượng có thể gợi ý các câu trả lời khác nhau*”[122].

Như vậy, năng lực tiếp nhận của học sinh trong dạy học truyện ngắn đã được các nhà khoa học trên thế giới quan tâm. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy, về cơ bản các nghiên cứu về truyện ngắn nêu trên chủ yếu tập trung phân tích vai trò của trí tưởng tượng, chưa thực sự đề cập một cách sâu rộng về năng lực tái hiện hình tượng và liên tưởng trong sự phối hợp giữa chúng với tư duy của người học. Do vậy, vấn đề lí luận quan trọng này đã gợi mở và định hướng cho tác giả luận án có thêm những nhận thức tổng quan để thiết lập các luận thuyết cho đề tài.

1.2.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Ở Việt Nam, vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học truyện ngắn được các nhà phương pháp quan tâm.

Trần Thanh Đạm trong công trình *Vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo loại thể* năm 1974 đã xác lập mối quan hệ giữa lí luận về và phương pháp dạy học thể loại. Theo tác giả, phương thức cấu tạo hình tượng bao giờ cũng quy

định phương thức chiếm lĩnh hình tượng, bản thân nó bao giờ cũng tái hiện bóng dáng cuộc sống, kêu gọi cảm xúc và suy nghĩ. Do vậy, nếu bản thân người đọc muốn cảm thụ đầy đủ hình tượng thì trong liên tưởng, tưởng tượng phải đặt mình vào cảnh huống và tâm trạng ấy. Ông cho rằng: “*Khi đọc thiên truyện ngắn, ta tưởng tượng như mình đang chứng kiến, đang theo dõi số phận của nhân vật qua các môi trường, các cảnh ngộ, đồng tình, thông cảm với họ hay tức tối, bức bối vì họ*”[24, tr.30]. Như vậy, tác giả đi sâu vào nghiên cứu truyện ngắn như là một thể loại điển hình với các đặc trưng cơ bản như: cốt truyện, nhân vật và lời kể. Theo đó, cần chú trọng các yêu cầu về mặt phương pháp là: làm cho học sinh nắm vững được sự phát triển của cốt truyện; phát huy năng lực tái hiện và tưởng tượng của học sinh để có thể cảm thụ được sâu sắc, đồng thời đánh giá đúng đắn nhân vật trong tác phẩm; qua đó làm cho học sinh hiểu được ý vị trong lời kể. Theo chúng tôi, đây là một hướng tiếp cận hết sức khoa học theo đặc trưng thể loại nhằm hướng đến xác lập một hệ thống các biện pháp phù hợp để tiếp nhận truyện ngắn được hiệu quả.

Tác giả Nguyễn Trọng Hoàn khi phân tích và đề xuất phương pháp luận trong rèn luyện tư duy văn học đã tập trung xác lập mối quan hệ hữu cơ giữa các điểm sáng thẩm mỹ trong tác phẩm. Đặc biệt, với truyện ngắn, những chi tiết, sự việc, sự kiện, tình huống,... luôn được xác định là những địa hạt chứa đựng tiềm năng thẩm mỹ để kích hoạt cơ chế tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng. Theo tác giả: “*Liên tưởng, tưởng tượng trong người đọc thường được bắt nguồn từ những chi tiết cụ thể. Cùng với chi tiết, những tình huống nghệ thuật bao giờ cũng hàm chứa khả năng liên tưởng và tưởng tượng; mỗi chặng của tình tiết, mỗi biến cố, bước ngoặt của cuộc đời hay số phận được miêu tả trong văn học xác định một hướng hay một trường liên tưởng tưởng tượng*”[41, tr.105]. Từ mạch ý này, chúng tôi cho rằng, để có thể tiếp nhận truyện ngắn được hiệu quả, giáo viên cần quan tâm sâu sắc đến việc gắn kết các yếu tố thi pháp thể loại với liên tưởng và tưởng tượng trong tâm lí chủ thể người học.

Gần hơn với hướng nghiên cứu trên khi bàn về phương pháp đọc truyện ngắn, tác giả Hà Nguyễn Kim Giang trong công trình *Phương pháp đọc diễn*

cảm năm 2010 sau khi phân tích hệ thống lí thuyết của truyện ngắn như: cốt truyện, kết cấu, giọng điệu, cái nhìn, lời kể,... đã đưa ra nguyên tắc về phương pháp đọc thể loại này. Về cơ bản truyện ngắn có tính hiện thực, sắc điệu cơ bản của truyện ngắn là sắc điệu ngôn ngữ hội thoại bình thường, vì thế khi trình bày phải sử dụng các ngữ điệu phong phú để tái hiện và dựng lại bức tranh âm thanh nghệ thuật của nó. Bên cạnh đó, tác giả nhấn mạnh đến vai trò của hệ thống chi tiết trong việc miêu tả chân dung, ngoại hình, phong cảnh và tâm lí; đặc biệt tác giả xem: “*Chi tiết liên tưởng, tưởng tượng là những chi tiết mà không nghệ thuật nào diễn tả và nói hết được*” [26, tr. 88]. Như vậy, theo tác giả, việc vận dụng năng lực liên tưởng, tưởng tượng để phân loại và hệ thống chi tiết nghệ thuật có thể xem như là một phương pháp cần chọn lựa để đọc truyện ngắn được hiệu quả.

Cũng bàn đến dấu hiệu thi pháp và đề xuất cách thức tiếp cận truyện ngắn, nhưng tác giả Lê Tuyết Hạnh cho lại quan tâm nhiều hơn đến yếu tố thời gian nghệ thuật trong cấu trúc văn bản. Tác giả cho rằng, khi sự việc xảy ra cũng chính là lúc nhân vật có nhận thức hay cảm xúc về nó. Đồng thời, những nhận thức, cảm xúc này thường nối tiếp nhau không có lí do, ngoài ý muốn chủ quan của nhân vật, nó xảy ra từ thực tế khách quan như thế nào thì được phản ánh và tái hiện vào trong tâm lí nhân vật như thế ấy, khi nhân vật có nhận thức hay cảm xúc thì người kể chuyện cũng có nhận thức và cảm xúc tương tự. Đặc biệt, nhấn mạnh đến hệ thống các nhân tố tác động quyết định đến quá trình chuyển hóa tâm lí của nhân vật. Tác giả lưu ý: “*Tâm lí nhân vật chịu sự chi phối của cơ chế liên tưởng và tưởng tượng – một cơ chế vận động không giới hạn*” [37, tr.152]. Rõ ràng, sự đồng nhất và duy nhất của điểm nhìn người kể chuyện dẫn đến nhân vật chịu sự chi phối của quy luật tâm lí; lúc này, liên tưởng, tưởng tượng và cảm xúc cho phép người kể chuyện có thể tái hiện để nhận ra sự đồng tị về thời gian trong qua trình tổ chức cốt truyện.

Tiếp tục bổ sung thêm một số đường hướng tiếp nhận thể loại tự sự, đặc biệt là truyện ngắn, Tác giả Trần Đăng Suyền trong cuốn *Phương pháp nghiên cứu và phân tích tác phẩm văn học* năm 2012 đã chỉ ra mối quan hệ và

sự chi phối lẫn nhau giữa các yếu tố đặc trưng thi pháp của truyện ngắn như chi tiết, tình huống, điểm nhìn, và đặc biệt là lời kể đối với quá trình tiếp nhận của bạn đọc. Theo ông, một câu chuyện hay là tự nó phải sống qua lời kể, khi phân tích lời kể trong truyện cần chú trọng chỉ ra được sức mạnh gợi tả của ngôn từ, chỉ rõ vai trò của từ ngữ và câu văn, sự tác động nghệ thuật bởi cách viết và lời kể của tác giả. Tác giả nhấn mạnh: “*Nhà văn kể truyện bằng ngôn từ, vì thế để có thể tái hiện được những sự kiện, cảnh vật và con người trong truyện người đọc chỉ có thể tưởng tượng ra nhờ sự kêu gọi của lời kể*”[86, tr.126]. Như vậy, chúng tôi cho rằng, để có thể dạy học truyện ngắn hiệu quả, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến vai trò của lời kể trong quá trình tổ chức cốt truyện và ý đồ sáng tạo của nhà văn.

Vấn đề tiếp nhận văn học của học sinh với tư cách là bạn đọc sáng tạo tiếp tục được tác giả Đỗ Tiên Sỹ bàn đến trong cuốn *Phong cách nhà văn và đọc hiểu tác phẩm văn chương* năm 2012. Theo tác giả, đọc văn là kêu gọi khả năng tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng, phân tích, bình giá hình tượng nghệ thuật để đạt đến hành trình đồng sáng tạo. Đặc biệt, đối với đọc thể loại truyện ngắn, cần chú ý đến tình tiết, hành động, suy nghĩ của nhân vật, những đánh giá, bình luận của tác giả, phương tiện trình bày nghệ thuật độc đáo. Từ quan điểm lí luận khoa học như trên, tác giả đi đến phân tích các yêu cầu cụ thể và đề xuất biện pháp đọc sáng tạo đối với truyện ngắn như sau: “*Trong quá trình dạy học nên tạo điều kiện và đòi hỏi học sinh đọc những đoạn quan trọng phải gắn liền với trí tưởng tượng và suy nghĩ thống nhất trong toàn thể tác phẩm, kêu gọi và kích ứng tư duy sáng tạo*”[93, tr.226]. Chúng tôi cho rằng, tác giả đã chỉ ra khả năng tác động của tưởng tượng đến các nhân tố tiền đề của truyện ngắn trong quá trình đọc sáng tạo để khám phá bề sâu của tác phẩm.

Tác giả Nguyễn Viết Chũ trong các nghiên cứu của mình đã dựng công định vị về phương pháp dạy học văn từ góc nhìn của thi pháp thể loại. Trong cuốn *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường* năm 2015 người viết đã bàn trực tiếp về biện pháp dạy học truyện ngắn hiện đại ở phương diện sử dụng các dạng câu hỏi như là chất men kích thích để tổ chức

dạy học. Tác giả cho rằng, sức mạnh văn chương là ở hình tượng, không có năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng thì không có khoái cảm thẩm mỹ. Đồng thời, vấn đề hình thành năng lực tái hiện hình tượng đòi hỏi phải có một quá trình trong sự tác động đa chiều, nhất là thông qua sử dụng câu hỏi. Tác giả đã phân tích hàng loạt truyện ngắn và đi đến kết luận: “*Câu hỏi tưởng tượng và tái hiện như một chất kích thích thiêng liêng để năng lực tái hiện hình tượng phát triển*”[17, tr.34]. Chúng tôi nhận thấy, đây là một luận điểm khoa học có ý nghĩa sâu sắc về phương pháp luận trong dạy học thể loại truyện ngắn.

Tác giả Hoàng Văn Vĩnh trong luận án Tiến sỹ Khoa học sư phạm “*Dạy học truyện ngắn 1945 – 1975 cho học sinh THPT theo hướng hoạt động sáng tạo*” năm 2015 đã bàn luận một cách chi tiết về các hoạt động, các bước phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện ngắn của giáo viên để phát huy khả năng tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng của học sinh. Cụ thể như sau: 1) sắp xếp các chi tiết, bổ sung những nét khuất, khoảng trống nhà văn chưa phản ánh hết về nhân vật, hình dung, tưởng tượng, tái hiện bức tranh toàn vẹn về nhân vật; 2) mô hình hóa con đường đi của nhân vật theo thời gian, không gian, dòng quan hệ của nhân vật; 3) dự đoán ý nghĩ, tâm trạng, hành động của nhân vật; 4) liên tưởng nhân vật này với nhân vật khác. Đặc biệt, trong công trình này, tác giả lưu ý thêm: “*Mỗi hình tượng nhân vật là phát ngôn cho chủ đề, muốn làm rõ giá trị nghệ thuật của hình tượng nhân vật cần phân tích ý nghĩa của hệ thống chi tiết, cách tốt nhất là đặt vào hình dung tưởng tượng của bạn đọc*”[104, tr. 83]. Rõ ràng, phân tích nhân vật theo đặc trưng của thi pháp thể loại có thể phát huy tốt năng lực liên tưởng, tưởng tượng của người học trong quá trình tiếp nhận truyện ngắn.

Bên cạnh đó, dạy học truyện ngắn ở lớp 12 còn là vấn đề quan tâm của nhiều nghiên cứu sinh và các thầy cô giáo đang trực tiếp đứng lớp, có thể kể đến các công trình nghiên cứu sau: Đỗ Đức Phúc (2009), *vận dụng phương pháp dạy học vào giảng dạy truyện ngắn Việt Nam hiện đại chương trình Ngữ văn 12, ban cơ bản*; Đỗ Thị Hoa (2010), *Dạy đọc hiểu truyện ngắn VN 12 CB*

ở trường THPT; Tăng Thị Ngọc Tú (2010), *Một số biện pháp tăng cường sự chú ý của học sinh trong dạy học truyện ngắn Việt Nam 12 (ban cơ bản)*; Trần Thị Thu (2012), *Kết hợp hướng tiếp cận trong dạy học truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu lớp 12 trung học phổ thông*; Hoàng Thị Phương Thùy (2012), *Biện pháp nâng cao chất lượng bài học “Chiếc thuyền ngoài xa” ở lớp 12 THPT theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh*; Nguyễn Thị Hòa (2014), *Sử dụng bản đồ tư duy vào dạy học đọc hiểu văn bản truyện (1930 – 1945) SGK Ngữ văn 12 THPT*; Nguyễn Thị Hường (2014), *Hướng dẫn học sinh đọc hiểu giá trị truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu SGK Ngữ văn 12*; Nguyễn Hữu Đình (2015), *Dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh qua một số tác phẩm lớp 12 chương trình chuẩn*; Đặng Quốc Phục (2015), *Tiếp cận và dạy học truyện ngắn Việt Nam hiện đại chương trình Ngữ văn 12 theo đặc trưng thể loại,...* Từ việc phân tích, chúng tôi nhận thấy, các công trình trên đã làm rõ nhiều phương diện khác nhau trong dạy học truyện ngắn, tuy nhiên vấn đề vận dụng hoạt động tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng để đọc hiểu truyện ngắn ở lớp 12 hiệu quả lại chưa được quan tâm đúng mức.

Như vậy, tác giả luận án cho rằng, các nghiên cứu trên đã bàn đến phương pháp, biện pháp dạy học truyện ngắn tương đối sinh động và cụ thể. Tuy nhiên, vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng lại chưa thực sự bàn đến một cách trực diện và sâu sắc. Do đó, với việc thực hiện đề tài “*Phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng cho học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12*”, chúng tôi sẽ tiếp tục triển khai những nội dung mà ngành khoa học phương pháp dạy học văn đã và đang tiến hành theo quan điểm học sinh là chủ thể sáng tạo. Kế thừa những thành tựu của lí luận dạy học, lý thuyết liên ngành, lý thuyết tiếp nhận, những nghiên cứu thi pháp truyện ngắn Việt Nam,... luận án hướng đến việc dạy thể loại truyện ngắn cho học sinh lớp 12 THPT đạt hiệu quả cao hơn.

Tiểu kết chương 1

Sau khi tìm hiểu tổng quan về vấn đề phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng trong dạy học nói chung và dạy học Ngữ văn nói riêng, chúng tôi đi đến một số kết luận sau đây:

Vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng đã được giới nghiên cứu trên thế giới bàn đến, các nhà khoa học đều thống nhất rằng, chuỗi hoạt động tâm lí này có vai trò quan trọng trong hoạt động nhận thức của con người. Trong mọi lĩnh vực của đời sống, năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng được coi như một nguyên tắc, là cội nguồn của sự sáng tạo. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy, các công trình nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở những gợi dẫn mang tính phổ quát, còn nặng về mặt lí thuyết mà chưa đề cập đến các phương diện đặc thù có ý nghĩa phương pháp luận trong dạy học nói chung và dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường nói riêng.

Ở Việt Nam, giới nghiên cứu đã đặt ra vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng. Các nhà khoa học đi sâu vào phân tích vị trí, vai trò, cấu trúc, con đường và cơ chế vận hành của hoạt động tiếp nhận văn học. Mặc dù vậy, chúng tôi nhận thấy, việc vận dụng lí thuyết tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng để tìm ra phương pháp dạy học hiệu quả cho từng thể loại cụ thể lại chưa được giải quyết triệt để.

Riêng truyện ngắn và vấn đề dạy học truyện ngắn ở lớp 12, chúng tôi nhận thấy có không ít công trình nghiên cứu đề cập đến thể loại này ở nhiều cấp độ khác nhau. Tuy nhiên, việc trực tiếp đề xuất những phương pháp cụ thể để vận dụng năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học truyện ngắn lại thực sự chưa được quan tâm đúng mức và sâu sắc.

Từ việc tóm lược tình hình nghiên cứu về vấn đề tái tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng trong dạy học trên thế giới và ở Việt Nam như trên, có thể thấy trong nghiên cứu về dạy học thể loại truyện ngắn đã được quan tâm vận dụng, nhưng về cơ bản vẫn chưa đạt kết quả như mong muốn. Do vậy, với việc thực hiện đề tài này, chúng tôi hi vọng sẽ đóng góp một phần nhỏ vào giải quyết những vấn đề mà lí luận và phương pháp dạy học còn đang để ngỏ.

CHƯƠNG II

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI

2.1. Cơ sở lý luận:

2.1.1. Phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho HS là một mục tiêu quan trọng trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12

2.1.1.1. Quan niệm về phát triển

Có thể nói, thuật ngữ phát triển được tất cả các ngành khoa học sử dụng để lí giải về bản chất vận động mang tính quá trình của đối tượng nghiên cứu theo một quy luật riêng. Chúng tôi cho rằng, để xác lập một điểm nhìn đúng đắn về sự phát triển năng lực trong dạy học, chúng ta cần lí giải một cách tường minh về nội hàm của sự phát triển.

- Theo *Từ điển Tiếng Việt thông dụng*, Nxb Giáo dục (2003) của tác giả Nguyễn Như Ý, phát triển được hiểu là: “*Vận động, tiến triển theo chiều hướng tăng lên*”[111, tr.590].

- Trong triết học, phát triển là một là quá trình vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của một sự vật. Quá trình vận động đó diễn ra vừa dần dần, vừa nhảy vọt để đưa tới sự ra đời của cái mới thay thế cái cũ. Sự phát triển là kết quả của quá trình thay đổi dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, quá trình diễn ra theo đường xoắn ốc và hết mỗi chu kỳ sự vật lặp lại dường như sự vật ban đầu nhưng ở mức cao hơn. Từ quan điểm của triết học siêu hình, phát triển được hiểu là sự tăng lên hay giảm đi đơn thuần về mặt lượng, không có sự thay đổi gì về mặt vật chất của sự vật. Đối lập với siêu hình, triết học biện chứng cho rằng: “*Phát triển là quá trình tiến lên từ thấp đến cao, quá trình đó diễn ra dần dần, vừa nhảy vọt, đưa tới sự ra đời của cái mới thay thế cái cũ*”[7, tr. 215]. Có nghĩa là, dù trong hiện thực hay tư duy, sự phát triển diễn ra không phải lúc nào cũng theo đường thẳng mà rất quanh co phức tạp, thậm chí có những bước lùi tạm thời, tụt lùi đi xuống với nghĩa là làm tiền đề, điều kiện cho sự vận động đi lên và hoàn thiện.

- Bổ sung thêm cho nhận thức con người về sự phát triển, các nhà nghiên cứu về tâm lý học phát triển lý giải rằng, trên thực tế, sự phát triển tâm lý của mỗi cá nhân hoặc một nhóm người nào đó bao giờ cũng diễn ra trong một quá trình. Đó là quá trình vận động, biến đổi của một thực thể. Nó bao hàm hàng loạt thay đổi có sự ràng buộc bên trong với nhau, có lúc từ từ, tiệm tiến, có lúc nhảy vọt, nhưng cũng có lúc dậm chân tại chỗ, thậm chí thụt lùi tạm thời. Đó là một quá trình phức tạp như phép duy vật biện chứng đã khẳng định. Các tác giả nhấn mạnh: “*Phát triển là sự biến đổi về phương diện cấu trúc hay tổ chức lại những cái đã có. Kết quả là tạo ra cái mới*”[40, tr.21]. Như vậy, tính chất chung của sự phát triển là một quá trình có chiều hướng tích cực, đi lên nhằm tạo ra cái mới ở mức độ ngày càng cao hơn, phức tạp hơn, phong phú và tinh tế hơn so với cái cũ.

- Xin lưu ý thêm rằng, trong quá trình phát triển của sự vật, chúng ta cần phải tuân thủ các điều kiện và tính chất sau: “*Tính chủ quan; tính khách quan; tính phổ biến; tính đa dạng phong phú; tôn trọng nguyên tắc của sự vật; không được hình thành định kiến; tin vào khuynh hướng và tạo điều kiện để sự vật phát triển*”[7, tr. 216]. Bởi vì, tâm lý của mỗi cá thể, mỗi nhóm tuổi được phát triển như là một hệ thống phức tạp nhất của những cơ cấu khác nhau có liên quan, tác động phụ thuộc lẫn nhau. Những cơ cấu đó được sắp xếp theo một thứ bậc để đảm bảo cho hoạt động bên trong và bên ngoài của con người. Do vậy, để phát triển được năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn, giáo viên cần phải tôn trọng và tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc và điều kiện của sự phát triển trong đời sống tâm lý của các em để từ đó có những biện pháp tác động phù hợp và hiệu quả.

2.1.1.2. Quan niệm về năng lực

Thuật ngữ năng lực (competency) có nguồn gốc tiếng La tinh là *competentia* với nghĩa là sự gặp gỡ; ngày nay, khái niệm năng lực được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau và mỗi cách hiểu đều có những thuật ngữ tương ứng. Cụ thể là:

Theo *Từ điển Tiếng Việt thông dụng* của tác giả Nguyễn Như Ý, Nxb Giáo dục (2003) giải thích: “*Năng lực được hiểu là khả năng làm việc tốt và được thể hiện ở trình độ phát huy năng lực độc lập suy nghĩ*”[111, tr.469].

Năng lực là một vấn đề phức tạp, các nhà tâm lí học duy tâm cho rằng, *năng lực là cái bẩm sinh trời phú cho con người*. Các nhà tâm lí học duy vật biện chứng lại hiểu theo hướng đối lập: “*Năng lực không phải là cái bẩm sinh, mà là cái được hình thành, bộc lộ và phát triển trong quá trình hoạt động giao tiếp*”[5, tr.261]. Chúng tôi nhận định, điều quan trọng là các trường phái đã đi đến thống nhất rằng, năng lực của con người được hình thành và phát triển dưới sự tương tác của nhiều yếu tố.

Tâm lí học khác biệt, một chuyên ngành khoa học nghiên cứu về sự phát triển khác biệt trong tâm lí của cá nhân và nhóm xã hội đã đưa ra cách hiểu về năng lực như sau: “*Năng lực là một cấu trúc tâm lí phức hợp, độc đáo của cá nhân đáp ứng những yêu cầu đòi hỏi đặc trưng của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho việc thực hiện đó có kết quả*”[42, tr.221].

Tác giả Nguyễn Văn Cường trong cuốn *Cơ sở đổi mới phương pháp dạy học* đã đưa ra cách hiểu về năng lực như sau: “*Năng lực là những khả năng và kĩ xảo học được hoặc sẵn có của cá thể nhằm giải quyết các tình huống xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ, xã hội,... và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong những tình huống nhất định*”[70, tr.3].

Từ những phân tích khoa học khi nghiên cứu năng lực của con người, tác giả Bernd Meier – nhà lí luận dạy học trường Đại học Potsdam Cộng Hòa Liên Đức lí giải rằng: “*Năng lực là khả năng thực hiện có hiệu quả và có trách nhiệm các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, các vấn đề thuộc lĩnh vực nghề nghiệp, xã hội hay cá nhân trong tình huống khác nhau trên cơ sở hiểu biết kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động*”[10, tr. 24].

Như vậy, vấn đề năng lực được lí giải rất khác nhau, tùy vào bối cảnh và mục đích sử dụng những năng lực đó, tuy nhiên nội hàm của nó về cơ bản được hội tụ ở ba thành tố chính là kiến thức, kỹ năng và thái độ. Chúng tôi thống nhất

với cách hiểu: “*Năng lực là khả năng thực hiện hiệu quả một nhiệm vụ, một hành động cụ thể, liên quan đến một lĩnh vực nhất định dựa trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và sự sẵn sàng hành động*”[4, tr.7]. Tác giả luận án xin lưu ý thêm rằng, năng lực còn được hiểu là tiềm năng hành động của con người để đạt mục đích đặt ra. Năng lực có các đặc điểm như: bộc lộ trong tình huống cụ thể, chịu sự tương tác bởi các yếu tố môi trường và hoạt động của bản thân.

2.1.1.3. Sự cần thiết phải phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12

Có thể nói, mục tiêu quan trọng của dạy truyện ngắn là giúp học sinh phát triển hệ thống năng lực tiếp nhận, đặc biệt là năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng. Từ việc đọc hiểu văn bản mà các em nghiệm cảm được sâu sắc giá trị của tác phẩm, thể hiện tư tưởng và hình thành cho bản thân cách đọc riêng có cá tính. Đó là con đường duy nhất để bồi dưỡng cho học sinh sự tiếp nhận sáng tạo. Do vậy, để dạy truyện ngắn đạt hiệu quả, giáo viên cần quan tâm phát triển cho học sinh năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng.

Trước hết, người học phải biết huy động năng lực tái hiện hình tượng (Recount imagery capacity) thì thế giới nghệ thuật trong truyện mới hiện hình với bao bức tranh nhiều màu sắc, nhiều dáng vẻ, với bao con người khác nhau về diện mạo và tính cách. Người giáo viên chỉ thực sự bắt đầu giờ dạy học khi có sự kết nối giữa các năng lực tâm lí người học với thế giới hình tượng; đó là lúc trong đầu óc các em đã tạo dựng và làm sống dậy không gian nghệ thuật của tác phẩm truyện. Hoạt động tri giác ngôn ngữ mới chỉ là bước đầu tiên của hoạt động tiếp xúc văn bản, chỉ khi vận hành trí tưởng tượng và tái hiện thì người đọc mới thực sự thấu cảm được thế giới nghệ thuật bên trong của câu chuyện ẩn sâu dưới các kí hiệu ngôn ngữ. Trong quá trình tổ chức dạy học truyện ngắn, người giáo viên cũng cần hiểu và giúp học sinh nhận ra bản chất của thế giới hình tượng, đó là thế giới giống bên ngoài nhưng không phải là thế giới bên ngoài, muốn tái hiện hình tượng thì cần phải liên tưởng và tưởng tượng. Năng lực tái hiện càng phát triển người học càng dễ dàng nhận ra được đầy đủ, phong phú và tinh tế mọi cảnh vật, con người và tình huống

trong tác phẩm. Có thể nói, năng lực tái hiện hình tượng của học sinh không chỉ là hoạt động tâm lí mà còn là một thao tác tư duy để tiếp nhận truyện ngắn được hiệu quả. Thực chất, tiếp xúc với truyện ngắn chính là đối thoại với thế giới hình hình tượng mà thôi. Nhờ vào sự huy động đồng thời của tri giác, liên tưởng, hình dung, tưởng tượng, trí nhớ, kí ức,... để người học dựng lại thế giới hình tượng nhân vật vô cùng phong phú và sinh động trong tác phẩm. Khi hình tượng đã được hiện hình, đó cũng là lúc mà đường dẫn nối liền người học với tác giả, tác phẩm, với hiện thực cuộc sống và xa hơn là ý nghĩa của hiện thực ấy được thiết lập. Và như vậy, vai trò của năng lực tái hiện hình tượng quan trọng ở chỗ, nó là cơ sở đầu mối cho việc tác động và kích thích các năng lực kế tiếp tiếp được phát triển đồng bộ. Cùng với đó, hoạt động tái hiện trong tiếp nhận truyện ngắn có chức năng cung cấp chất liệu cho liên tưởng và tưởng tượng mở rộng, từ đó bồi đắp cho hình tượng mà nó tạo ra, đồng thời tái hiện cũng đặt ra hướng đích cho liên tưởng và tưởng tượng. Bởi vì, các hoạt động tâm lí cho dù là tự do hay có chủ định, thì kết quả cuối cùng mà nó tạo ra vẫn có thể biểu thị và đo lường bằng một kiểu hình tượng nào đó trong tư duy người học. Nơi ấy, hoạt động tái hiện sẽ vẽ lại những con đường, những diện hình mà liên tưởng và tưởng tượng đã đi qua. Như vậy, về thực chất, trong quá trình tiếp nhận chủ thể học sinh với văn bản truyện ngắn, quá trình tái hiện có chức năng tổng hợp, bồi đắp và nối dài vòng đời của hình tượng. Do vậy, để dạy học truyện ngắn có hiệu quả, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề tái hiện hình tượng của học sinh.

Bên cạnh đó, muốn tiếp nhận truyện ngắn đạt hiệu quả, nhất thiết người học phải có năng lực liên tưởng (Associatiated capacity), đó là khả năng chuyển thế giới nghệ thuật của tác phẩm vào thế giới tinh thần của mình. Cường độ tiếp nhận của họ thể hiện ở việc nhảy bèn về liên tưởng trên cơ sở huy động vốn sống và kinh nghiệm của cá nhân. Vì vậy, một năng lực rất cần thiết khi tổ chức dạy học truyện ngắn của giáo viên là định hướng được trường liên tưởng của học sinh để tránh rơi vào sự tùy tiện và suy diễn. Bởi vì rằng, đặc trưng của truyện ngắn là phản ánh hiện thực bằng hình tượng, nghĩa

là từ chính những hình thức đời sống được tái hiện lại trong óc người học. Khả năng khởi động ấn tượng, cảm xúc và kinh nghiệm sống sẽ giúp bạn đọc học sinh hình dung và hiểu ý nghĩa của hình tượng theo một cách riêng. Trên cơ sở hình dung sự sống trong hình tượng, người học huy động toàn bộ những phản ứng tâm lí để hiểu và rung cảm với hình tượng một cách tự do, không thấy bị ngõ ngàng hay áp đặt. Do vốn sống, do kinh nghiệm riêng cá nhân của mỗi học sinh khác nhau, nên khi một tín hiệu thẩm mỹ trong truyện thường gọi lên ở họ những liên tưởng cũng rất khác nhau. Đây là lí do để giải thích cho có mặt của hiện tượng tản mạn, phi văn bản, trên văn bản, ngoài văn bản trong tiếp nhận truyện ngắn. Nói tóm lại, liên tưởng là khả năng kết nối hệ thống các biểu tượng theo quy luật riêng (liên kết các hình ảnh). Theo tác giả Phan Trọng Luận, nó được hiểu là: *“Dấu hiệu của việc chuyển thế giới nghệ thuật của tác phẩm vào thế giới tâm linh của người đọc, và liên tưởng có tính định hướng là dấu hiệu cơ bản để nhận diện độ am tường tác phẩm”* [63, tr.125]. Liên tưởng không chỉ là một thuộc tính của tâm lí, một kỹ thuật xây dựng hình tượng, một thao tác tư duy để đi vào thế giới tác phẩm mà còn là một cách thức tiếp nhận đạt hiệu quả.

Và hơn nữa, tiếp nhận truyện ngắn là sự sáng tạo, muốn sáng tạo thì người học phải có năng lực tưởng tượng (Imagination capacity) phong phú, bởi vì bản thân hiện thực không đưa lại cho họ cái toàn vẹn, cái hoàn hảo trong các hình tượng. Các nhà nghiên cứu cho rằng, tưởng tượng và xúc cảm là những thành tố hạt nhân tạo nên sự sáng tạo của người học. Đồng thời, chỉ có khả năng tưởng tượng phong phú và biết liên kết các biểu tượng do kinh nghiệm thu thập được thì người học mới kiến tạo hình tượng một cách độc đáo. Bên cạnh đó, các em sẽ tập hợp những yếu tố, những hồi ức, những tài liệu đã được lựa chọn trong quá trình tái tạo, thiết lập chúng theo một cơ cấu mới, một cấu trúc nhất định để tạo nên sự độc đáo cho hình tượng. Sự tổng hợp này có thể được phát triển theo chiều hướng dính kết các biểu tượng, các chi tiết, tình huống,... của những đối tượng khác nhau hoặc theo cơ chế nhân cách hoá, điển hình hoá, khái quát hoá, nhấn mạnh từng chi tiết trong bản thân sự vật để tạo

nên những hình tượng mới chân thực và hấp dẫn. Hình tượng này càng chứa đựng yếu tố mới lạ bao nhiêu thì khả năng sáng tạo trong tiếp nhận truyện ngắn của người học càng nhân bội lên và được đánh giá cao bấy nhiêu.

Như vậy, cái đích cuối cùng trong tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng sáng tạo của học sinh là tạo ra các hình tượng độc đáo, đó chính là hệ thống các lớp cảm xúc tiêu biểu trong xã hội, là nơi lưu giữ các xúc cảm và thông điệp thẩm mỹ. Do vậy, để dạy học truyện ngắn đạt hiệu quả, người giáo viên cần hình thành và phát triển cho học sinh năng lực đặc biệt quan trọng này.

2.1.2. Năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12

2.1.2.1. Năng lực tái hiện hình tượng của học sinh trong quá trình dạy học truyện ngắn ở lớp 12

❖ *Khái niệm năng lực tái hiện hình tượng của học sinh trong quá trình dạy học truyện ngắn ở lớp 12*

Trong tâm lí học, tái hiện được hiểu là một: “*Quá trình của trí nhớ làm sống lại những nội dung đã ghi lại*” [5, tr.77]. Thông qua các dạng thức hoạt động đặc trưng như sự nhận lại, nhớ lại, hồi tưởng, phối hợp,... mà con người có thể tái hiện lại quá khứ, hiện tại và đặt kế hoạch cho tương lai. *Năng lực tái hiện hình tượng trong tiếp nhận truyện ngắn* có thể hiểu là quá trình tương tác giữa tâm lí (trí nhớ, hình dung, liên tưởng và tưởng tượng) của học sinh với các yếu tố nội dung và hình thức văn bản để dựng lại hiện thực cuộc sống đã được nhà văn nghệ thuật hóa qua lăng kính chủ quan của mình và chuyển đưa vào trong tác phẩm. Thông qua hệ thống ngôn ngữ nghệ thuật của truyện ngắn, người học khám phá ý nghĩa tồn tại của hình tượng bằng các hoạt động tâm lí như: hình dung, liên tưởng, tưởng tượng,... để lí giải vai trò của hình tượng và theo dõi ý đồ sáng tạo của nhà văn.

❖ *Đặc điểm năng lực tái hiện hình tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12*

Các nhà tâm lí học sư phạm xác nhận, tái hiện là một thuộc tính cơ bản và quan trọng của trí nhớ người học, là một nhân tố quan trọng trong quá trình

vận hành tâm lí. Sau khi tiếp xúc và đọc văn bản truyện ngắn, tái hiện của người học có một số đặc điểm nổi bật sau đây:

Tái hiện tái thuật (nhớ lại, nhận lại) của học sinh là giai đoạn làm sống dậy các hình ảnh biểu tượng, chi tiết, sự việc, sự kiện, tình huống, nhân vật,...đã được tri giác và nhận biết từ hoạt động đọc văn bản truyện. Đây là giai đoạn đầu của quá trình tái hiện, ở đó học sinh đã ghi lại được các biểu tượng của hình tượng và lưu giữ nó trong trí nhớ ở một thời gian nhất định. Loại tái hiện này về cơ bản là người học tôn trọng nguyên mẫu của văn bản, không có xu hướng phá vỡ tổ chức cốt truyện để sáng tạo hệ thống ý nghĩa mới cho hình tượng. Trong quá trình tổ chức dạy học truyện ngắn, giáo viên thường sử dụng loại tái hiện này như một công cụ để yêu cầu người học kể và mô tả lại cuộc đời nhân vật hoặc tóm tắt tiến trình móc nối của các sự kiện,...hướng đến hình thành cho các em hệ thống kiến thức công cụ để làm nền cho các bước tiếp nhận sáng tạo sau này.

Tái hiện máy móc và không chủ định thể hiện ở chỗ, đôi khi học sinh chỉ cần tái hiện nguyên si hình tượng nhân vật mà không cần quan tâm đến ý nghĩa của nó. Điều này dẫn đến một thực tế trong tiếp nhận truyện ngắn là, người học không thiết lập được mối liên hệ giữa hình tượng trong tác phẩm với ngân hàng kí ức và phản ứng tình cảm của bản thân. Nguyên nhân này lí giải rằng, ở người học thường có hiện tượng tái hiện hình tượng bị sai lệch, thiếu chính xác và không chân thực,...từ đó cho thấy khoảng cách thẩm mỹ giữa nhà văn với bạn đọc học sinh không dễ dàng có thể rút ngắn. Do vậy, trong quá trình dạy học truyện ngắn, giáo viên cần quan tâm đến đặc điểm này để khắc phục những hạn chế trong tiếp nhận của chủ thể học sinh

Tái hiện có chủ định và sáng tạo là quá trình tái hiện phản ánh rõ ý đồ, động cơ, mục đích, lí tưởng, kế hoạch và phương pháp tiếp nhận. Ở đó, người học không phải tri giác lại đối tượng đã có mà hình tượng cũ vẫn được khơi dậy rõ ràng chính xác. Lúc này, học sinh do động cơ hay xúc cảm mãnh liệt nào đó mà họ cần phải tái hiện một cách có chủ định để đáp ứng thị hiếu của

mình. Điều này dễ thấy trong tiếp nhận truyện ngắn, người học thường ấn tượng và chọn trong tác phẩm một chi tiết, một tình huống, một thuộc tính nào đó của nhân vật,...để lí giải theo chủ kiến riêng của mình. Và như vậy, hình tượng mà các em tạo ra trở nên độc đáo và mang đậm màu sắc cá nhân chứ không tái hiện theo kiểu sao chép thuần túy nguyên mẫu hình tượng nhân vật đang tồn tại trong văn bản. Tác giả luận án cho rằng, đây là một năng lực quan trọng mà giáo viên cần quan tâm phát triển cho học sinh.

❖ *Quá trình tái hiện hình tượng của học sinh trong quá trình dạy học truyện ngắn ở lớp 12*

Có thể nói, quá trình tái hiện được bắt đầu từ việc tiếp xúc với lớp vỏ ngôn ngữ thông qua hoạt động đọc văn bản, liên tưởng và tưởng tượng để tái hiện lại thế giới nghệ thuật được tác giả dựng lên trong tác phẩm. Muốn vậy, người đọc phải biết vận dụng khả năng tri giác ngôn ngữ, đó là quá trình lí giải ý nghĩa nghệ thuật của văn bản truyện như: hệ thống biểu tượng, chi tiết, tình huống, ngôi kể, giọng kể, kết cấu,...để tìm lớp ý nghĩa đang tiềm trú bên trong vỏ ngữ âm. Song hành với quá trình tri giác ngôn ngữ, bạn đọc vận dụng trường liên tưởng mạnh mẽ từ: liên tưởng tương đồng, liên tưởng khác biệt, liên tưởng thời gian, liên tưởng không gian, liên tưởng nhân quả, liên tưởng lô gíc, phi liên tưởng,...nhằm nhóm liên kết các thuộc tính của biểu tượng để nhân vật hiện lên với sự đầy đủ về hành động, tính cách, phẩm chất và số phận. Đồng thời, cùng với đó, học sinh phải huy động trí tưởng tượng phong phú với các thao tác như: tưởng tượng tái hiện, tưởng tượng tái tạo, tưởng tượng lô gíc, tưởng tượng sáng tạo, điển hình hóa, chắp ghép,...để soi chiếu và mở rộng diện mạo của nhân vật. Và cuối cùng là sự vận hành khả năng tái hiện độc đáo qua các thao tác tâm lí: nhớ lại, nhớ lựa chọn, nhớ sáng tạo và chủ định, hình dung, nhận lại, hồi tưởng, phối hợp, chỉnh lí, loại suy,...để nhận ra thế giới hình tượng sinh động, tinh tế và muôn màu trong tác phẩm. Nói tóm lại, quá trình tái hiện hình tượng nhân vật trong tiếp nhận truyện ngắn của học sinh có thể qua một số hoạt động và thao tác sau: 1) Tri giác ngôn ngữ gắn với hoạt động đọc văn bản truyện để nhận diện các hình ảnh

biểu tượng, các đặc điểm của ngôn ngữ; 2) Tái hiện là bước tổng hợp, khâu kết các nhóm biểu tượng để xây dựng và làm sống dậy thế giới hình tượng trong tác phẩm; 3) Liên tưởng để nhóm kết hệ thống biểu tượng trong tư duy; 4) Tưởng tượng để mở rộng thuộc tính và kích cỡ của hình tượng. Tuy nhiên, quá trình tâm lí này không dừng lại ở sự tưởng tượng mà nối tiếp sau đó là hàng loạt các hoạt động như: tái hiện, liên tưởng, hình dung, nhớ lại, hồi tưởng, kí ức, nhập thân,... được huy động trở lại để bắt đầu một chu kì tâm lí mới nhằm đảm bảo tính liên tục, tính phối hợp, tính năng động và bền vững của tư duy hình tượng trong quá trình tiếp nhận.

Từ sự phân tích trên, tác giả luận án nhận thấy, quá trình tái hiện hình tượng có thể xem là một quy trình vận hành tâm lí của học sinh để tương tác với các nhân tố điển hình, thuộc tính đặc trưng của văn bản truyện để hướng đến nhận diện thế giới hình tượng. Trên cơ sở đó, người học liên hợp giá trị nghĩa và ý đồ sáng tạo của nhà văn thông qua lí giải các biểu tượng, chi tiết, sự kiện, tình huống, kết cấu, điểm nhìn, ngôi kể, giọng kể, ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, tâm lí, tính cách, phẩm chất, số phận,... để tái hiện hình tượng nhân vật. Từ căn cứ này, học sinh tiếp tục huy động trường liên tưởng để suy luận, phán đoán, so sánh, đối lập, hình dung,... nhằm bổ sung và hợp nhóm thành các lớp diện mạo mới của nhân vật. Mục đích của hoạt động này là tập hợp, bổ trợ và làm mới các mối quan hệ của nhân vật trong các môi trường nghệ thuật khác nhau, từ đó mà học sinh có thể tái hiện từng bước hình tượng nhân vật. Cùng với đó, học sinh huy động khả năng tưởng tượng để bổ trợ, so sánh, chắp ghép, điển hình, loại suy, tìm mối quan hệ tương thích, mở rộng, kết nhóm biểu tượng, sáng tạo thêm các tính chất mới,... để có thể tái hiện hình tượng nhân vật một cách chân xác và độc đáo.

Như vậy, trong dạy học truyện ngắn, giáo viên cần phải đánh giá đúng vai trò quan trọng của năng lực này. Đồng thời, đi kèm theo đó, cần chú ý phát huy khả năng liên tưởng và tưởng tượng (kỹ thuật quan trọng để xây dựng hình tượng) của các em, cần quan tâm đến tính chân thực, tính chính thể toàn vẹn và sự độc đáo của hình tượng. Đặc biệt, phải gắn kết tâm lí người học với

hình tượng và tái hiện nó để đo lường khoảng cách thẩm mỹ, định vị tầm đón nhận, khơi dậy sự hứng thú và nhu cầu trải nghiệm của học sinh.

2.1.2.2. Năng lực liên tưởng của học sinh trong quá trình dạy học truyện ngắn ở lớp 12

❖ *Khái niệm năng lực liên tưởng của học sinh trong quá trình dạy học truyện ngắn ở lớp 12*

Tâm lí học chỉ ra rằng, liên tưởng là: “*Mối quan hệ giữa các biểu tượng tâm lí, trong đó sự tích cực hóa của một biểu tượng này kéo theo sự xuất hiện của một hay nhiều biểu tượng khác*”[5, tr. 82]. Trong quá trình vận hành hoạt động tâm lí, vai trò của liên tưởng là vô cùng quan trọng đối với nhu cầu nhận thức của con người, nhờ có sự liên tưởng mà những biểu tượng do tưởng tượng tái hiện tạo ra được chân thực và hết sức độc đáo. *Năng lực liên tưởng trong dạy học truyện ngắn của học sinh* được hiểu là một quá trình tâm lí đặc trưng trong tiếp nhận, nó vừa là phương tiện, vừa là thủ pháp quan trọng để giải mã hình tượng nhân vật, đồng thời cũng là cầu nối để dẫn dắt người học đến với thế giới nghệ thuật được nhà văn tạo dựng trong tác phẩm theo một quy luật riêng (liên kết hình ảnh và biểu tượng). Đặc biệt, thông qua cơ chế tương tác giữa các hoạt động của tâm lí, liên tưởng của học sinh càng kết nối, bắt gặp với liên tưởng của nhà văn mạnh mẽ bao nhiêu thì hiệu quả tiếp nhận truyện ngắn càng cao bấy nhiêu.

❖ *Đặc điểm năng lực liên tưởng của học sinh trong quá trình dạy học truyện ngắn ở lớp 12*

Bản chất của hoạt động liên tưởng của học sinh trong tiếp nhận truyện ngắn thể hiện ở việc xác lập các mối liên hệ giữa các yếu tố tâm lí với thế giới nghệ thuật của nhà văn, nhờ đó sự xuất hiện của một yếu tố này trong hoàn cảnh và điều kiện nhất định sẽ gây nên một yếu tố khác có liên quan hoặc có mối quan hệ gần gũi. Liên tưởng của người học trong quá trình tiếp nhận có một số thuộc tính và đặc điểm nổi bật.

Liên tưởng tương đồng, dạng liên tưởng này dựa vào mối quan hệ thân kinh giữa hai yếu tố gần hoặc giống nhau gây nên. Cụ thể là, khi người học

đọc văn bản truyện, ấn tượng của họ về một đặc điểm nào đó của hình tượng nhân vật trong truyện sẽ liên hệ đến một nhân vật nào đó có những đặc điểm có liên quan đã từng tác động vào trí nhớ và lưu trữ vào trong kí ức. Chẳng hạn như khi học sinh lớp 12 đọc truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài có thể liên hệ (nghĩ đến) đến hành động chạy khỏi nhà thống lí Pá Tra trong đêm tối giá lạnh ở Hồng Ngài của Mị với hành động chạy ra khỏi nhà quan trong đêm tối của chị Dậu trong tác phẩm *Tắt đèn* của nhà văn Ngô Tất Tố,...để từ đó học sinh phát nhận ra được ở những con người khốn khổ này một khát vọng tự do vô cùng mãnh liệt. Chúng tôi phân tích một biểu hiện như vậy để hướng đến một nhận thức rằng, sự liên tưởng tương đồng ở bạn đọc học sinh trong quá trình tiếp nhận truyện ngắn không chỉ dừng lại ở phương diện hành động của nhân vật, mà diễn ra ở mọi cấp độ trong mối gắn kết với đặc trưng thi pháp của truyện, thi pháp tác giả và xa hơn là thi pháp lịch sử văn học. Như vậy, muốn phát triển được năng lực liên tưởng của người học trong dạy học truyện ngắn, giáo viên cần phải quan tâm đến đặc trưng này.

Liên tưởng tương phản, đặc điểm của dạng liên tưởng này biểu hiện ở chỗ, sự tri giác của người học về một chi tiết, tình huống, nhân vật,...nào đó trong truyện lại gây nên trong trí nhớ và hồi ức họ về một chi tiết, sự việc, sự kiện, nhân vật,...khác có những đặc điểm hay thuộc tính hoàn toàn trái ngược. Loại liên tưởng này giúp cho người học có thể phát triển tư duy so sánh, đánh giá, phản biện, hoài nghi,...về ý đồ sáng tạo của nhà văn để hình thành quan điểm và cá tính tiếp nhận của mình. Tác giả luận án cho rằng, liên tưởng tương phản của người học ở mức độ nào đó có thể phát huy sự sáng tạo độc đáo, tuy nhiên đây cũng là thời điểm mà những liên tưởng lệch lạc thoát ly với ý đồ nhà văn xuất hiện. Do vậy, rất cần ở người dạy sự định hướng và kích thích hợp lí để trường liên tưởng của các em được phát huy hiệu quả.

Liên tưởng nhân quả của học sinh trong tiếp nhận truyện ngắn có những ưu điểm nhất định, nó cho phép người học xuất phát từ một yếu tố cơ sở nào đó của văn bản để suy luận, phán đoán theo một trật tự lô gíc. Đó là

một trình tự tuyến tính theo hướng “cái này là hệ quả của cái kia” khi được gắn vào mỗi quan hệ trong nội dung hoặc hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Điều này giúp người học bám sát và gắn bó chặt chẽ với ý đồ sáng tạo cũng như tiến trình tổ chức cốt truyện của nhà văn. Chẳng hạn, khi phân tích nhân vật anh cu Tràng trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân, nếu người học xuất phát từ nhan đề của truyện sẽ suy luận theo hướng nhân quả để lí giải về cái đói và thông điệp tư tưởng của tác giả về số phận con người; nếu bắt đầu từ tình huống truyện sẽ liên tưởng đến khát vọng hạnh phúc gia đình và sức mạnh của tình người; còn nếu lấy hành động của nhân vật Tràng làm căn cứ để suy luận lô gíc thì sẽ nhận ra khát khao hạnh phúc ấm no trong quá trình tâm lí và nhận thức của anh Tràng từ đầu cho đến cuối tác phẩm. Tuy nhiên, hạn chế của dạng liên tưởng này là dễ kéo tư duy tiếp nhận của người học đến sự lệ thuộc vào trật tự của văn bản, từ đó mà cản trở sự sáng tạo ở các em. Do vậy, sự định hướng tiếp nhận trong quá trình tổ chức dạy học truyện ngắn là một yêu cầu bắt buộc đối với giáo viên hiện nay.

Liên tưởng tái hiện (kí ức) là liên tưởng dựa trên tình huống có vấn đề gọi ra từ tác phẩm truyện ngắn, dựa trên sự tác động và kích thích đó của đối tượng mà trí nhớ được huy động, sự ấn tượng và hưng phấn sẽ khơi dậy khả năng chú ý của học sinh ngược dòng hồi tưởng (hồi cố), tích cực tìm ra những dữ kiện có liên quan chặt chẽ đến đối tượng tác động trong tình huống hiện tại. Liên tưởng tái hiện có xu hướng thiên về cung cấp và tích lũy dữ kiện nhiều hơn là chế biến hay sáng tạo dữ liệu, nhưng nó là biểu hiện đặc trưng trong quá trình tiếp nhận. Trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình*, tác giả Nguyễn Thi kể lại tình huống nhân nhân vật Việt bị thương phải nằm lại chiến trường; dòng liên tưởng của bạn đọc gắn quyện với bao lần ngất đi tỉnh lại của anh lính trẻ để trở về quá khứ hồn nhiên hạnh phúc trong tình yêu thương của gia đình và truyền thống đánh giặc của quê hương. Cùng với đó, những sự kiên được hồi tưởng lại là những suy nghĩ, cảm xúc thuộc thế giới nội tâm của nhân vật được tái hiện vô cùng tinh tế. Tác giả luận án cho rằng,

muốn dạy học truyện ngắn đạt hiệu quả, việc quan tâm đến quá trình liên tưởng tái hiện của học sinh để định hướng tiếp nhận là thực sự cần thiết.

Liên tưởng theo quan hệ không gian và thời gian là liên tưởng được mở ra đa chiều do sức gợi của các yếu tố từ hiện thực trong tác phẩm và trong kinh nghiệm sống của người học có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp. Trong quá trình cảm thụ, đây là loại liên tưởng tự do và thường khó kiểm soát. Tuy nhiên, nếu định hướng đúng, liên tưởng không gian và thời gian sẽ nối dài và mở rộng cho người học phạm vi nhận thức để giải mã hình tượng trong tính lịch sử của nó. Bởi lẽ ở đó, hình tượng nhân vật được soi quét trong nhiều cảnh huống, môi trường văn hóa, không gian tâm lí,...khác nhau. Chẳng hạn, từ không gian là căn buồng tối và sự tê liệt trong tâm hồn của cô Mị, bạn đọc học sinh sẽ không khỏi suy tư, rằng tại sao làm dâu nhà giàu mà đêm nào Mị cũng khóc, ắt hẳn là có nguyên do. Theo quy luật của nhận thức, bạn đọc học sinh sẽ liên tưởng tái hiện để trở về với quá khứ tự do và tươi đẹp của cô gái vùng cao, ở đó có không gian núi rừng cao rộng, với những đôi cò tranh vàng ửng trong nắng chiều, với vách nhà đầy ắp bước chân trai làng và tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết. Để rồi dòng liên tưởng của các em trở lại với hiện thực nghiệt ngã nơi địa ngục trần gian, ở đây gần như ngày nào những kiếp người nô lệ cũng phải rơi nước mắt. Và có thể, với những phán đoán thú vị và sáng tạo, trường liên tưởng của các em sẽ đồng hành cùng với khát vọng tự do trong Mị để đến vùng đất Phiêng Sa cách mạng. Như vậy, chúng tôi cho rằng, để dạy học truyện ngắn đạt hiệu quả, bên cạnh việc bám dựa vào thi pháp tác phẩm, người dạy cần biết kích thích và định hướng tích cực trường liên tưởng của chủ thể người học.

Trên đây là một số loại liên tưởng thường xuất hiện trong tiếp nhận truyện ngắn của học sinh. Tuy nhiên, sử dụng liên tưởng nào, mức độ vận dụng đến đâu còn tùy thuộc vào năng lực, cá tính của mỗi người học. Đồng thời, các loại liên tưởng không nên sử dụng biệt lập mà cần phối hợp đan xen với nhau để tạo nên sức biểu hiện cao nhất.

❖ *Quá trình liên tưởng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12*

Trong tiếp nhận truyện ngắn, khả năng liên tưởng của người học có vai trò quan trọng. Trước hết, liên tưởng giúp người học biết huy động tâm lí để gắn kết các mối quan hệ ý nghĩa trong văn bản, tăng khả năng kết nối các hình ảnh, xác lập mối liên lạc của các tín hiệu nghệ thuật trong hệ thống các dấu hiệu thi pháp của thể loại trong truyện và lí giải sự tồn tại của hình tượng nhân vật với ý đồ tổ chức cốt truyện của nhà văn. Bên cạnh đó, thông qua các hình ảnh biểu tượng, các chi tiết, sự kiện hay tình huống của tác phẩm, học sinh huy động liên tưởng tái hiện để mô tả lại nhân vật trong quá khứ, định vị nhân vật ở hiện tại, đồng thời liên tưởng sáng tạo để mở rộng và nối dài diện mạo của nhân vật để nó vượt ra ngoài phạm vi phản ánh của nhà văn. Hơn thế nữa, ngay bản thân sự liên tưởng của chủ thể người học thực hiện quá trình sàng lọc cũng như chọn lựa biểu tượng nghệ thuật để lí giải sự phong phú của nhân vật. Đặc biệt hơn là, khả năng liên tưởng mạnh mẽ còn kích thích tốc độ tư duy của học sinh khi mở rộng các nhóm đặc điểm của sự vật, liên hợp các dạng thức tồn tại của bản thân hình tượng nhân vật để nhận ra sự sinh động trong ngoại hình, hành động, tính cách, tâm lí, phẩm chất và số phận của nó. Để tiếp nhận truyện ngắn hiệu quả, học sinh phải vận hành trường liên tưởng khác nhau như: liên tưởng kí ức, liên tưởng gần giống, liên tưởng giống nhau, liên tưởng tương phản, liên tưởng đối lập, liên tưởng nhân quả, liên tưởng trực tiếp, liên tưởng gián tiếp, liên tưởng không gian, liên tưởng thời gian, liên tưởng khu vực, liên tưởng nội hệ, liên tưởng biệt hệ, phi liên tưởng... để kết nối và thâm nhập với các yếu tố hạt nhân của truyện ngắn. Đó là quá trình cộng hưởng giữa liên tưởng của học sinh với biểu tượng, chi tiết, tình huống, nhan đề, kết cấu, cốt truyện, giọng kể, điểm nhìn, không gian, thời gian,... để tạo dựng thế giới hình tượng nhân vật một cách sinh động và nổi bật nhất. Đặc biệt, quá trình liên tưởng không chỉ bắt đầu từ việc giúp người học thực hiện huy động trí nhớ để hình thành và liên kết các biểu tượng,... mà còn mở đường cho những tưởng tượng sáng tạo, đồng thời duy trì, điều chỉnh và định hướng tiếp nhận.

Như vậy, chúng tôi nhận thấy, trong quá trình tương tác tâm lí của người học, năng lực liên tưởng có mối quan hệ mật thiết với sự tồn tại của hình tượng. Do đó, muốn dạy học truyện ngắn đạt hiệu quả, giáo viên cần đánh giá đúng vai trò quan trọng của năng lực này để tổ chức tiếp nhận.

2.1.2.3. Năng lực tưởng tượng của học sinh trong quá trình dạy học truyện ngắn ở lớp 12

❖ *Khái niệm năng lực tưởng tượng của học sinh trong quá trình dạy học truyện ngắn ở lớp 12*

Từ phương diện tâm lí học, tưởng tượng được hiểu là: “*Một quá trình tâm lí phản ánh những cái chưa từng có trong kinh nghiệm của cá nhân bằng cách xây dựng những hình ảnh mới trên cơ sở những biểu tượng đã có*”[4, tr.180]. Mỗi loại tưởng tượng có vai trò và cơ chế vận hành riêng trong quá trình vận hành của hoạt động tâm lí. Tưởng tượng tiêu cực có thể mang đến cho con người sự mơ mộng, ảo giác hoặc hoang tưởng, nó tạo ra những hình ảnh không được thể hiện trong cuộc sống, vạch ra các hành vi không được thực hiện, không gắn liền với ý chí thể hiện hình ảnh tưởng tượng. Tuy nhiên, tưởng tượng tích cực để tạo ra những hình ảnh phù hợp nhằm đáp ứng những nhu cầu bức xúc, kích thích tính tích cực và thực tế của con người, nó đặt ra mục đích, chương trình thực hiện và hoạt động để đạt được mục đích đó. Bên cạnh đó, tưởng tượng tái tạo có thể tạo ra hình ảnh chỉ là mới đối với cá nhân người tưởng tượng và dựa trên cơ sở miêu tả hoặc gợi ý của người khác qua thao tác hình dung để xác định đối tượng của nhận thức. Ở cấp độ khác, tưởng tượng sáng tạo lại xây dựng những hình ảnh mới một cách độc lập, những hình ảnh này được coi là mới với cả bản thân người tưởng tượng chúng có giá trị độc đáo và mang dấu ấn cá nhân. *Năng lực tưởng tượng trong tiếp nhận truyện ngắn* có thể hiểu là một quá trình tâm lí đặc trưng mang tính chủ quan bên trong của chủ thể người học, nó vừa là phương tiện, vừa là thủ pháp để giải mã hình tượng và chiếm lĩnh tác phẩm. Thông qua tưởng tượng, học sinh có thể huy động trí nhớ để hình thành, bổ sung và mở rộng đặc điểm cho hình

tượng, đồng thời có xu hướng phá vỡ biểu tượng cũ và tiếp tục dẫn đường cho những sáng tạo độc đáo.

❖ *Đặc điểm năng lực tưởng tượng của học sinh trong quá trình dạy học truyện ngắn ở lớp 12*

Có thể nói, tưởng tượng trong tiếp nhận truyện ngắn của học sinh là một quá trình tâm lí phức tạp, được huy động theo một cơ chế riêng của nó. Trong sự vận hành tâm lí, mỗi một dạng thức của tưởng tượng lại có những dấu hiệu nhận diện với đặc trưng riêng.

Tưởng tượng tái hiện trong tiếp nhận truyện ngắn là quá trình người học phục hồi, nhớ và vẽ lại những kinh nghiệm cũ trong kí ức của mình từ cuộc sống và tri giác được từ trong văn bản để tạo nên chất liệu, chuẩn bị cho việc xây dựng và mở rộng hình tượng nhân vật. Tuy nhiên, đây chưa phải là quá trình sáng tạo mà nó mới chỉ là quá trình tích lũy, là sự chọn lựa từ hiện thực và thế giới nghệ thuật trong văn bản các chi tiết, sự việc và sự kiện, con người, tình huống, kiểu loại nhân vật,...những vấn đề phù hợp với xúc cảm mãnh liệt của cá nhân người học mà thôi.

Tưởng tượng sáng tạo trong tiếp nhận truyện ngắn là một năng lực đặc biệt quan trọng, theo các nhà lí luận về phương pháp dạy học thì đây mới thực chất là quá trình tiếp nhận sáng tạo của học sinh. Trong giai đoạn này, người học sẽ tập hợp những yếu tố từ ngân hàng kí ức, những tài liệu đã được lựa chọn trong quá trình tái tạo từ hệ thống các biểu tượng, chi tiết, sự việc, sự kiện, tình huống, đặc điểm hình tượng, ngôi kể, giọng kể,...trong văn bản để thiết lập chúng theo một cơ cấu mới, một cấu trúc nhất định để tạo nên hình tượng nhân vật độc đáo. Sự tổng hợp này có thể được phát triển theo chiều hướng dính kết các đặc điểm, các chi tiết của những đối tượng khác nhau hoặc theo hướng nhân cách hoá, điển hình hoá, khái quát hoá, nhấn mạnh từng chi tiết trong bản thân sự vật, hiện tượng để tạo nên những hình tượng mới. Hình tượng nhân vật này càng chứa đựng yếu tố mới lạ bao nhiêu thì khả năng sáng tạo của người học càng được đánh giá cao bấy nhiêu. Chúng tôi cho rằng, đây là một trong những căn cứ quan trọng để định lượng và đánh giá năng lực cảm thụ của chủ thể học sinh trong quá

trình tiếp nhận truyện ngắn. Có thể nói, đó là quá trình có cao trào cảm xúc đặc biệt và nó mang lại cho hoạt động sáng tạo của người học một tính chất hứng khởi, tức là một trạng thái mà các em thăng hoa và dường như thoát li khỏi hiện thực xung quanh.

Tưởng tượng hoang đường trong tiếp nhận truyện ngắn của học sinh có thể coi là giai đoạn thấp nhất trong hoạt động tưởng tượng của các em. Ở mức độ này, khi tưởng tượng người học thường thiên về những điều kỳ diệu, khác thường và có xu hướng thoát li hình tượng nhân vật trong văn bản, đây là giai đoạn mà khi tiếp xúc thế giới nghệ thuật trong truyện ngắn, người học đã rơi vào trạng thái tâm lí ngây thơ. Tức là, họ chỉ dựa vào những mâu thuẫn mang tính chất bất thường, kỳ lạ giữa một bên là thế giới hiện thực trong tác phẩm với một bên là cuộc sống tưởng tượng bay bổng của bản thân. Bởi lẽ, cái đích cuối cùng của các em là được thoả mãn các lý tưởng và khát vọng muốn vươn tới những kiểu mẫu hình tượng mang đậm tính cách cá nhân nhưng chưa hẳn có được trong thế giới hiện thực. Vì vậy, họ phải gửi gắm vào những hình tượng nhân vật hoang đường, đây cũng chính là sự biểu hiện những ước mơ thầm kín về lòng khát khao tự do. Tác giả luận án cho rằng, trong dạy học truyện ngắn, GV cần có thái độ tích cực và khách quan với những tưởng tượng hoang đường của HS, vì biết đâu những hình tượng các em tạo ra ở thời điểm này có thể là những tiên báo cho những kiểu người mà chúng ta sẽ gặp gỡ, đối diện hoặc hướng đến trong tương lai. Nói như Ôttô Luytvich: “*Tưởng tượng là khả năng để tin của con người*” [Dẫn theo 1, tr.273].

Mức độ nhân cách hóa trong tiếp nhận truyện ngắn của học sinh, đây là giai đoạn người học chuyển các đặc điểm về tâm trạng, chuyển tất cả những khát vọng hoang đường mà họ đã thực hiện ở quá trình tương tác với các yếu tố làm thành thế giới nghệ thuật của tác phẩm truyện như: biểu tượng, chi tiết, sự việc, tình huống, nhân vật, giọng kể, lời kể, điểm nhìn, không gian và thời gian vào tinh thần các em. Đây là hoạt động của một sự tưởng tượng không lường trước và nhiều lúc chính người học cũng không ý thức được do các mối liên tưởng nào tạo nên, và khả năng chuyển từ tưởng tượng của bản

thân sang tưởng tượng trong tác phẩm truyện thì chỉ có các em mới ý thức được mà thôi. Do vậy, hình tượng mà các em tạo ra là rất phong phú, phức tạp vượt qua khung khổ của tác phẩm, không thể kiểm soát và tuân theo các nguyên tắc hoặc quy luật sáng tạo nghệ thuật nào.

Mức độ nhập thân của người học trong tiếp nhận truyện ngắn được tạo nên bởi các biểu tượng rõ ràng về nhân vật, những con người, những hoàn cảnh xuất thân. Đây chính là quá trình người học tưởng tượng ra toàn bộ cuộc sống thực tại trong thế giới nghệ thuật về các hình tượng nhân vật mà họ sáng tạo nên. Khi nhập thân, các em học sinh sẽ đặt mình vào chính đời sống của nhân vật, họ suy nghĩ, biểu cảm như nhân vật trong từng điều kiện, trường hợp cụ thể; sự hoá thân càng cao, hiệu quả cảm thụ tác phẩm càng sâu sắc. Điều kiện để tạo nên trạng thái nhập thân của người học không hẳn là những gì các em đã trải qua trong cuộc sống mà đây thực chất là quá trình họ tiếp nhận những tác động từ bên ngoài và trong tác phẩm, dựa trên những kinh nghiệm đã có, các em sẽ tư duy một cách đầy đủ về đặc điểm ngoại hình và nội tâm của nhân vật. Khi có đủ các điều kiện này, trí tưởng tượng bắt đầu hoạt động, các em sẽ hóa thân nhập cảm vào nhân vật của mình để sáng tạo và mở rộng thêm kích cỡ của hình tượng. Nhấn mạnh vai trò của sự nhập thân, các nhà tâm lý học sáng tạo cho rằng: “*Cái riêng biệt chỉ có thể được miêu tả khi có một sự nhập thân đầy đủ vào hình tượng nhân vật*”[1, tr. 276].

❖ *Quá trình tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12*

Đích hướng cuối cùng trong trí tưởng tượng của học sinh là tạo ra các hình tượng nhân vật độc đáo để thỏa mãn lí tưởng thẩm mỹ của mình. Đó chính là hệ thống các lớp cảm xúc tiêu biểu của đời sống, là nơi lưu giữ các xúc cảm đẹp và cũng là nơi truyền đạt những thông điệp thẩm mỹ, nhờ dẫn dắt của trí tưởng tượng của các em mà toàn bộ các hình tượng nhân vật tồn tại trong các tác phẩm truyện ngắn đã hiện lên chân thực nhất. Tưởng tượng trong tiếp nhận truyện ngắn là một quá trình sáng tạo, muốn vậy thì người học phải xuất phát từ những chất liệu có sẵn được tạo ra từ quá trình tri giác ngôn ngữ, tái hiện và liên tưởng. Đồng thời, từ cơ sở đó bạn đọc học sinh phải gắn liền

tưởng tượng và xúc cảm của bản thân với tác phẩm để lí giải những ý tưởng có sẵn, chọn lọc, tổng hợp lại các chất liệu và mở rộng các nhóm đặc điểm,...để sáng tạo nên một hình tượng mới. Lí giải về vấn đề này, nhà nghiên cứu M.Arnaudov nhấn mạnh rằng: *“Tưởng tượng luôn phá vỡ các liên tưởng có sẵn và tổ hợp các liên tưởng mới, quá trình này diễn ra cả khi xây dựng các đặc điểm, tính chất và các cảnh riêng lẻ cũng như khi xây dựng toàn bộ cốt truyện”*[1, tr.308]. Rõ ràng, chỉ có tưởng tượng và sáng tạo người học mới sản sinh ra hình tượng nhân vật, dựa trên hệ thống các hình ảnh, biểu tượng, sự việc, sự kiện, chi tiết, tình huống, ngôi kể, giọng kể, lời kể,...trong tác phẩm và kinh nghiệm bản thân thu thập được từ hiện thực cuộc sống. Như vậy, trong dạy học truyện ngắn, việc giáo viên theo dõi và kiểm soát quá trình tưởng tượng của học sinh để tiếp nhận là thực sự cần thiết.

2.1.2.4. Mối quan hệ hữu cơ giữa tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng của học sinh trong tiếp nhận truyện ngắn ở lớp 12

❖ *Nhận thức sâu sắc về mối quan hệ mật thiết giữa tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong tâm lí của học sinh là một yêu cầu cần thiết khi tổ chức tiếp nhận.*

Tâm lí học đã xác nhận, các hoạt động tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng được xem là những yếu tố quan trọng của tư duy, giữa chúng có mối quan hệ tương hỗ lẫn nhau trong cơ chế vận hành của tâm lí. Trong đó, tái hiện được hiểu là sự khôi phục, là quá trình làm sống lại các kích thích cũ vào não bộ con người, là sự tổng hợp lại những chất liệu đã từng tác động đến trí nhớ, là sự vẽ lại những dấu vết mà liên tưởng và tưởng tượng đã đi qua dưới dạng thức hình tượng cụ thể. Bàn về vấn đề này, Vugôtxki nhấn mạnh: *“Bộ não con người không chỉ là một cơ quan giữ lại và tái hiện kinh nghiệm cũ, nó còn là cơ quan phối hợp và chỉnh lý một cách sáng tạo và xây dựng nên những tình thế mới và hành vi mới từ những hình nghiệm cũ”*[104, tr. 8]. Như vậy, hoạt động tái hiện của con người không chỉ dừng lại ở việc hướng về quá khứ và thuật lại những điều đã diễn ra như một sự sao chép đơn thuần. Trái lại, thông qua cơ chế phối hợp và chỉnh lí của não bộ, nó không chỉ cung cấp

nguyên liệu cho liên tưởng và tưởng tượng mà còn tham gia trực tiếp vào quá trình tâm lí sáng tạo với vai trò vừa là yếu tố cơ sở, vừa là dấu mốc trung gian để móc nối và bảo đảm tính bền vững của tư duy hình tượng. Bên cạnh đó, liên tưởng và tưởng tượng để liên kết, hợp nhóm các biểu tượng, cung cấp nguyên liệu để phục vụ cho quá trình tái hiện. Do vậy, sản phẩm mà tái hiện tạo ra, tức là các kiểu dạng hình tượng sẽ phản ánh chiều kích, diện mạo, giới hạn cũng như tốc độ tâm lí của hoạt động liên tưởng và tưởng tượng.

❖ *Trong tiếp nhận truyện ngắn, sự tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh là một quá trình tâm lí khép kín, giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.*

Thứ nhất, người học phải tái hiện hình tượng để làm cơ sở cho quá trình cảm thụ, muốn kiến tạo thế giới hình tượng nhân vật trong truyện ngắn, học sinh phải chuẩn bị cho mình những tư liệu hết sức cần thiết, và trí nhớ của các em sẽ thực hiện nhiệm vụ này. Và khi tái hiện hình tượng nhân vật, các em hình dung nó trong những hình tượng sinh động khác, cơ sở của nó là sự tổ hợp nhất định các ấn tượng thường trở đi trở lại trong ý thức. Đồng thời, khi giữ lại các ấn tượng của quá khứ, trí nhớ chọn lọc những mặt đáng chú ý và nổi bật nhất về hình tượng mà nó đã ghi lại, trí nhớ sáng tạo mở ra trước mắt các em con đường tiến tới sự tái tạo nhân vật với toàn bộ tính nhiều màu vẻ của nó, và trong quá trình đó không thể phủ nhận vai trò quan trọng của tái hiện. Như vậy, không thể tách rời mối quan hệ giữa tái hiện hình tượng nhân vật với các hoạt động liên tưởng và tưởng tượng của học sinh; nhờ có sự liên tưởng và tưởng tượng để kết nối, mở rộng các hình ảnh,... mà học sinh có thể sáng tạo nên những hình tượng độc đáo, có sức sống lâu bền và vượt xa ngoài dự ý nghệ thuật của nhà văn.

Thứ hai, năng lực liên tưởng có một vai trò quan trọng trong tiếp nhận truyện ngắn, người học cần có những khả năng liên tưởng mạnh mẽ để nói rộng và nắm bắt được hệ thống sự vật, tuyển lọc các sự việc, sự kiện của cuộc sống để việc sáng tạo hình tượng dễ dàng thực hiện. Điều này chứng minh rằng, liên tưởng có mối quan hệ chặt chẽ với tưởng tượng và tái hiện trong quá trình vận hành của

tâm lí. Liên tưởng để liên kết các hình ảnh, biểu tượng,...từ đó để bổ sung, chia tách, mở rộng và đưa thêm những yếu tố cần có mới mẻ vào hình tượng nhân vật để nó trở nên độc đáo. Hoạt động kết nối của liên tưởng với thế giới hình tượng nhân vật trong văn bản truyện ngắn có thể đưa lại cho học sinh những tài liệu hết sức quý giá. Như vậy, liên tưởng người học không được tách khỏi lô gíc cuộc sống trong và ngoài văn bản, liên tưởng càng mạnh mẽ bao nhiêu thì càng nói rộng giới hạn hình tượng bấy nhiêu. Do vậy, hình tượng nhân vật mà họ kiến tạo nên vô cùng sinh động, có tiềm năng khơi gợi lớn.

Thứ ba, muốn tiếp nhận truyện ngắn hiệu quả, người học buộc phải huy động trí tưởng tượng. Bởi lẽ, nhận thức về hình tượng trong truyện ngắn của học sinh thông qua tưởng tượng được hiểu là sự phản ánh từ những cái đã có trong kinh nghiệm của cá nhân và đồng thời sáng tạo nên những hình tượng mới trên cơ sở những biểu tượng mà các em đã có thông qua trải nghiệm cuộc sống và đọc tiếp xúc với văn bản truyện. Công việc này được bắt đầu từ việc cắt nghĩa hệ thống hình ảnh, biểu tượng, chi tiết, tình huống, giọng kể, lời kể, hệ thống nhân vật,...có tính khái quát cao của trí nhớ để chuyển hóa và tái hiện nên hình tượng sinh động. Khi huy động khả năng tưởng tượng, các em đã tạo ra sự hợp nhóm các biểu tượng có tính chất tương đồng hoặc khác biệt với những yếu tố được nhà văn lựa lọc trong hiện thực để chuyển đưa vào tác phẩm, tại đó sự hứng thú và hoạt động tương tác tâm lí giữa các chủ thể tiếp nhận mới thực sự diễn ra. Đó là quá trình học sinh kết nối, tương tác, trải nghiệm thẩm mỹ và thấu cảm tinh tế với các yếu tố căn cốt của văn bản truyện ngắn để tái thuật từng bước, từng đặc điểm của hình tượng trong tác phẩm và sáng tạo nên hình tượng mới cho riêng mình. Từ sự tưởng tượng, người học có thể nhìn nhận, tiếp thu, nhận thức, hình dung và tái hiện nhân vật như một kiểu cảm giác thuần túy bên trong nào đấy, phải chăng đó là hệ thống các thuộc tính của hình tượng có ý nghĩa vừa được chuyển hóa từ sự tiếp nhận chủ quan một cách sáng tạo của các em. Không chỉ thế, tưởng tượng nhân vật còn cho thấy, người học có khả năng kiến tạo nên một chỉnh thể hình tượng chưa hề có tiền lệ trong trí nhớ và dường như đó là một tiên kiến, một phát hiện đến kì lạ với cái có thể có được trong cuộc sống của các em.

Rõ ràng, nhờ có sự tương tác giữa các yếu tố căn bản của truyện ngắn với các thành phần hạt nhân của tâm lí sáng tạo, học sinh có thể lựa lọc, bổ sung những nhân tố mới mẻ vừa khái quát, vừa điển hình để tạo nên sự độc đáo cho hình tượng nhân vật ở từng cấp độ khác nhau. Như vậy, tác giả luận án nhận định rằng, liên tưởng và tưởng tượng chính là nguồn nguyên liệu phong phú để người học có thể tái hiện hình tượng nhân vật một cách chân xác, trọn vẹn và cảm thụ truyện ngắn được sâu sắc.

Đến đây, chúng tôi đi đến nhận định rằng, trong tiếp nhận truyện ngắn của học sinh, các hoạt động tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng có mối quan hệ mật thiết, chúng vừa là cơ chế vừa là điều kiện của nhau trong sự vận hành của tâm lí. Thực chất, tiếp nhận truyện ngắn là một hoạt động sáng tạo, một hoạt động tinh thần có quy luật riêng, một quá trình tích cực vận động vốn sống, kinh nghiệm và những năng lực tư duy. Như vậy, tác giả luận án cho rằng, trong dạy học truyện ngắn, việc giáo viên và học sinh nhận thức sâu sắc được mối quan hệ giữa tái hiện hình tượng với liên tưởng và tưởng tượng có một ý nghĩa quan trọng, nó mở ra hướng tiếp cận hiệu quả thể loại truyện ngắn và phát triển năng lực tiếp nhận cho chủ thể học sinh.

2.1.3. Đặc điểm tiếp nhận của học sinh là cơ sở quan trọng để phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12

Tiếp nhận truyện ngắn của học sinh lớp 12 thực chất là một quá trình giao tiếp. Trong đó, sự giao tiếp giữa tác giả với người đọc, là mối quan hệ giữa người bày tỏ và người chia sẻ. Tất nhiên sự đồng cảm giữa người viết và người đọc không phải bao giờ cũng là sự trùng khít hoàn toàn, người viết nói gì là được người đọc hiểu. Nói như nhà nghiên cứu Trần Đình Sử: “*Tiếp nhận tác phẩm là cụ thể hóa, hiện thực hóa tác phẩm trong trí tưởng tượng, là đối thoại liên tục với tác giả trên mọi lĩnh vực, là quá trình chờ đợi, thắc mắc và giải đáp*”[89, tr.157]. Đã có những tác phẩm truyện ngắn mà giá trị nghệ thuật của nó được người đọc tưởng tượng mở rộng và làm cho biên độ hình tượng vượt ra ngoài tầm tư tưởng tác giả muốn gửi gắm. Trong thực tế, vai trò của

bạn đọc không chỉ xuất hiện khi tác phẩm đã hoàn thiện mà nó đã đồng hành với tác giả trong suốt quá trình sáng tác. Với nguyên tắc lấy tác phẩm làm tiền đề, tiếp nhận truyện ngắn của học sinh lớp 12 đã có những khác biệt cơ bản và rất rõ nét.

Đặc điểm nổi bật nhất trong tiếp nhận truyện ngắn của học sinh lớp 12 là tính chất cá thể hóa, tính chủ động và tích cực của họ. Lứa tuổi học sinh phổ thông là lứa tuổi đang có những thay đổi về nhận thức mạnh mẽ, ưa tìm tòi khám phá, các em tuy còn nghèo về kinh nghiệm sống, sự trải nghiệm chưa được ý thức, tính cách dễ xúc cảm song lại khá táo bạo trong ý tưởng, kiến tạo hình tượng và có hứng thú đặc biệt với nghệ thuật, tư duy phê phán còn yếu song tư duy sáng tạo lại mạnh và đậm bản sắc cá nhân. Hơn nữa, mỗi cá thể người học lại được sinh ra trong những hoàn cảnh khác nhau, lớn lên chịu những tác động khác nhau của môi trường sống, của xã hội và của sự giáo dục của gia đình nên khuynh hướng tư tưởng và nhận thức của các em có sự phân biệt với nhau rất rõ. Khi tiếp xúc với các tác phẩm truyện ngắn, ở các em sẽ có những hướng khám phá riêng, tùy vào từng khuynh hướng thẩm mỹ mà hiệu quả tiếp nhận khác nhau. Tuy nhiên, dưới sự định hướng của giáo viên và sự cố định của văn bản ở mức độ ngôn ngữ nghệ thuật thì điểm gặp gỡ của các em vẫn tồn tại khá rõ. Như vậy, tính khuynh hướng trong tư tưởng, tình cảm, trong thị hiếu thẩm mỹ càng làm cho sự tái hiện, liên tưởng tưởng tượng đậm nét cá nhân và chính điều này đã làm tăng thêm sức sống cho các tác phẩm. Mỗi truyện ngắn là một bức tranh cụ thể sinh động về đời sống, nhưng đồng thời nó cũng gợi lên những điều mơ hồ, nét chấm phá, tạo nên những khoảng trống để người học tự suy nghĩ và chiêm nghiệm. Do vậy, trong quá trình tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng, học sinh phải biết tri giác, vận dụng năng lực, kinh nghiệm thẩm mỹ của mình để lấp đầy các khoảng trống, để liên kết các luồng tư tưởng và làm nổi rõ những nét còn mờ nhạt. Trong quá trình ấy, giữa học sinh và văn bản truyện ngắn đã tạo nên lực tác động hết sức mạnh mẽ, một mặt tác phẩm tác động đến ngôn từ, câu chữ, biểu tượng, tình

huống vào nhận thức của người đọc, mặt khác sự tìm tòi, khám phá của họ làm cho trường ý nghĩa của truyện ngắn được nhân lên, mở rộng ra, co giãn linh hoạt, nhờ đó mà đầy đặn và hoàn chỉnh hơn.

Đặc điểm thứ hai trong tiếp nhận truyện ngắn của học sinh lớp 12 là tính đa dạng không thống nhất trong sự giao tiếp của người đọc với tác phẩm. Tính chất này được bộc lộ ở chỗ cùng một tác phẩm truyện ngắn nhưng tính cảm thụ và đánh giá của các em rất khác nhau, sự khác biệt này đến từ phía văn bản và cả người học. Vận dụng và khám phá văn bản truyện càng phong phú, hình tượng nhân vật càng phức tạp, ngôn từ càng đa nghĩa thì sự cảm nhận của học sinh về tác phẩm càng muôn hình muôn vẻ. Đồng thời, tiềm năng tư tưởng nghệ thuật của tác phẩm càng lớn, nội dung càng phong phú, hình tượng càng phức tạp thì sự tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng càng đa dạng. Mặt khác, do sự ảnh hưởng về phương diện kinh nghiệm sống, học vấn, thậm chí là cảm xúc, tình cảm của người học tại thời điểm tiếp nhận văn bản truyện ngắn khác nhau nên sẽ đưa lại những tác động khác nhau đối với tác phẩm. Đơn cử như cùng tiếp xúc với văn bản “*Vợ nhặt*” của nhà văn Kim Lân nhưng hướng tiếp cận, thái độ và suy nghĩ của học sinh là rất khác nhau, một bộ phận các em học sinh đánh giá người Vợ nhặt theo hướng tiêu cực khi cho rằng, Thị đã gạt bỏ danh dự vì miếng ăn và lại còn theo không Tràng về nhà, nhưng cũng không ít các em học sinh lại chia sẻ và thấu cảm sâu sắc với hoàn cảnh éo le của con người đang đứng bên bờ vực cái chết, đặc biệt là nhận thấy ở họ niềm khát khao mãnh liệt hạnh phúc gia đình...sự khác biệt này được gọi là “tâm đón nhận”. Ngoài ra, còn có các yếu tố khách quan khác chi phối như động cơ tiếp nhận, tâm thế tiếp nhận, thị hiếu thời đại. Tuy nhiên, bản lề của quá trình tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng đa dạng này chính là cách hiểu xác thực và đúng đắn nhất về tác phẩm, tránh hiểu sai, hiểu lệch lạc. Tác phẩm truyện ngắn chỉ thực sự đi trọn vòng đời của nó khi được tiếp nhận bởi nhiều thế hệ người đọc, khai phá hết các tầng lớp ý nghĩa vô hạn của nó.

Đặc biệt, chúng tôi cũng lưu ý thêm rằng, các cấp độ tiếp nhận truyện ngắn của học sinh ở lớp 12 là khác nhau. Thực chất, đọc và hiểu tác phẩm

truyện ngắn là một hành động tự do, mỗi học sinh có cách thức riêng, tùy theo trình độ, thói quen, thị hiếu, sở thích của mình, nhưng nếu nhìn nhận một cách khái quát vẫn có thể thấy những cách đọc nhất định trong cách thức tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng. *Cấp độ thứ nhất*, cảm thụ tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của truyện, tức là xem tác phẩm kể chuyện gì, có tình ý gì, các tình tiết, diễn biến ra sao, các nhân vật yêu ghét nhau thế nào. Người học thường bám tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của mình vào chuỗi ngôn ngữ của văn bản truyện trong hệ thống hình tượng nhân vật, mối quan hệ qua lại giữa các nhân vật, hệ thống tình tiết, cốt truyện,... để hiểu về thông điệp của tác giả. Cấp độ tiếp nhận này chịu ảnh hưởng của tâm đón nhận và sự lựa chọn về thị hiếu thẩm mỹ của người học, phái nữ thường tìm đọc những truyện ngắn tình cảm, nam giới thích những câu chuyện phiêu lưu mạo hiểm, chinh phục để thành công, hoặc say mê những câu chuyện yêu đương. Bất cứ bạn đọc học sinh nào khi đến với tác phẩm truyện ngắn cũng mong muốn nó vừa biểu hiện, vừa củng cố những hứng thú và sở thích phù hợp với lý tưởng của mình. Đây là tâm đón nhận bao trùm nhất có tác dụng chi phối đối với tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của bạn đọc học sinh. Tuy nhiên, hạn chế của cấp độ này là sự tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách đơn giản và theo số đông phổ biến. *Cấp độ hai* là, cảm thụ để thấy nội dung tư tưởng của tác phẩm truyện ngắn, với cấp độ này người đọc sử dụng tư duy phân tích – kết quả nhằm đặt ra các khuynh hướng tư tưởng khác nhau của tác phẩm. Cấp độ này cũng góp phần sàng lọc khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của người đọc, khi đến với tác phẩm truyện ngắn ở cấp độ này bạn đọc học sinh mong chờ được củng cố, nâng cao tư tưởng, bồi đắp tình cảm thẩm mỹ và mở rộng tâm hồn của mình. *Cấp độ ba* là, cảm thụ kết hợp nội dung và hình thức biểu hiện của tác phẩm truyện ngắn, thấy cả giá trị tư tưởng và nghệ thuật, cảm nhận cái hấp dẫn, sinh động, cái đẹp của biểu tượng, chi tiết, tình huống, nhân vật, ngôi kể, điểm nhìn, kết cấu. Qua việc tiếp xúc với tác phẩm, thấy rõ ý nghĩa xã hội sâu sắc thông qua đó mà suy ngẫm, đối thoại với tác giả, với chính mình, suy tư về cuộc đời, tác động tích cực vào tiến trình vận động của đời sống.

Như vậy, tác giả luận án nhận thấy, mỗi một đối tượng nhận thức đều có tính chất và quy luật riêng tác động riêng của nó. Do vậy, để phát triển được năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh lớp 12 trong dạy học truyện ngắn, nhất thiết giáo viên phải nhận thức sâu sắc và đầy đủ nhất về đặc điểm tiếp nhận của người học.

2.1.4. Đặc trưng thi pháp truyện ngắn ở lớp 12 là cơ sở thiết yếu để phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của HS

Có thể nói, truyện ngắn được nghiên cứu trên nhiều bình diện từ cốt truyện, kết cấu, nhân vật, không gian và thời gian nghệ thuật, giọng điệu,...đây cũng là những yếu tố cơ bản nhất của thi pháp truyện ngắn. Từ nền lí luận này, chúng tôi nhận thấy, truyện ngắn trong chương trình Ngữ văn lớp 12 gắn có những dấu hiệu thi pháp rất đặc trưng.

Về cốt truyện: Truyện ngắn trong giai đoạn chống Pháp có nhiều thành tựu nổi bật với nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao. Nhìn chung, truyện ngắn thời kì này có cốt truyện đơn giản, nhiều truyện diễn đạt một nét phong tục văn hóa, một tấm gương anh dũng trong kháng chiến, hay số phận con người ở một miền quê nào đó. Trong truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*” cốt truyện xoay quanh câu chuyện về cuộc sống của đồng bào dân tộc vùng cao trên hành trình tìm về với Đảng, hòa vào cuộc kháng chiến vệ quốc oai hùng của dân tộc. Những biến cố trong cuộc đời của Mị và A Phủ là những đau thương có thật của con người dưới sự bạo tàn của giai cấp thống trị vùng cao, và đó cũng là quá trình tìm về với quê hương cách mạng.

Bước cùng với lịch sử dân tộc, truyện ngắn thời kì sau lại có cốt truyện đa dạng và hấp dẫn hơn theo hướng sự mở rộng và nối dài sự kiện để thoát khỏi lối kể chuyện thuần túy. Truyện ngắn “*Vợ nhặt*” không có nhiều chi tiết nghệ thuật dữ dội như trong “*Rừng xà nu*” của Nguyễn Trung Thành hay “*Những đứa con trong gia đình*” của Nguyễn Thi, nhưng các sự kiện lại vừa dồn nén vừa giãn cách tạo ra sự hồi hộp mong chờ của người đọc về cuộc gặp gỡ giữa Tràng và Thị. Con đường duyên tình của họ trải qua nhiều ngang trái, nhưng với một niềm tin mãnh liệt vào hạnh phúc gia đình và sức mạnh

của tình người sẽ tiếp thêm cho họ nguồn năng lượng tinh thần để hướng tới ngày mai tươi sáng.

Chúng tôi nhận thấy, truyện ngắn giai đoạn sau 1975 có dạng thức cốt truyện phong phú và biến chuyển phức tạp. Có thể nói, truyện ngắn này quan tâm nhiều hơn đến dạng cốt truyện như: cốt truyện luận đề, cốt truyện kịch tính, cốt truyện tâm lí. Truyện ngắn “*Chiếc thuyền ngoài xa*” là mối quan hoài của nhà văn Nguyễn Minh Châu đến đời tư con người trong cuộc mưu sinh nhọc nhằn, đau khổ trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc và sự bình yên. Trong truyện ngắn “*Một người Hà Nội*”, chỉ bằng nhan đề của truyện, tác giả đã làm bùng sáng lên vẻ đẹp độc đáo của cốt cách người Tràng An hào hoa và lịch lãm quy tụ trong nhân vật cô Hiền - một người có bản lĩnh, luôn là chính mình trong mọi hoàn cảnh thử thách với một nếp sống, nếp cảm và nếp nghĩ đạt đến độ chuẩn mực.

Với truyện ngắn Thuốc, tác giả Lỗ Tấn đã tạo nên một câu chuyện nhẹ nhàng, không có xung đột gay gắt, song với cách thức tổ chức chặt chẽ, đã tạo thành một cốt truyện hoàn chỉnh, mang nhiều ý nghĩa sâu sắc, vừa đẹp về mặt kết cấu, tổ chức nghệ thuật, vừa chuyển tải được một nội dung mang tính cách mạng cao. Cốt truyện được tổ chức như vậy để tạo ra một kiểu trùng lặp nhằm nhấn mạnh sự thay đổi về nhận thức của con người. Sự chuyển đổi các không gian theo mùa, do đó, cũng tạo ra ý tưởng về sự phát triển đi lên, tạo ra niềm tin và khơi dậy niềm lạc quan tin tưởng. Trong truyện ngắn *Số phận con người*, tác giả Sô Lô Khốp đã hướng toàn bộ câu chuyện đến khẳng định sức mạnh tiềm ẩn và những cống hiến của nhân dân Nga, đồng thời thể hiện lòng khâm phục và tin tưởng ở tính cách Nga kiên cường và nhân hậu, đồng cảm trước vô vàn khó khăn trở ngại mà con người phải vượt qua trên con đường vươn tới tương lai, hạnh phúc. Cốt truyện tô đậm vẻ đẹp của người lính dũng cảm trong chiến đấu trước kẻ thù, một người lao động có trách nhiệm cao cả và nghị lực phi thường như biểu tượng đẹp đẽ của nhân dân Nga, vừa là một số phận cá nhân với những cảnh ngộ, sự từng trải và bước đường đời rất riêng. Chiếu đặt nhân vật vào trong nhiều mối quan hệ

với dân tộc, nhân dân, thời đại, gia đình,...nhà văn đã nâng nhân vật lên tầm vóc sử thi.

Về không gian nghệ thuật: Không gian nghệ thuật là một trong những phạm trù quan trọng của thi pháp học, qua nó thể hiện năng lực sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ. Trong tiếp nhận văn học nói chung và truyện ngắn nói riêng, rất cần thiết phải nhận diện yếu tố không gian tồn tại trong văn bản như là một điều kiện để giải mã tác phẩm. Để định vị diện mạo của nó nhiều nhà nghiên cứu cho rằng: “*Các tính chất của thời gian mở ra trong không gian, không gian được cảm nhận và biến đổi trong thời gian*”[88, tr.87]. Truyện ngắn 1945 -1975 phản ánh nhiều mặt những sự kiện trọng đại của dân tộc, do vậy không gian trong các truyện luôn được mở rộng, vượt ra khỏi những không gian chật hẹp tù túng. Trong truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*” của Tô Hoài, cuộc đời tăm tối của Mị và A Phủ đã bước sang một trang mới khi chạy trốn tới Phiềng Sa theo tiếng gọi của cách mạng. Không gian bao trùm của tác phẩm “*Vợ nhặt*” là không gian của xóm ngụ cư nghèo trong sự tàn phá khủng khiếp của cái đói với những bóng người đi lại dật dờ như những bóng ma, là âm thanh của tiếng khóc hờ ti tê của những nhà có người chết đói. Tuy nhiên, hình ảnh lá cờ đỏ xuất hiện cuối tác phẩm đã xóa tan đi cuộc đời bế tắc và tăm tối của người nông dân. Trong tưởng tượng của học sinh, hình ảnh Tràng và Thị hòa mình vào đoàn người đi phá kho thóc Nhật cứu đói đang lan rộng khắp cả nước. Như vậy, bằng hình ảnh ngọn cờ hồng bay phấp phới cùng đoàn người đi trên đê Sộp, nhà văn Kim Lân đã phác họa một không gian sử thi hùng tráng của cuộc Cách mạng tháng tám trời dung đất chuyển.

Trong truyện ngắn thời kháng chiến chống Mỹ, không gian được miêu tả là con đường ra trận, đó có thể là một bến sông, một xóm làng hay một trận chiến ác liệt. Không gian trong truyện “*Những đứa con trong gia đình*” là không gian của quê hương, là ngôi nhà thân thương của Việt và Chiến, không gian trận địa của một trận đánh vừa diễn ra trong cách nhìn của anh lính trẻ. Trong truyện ngắn “*Rừng xà nu*”, tác giả Nguyễn Trung Thành đã vẽ nên một không gian rộng lớn của núi rừng Tây Nguyên với sự lớn lao của ngọn đồi xà

nu đại ngàn hiên ngang kì vĩ. Không gian được miêu tả nơi buôn làng Xô Man sinh sống và đó cũng là không gian thu nhỏ của Tây Nguyên đang cùng với cả nước đánh Mỹ.

Truyện ngắn hậu chiến thể hiện một cách sinh động và phong phú các dạng không gian khác nhau, trong đó không gian được tả trong truyện bao gồm: không gian bồi cảnh, không gian sự kiện và không gian tâm lí. Đặc biệt, không gian tâm lí dần chiếm ưu thế và được quan tâm nhiều trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu. Từ sau 1975 là chặng đường chuyển tiếp từ văn học sử thi thời chiến tranh sang văn học thời hậu chiến. Những tác phẩm truyện ngắn giai đoạn này đã giúp thu hẹp bớt khoảng cách khá xa với đời sống, đồng thời cũng là sự chuẩn bị tích cực cho những chuyển biến mạnh mẽ khi bước vào thời kỳ đổi mới. Không gian nghệ thuật trong truyện ngắn “*Chiếc thuyền ngoài xa*” gần với không gian cuộc sống, nhà văn đã khám phá cuộc sống con người như là một nhân vật trung tâm của bức tranh đời sống, bám sâu vào hiện thực để phản ánh chân xác ở con người về những điều chưa thấy hay chỉ có thể nghe.

Trong truyện ngắn Thuốc của Lỗ Tấn, tác giả đã sử dụng yếu tố thời gian nghệ thuật ở ngay đầu chương. Lão Hoa Thuyên đi mua chiếc bánh bao thấm máu người vào lúc: Một đêm thu gần về sáng. Trăng lặn rồi nhưng mặt trời chưa mọc. Đó là thời điểm tranh tối tranh sáng, đó cũng là lúc đen tối nhất trước khi xuất hiện buổi bình minh. Đây không phải là thời gian vật lý, thời gian của vũ trụ mà là thời gian do tác giả tạo nên một cách có dụng ý nghệ thuật. Lão Thuyên đi mua chiếc bánh bao thấm máu người vào thời điểm ấy bởi bản án tử hình của Hạ Du cũng được thực thi vào thời điểm ấy. Nên việc để cho nhân vật lão Hoa Thuyên đi mua chiếc bánh bao thấm máu người vào lúc Trăng lặn rồi nhưng mặt trời chưa mọc là dụng ý của tác giả. Yếu tố thời gian ở đây là yếu tố thời gian nghệ thuật. Với yếu tố thời gian nghệ thuật này, Lỗ Tấn đã tái hiện bộ mặt tàn bạo của giai cấp thống trị vô cùng tham lam và tàn ác trong xã hội Trung Quốc thời ấy. Khai thác vẻ đẹp

con người trong lao động, nhà văn Hê - minh - uê không đặt Xan ti - a - gô vào thế phải lựa chọn gay go quyết liệt, mà tung lão già cô độc ấy ra biển khơi, giữa một tình huống cũng gay go quyết liệt chẳng kém, đó là cuộc vật lộn giữa con người với thiên nhiên, giữa cái sống và cái chết, giữa tấn công hay lùi bước. Độc thoại nội tâm thường chỉ thích nghi với khuôn khổ thời gian tâm lí dài và không gian vật lí hẹp và Hê - minh - uê đưa nhân vật ra khơi. Còn có không gian nào mênh mông hơn: trời cao vô tận, biển sâu hun hút, bốn phương bát ngát đều chẳng thấy đâu là bến bờ. Nhưng rộng mà lại hẹp vì chỗ nào cũng chỉ đơn điệu trời và biển khiến ta có cảm giác bị vây bọc như giữa bức tường, chẳng có ngoại cảnh nào làm phân tán được tâm tư. Đề từ đó người đọc như nhận ra được sự ngộ giác của tác giả về vẻ đẹp của con người trong hành trình kiếm tìm và khám phá giới hạn tồn tại của bản thân: “*Con người có thể bị hủy diệt chứ không thể bị đánh bại*”.

Quan niệm nghệ thuật về con người: Con người trong truyện ngắn giai đoạn 1945 – 1975 được nhìn nhận chủ yếu dưới góc độ sử thi, bao khó khăn, thử thách mới đặt ra trong đời sống. Điểm mới trong sự thể hiện con người quần chúng của truyện ngắn thời kì này là đặt con người chính trị, con người công dân làm trung tâm, “*lấy số phận cá nhân của con người để làm gương soi*” [55, tr.47]. Họ là những người trong sáng, hồn hậu, biết hi sinh vì sự nghiệp chung. Trong truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*”, tâm lí của nhân vật Mị và A Phủ được Tô Hoài khai thác một cách độc đáo, tuy nhiên nét tâm lí ấy bộc lộ quy luật chung của sức sống mãnh liệt cũng như sự phản kháng của quần chúng lao động bị áp bức. Truyện ngắn “*Vợ nhặt*” đã lay thức chúng ta về vẻ đẹp của tình người và niềm hi vọng vào cuộc sống một cách mạnh mẽ nhất ở những thân phận đói nghèo và thảm hại. Và dường như, lẽ sống cao đẹp luôn hướng về tương lai của họ chính là những điểm sáng nghệ thuật mà Kim Lân từng trần trở và luôn tìm một phương thức thể hiện độc đáo nhất.

Sự phức tạp, bề bộn của cuộc sống đòi hỏi nhà văn phải có những tiếng nói thể hiện nhu cầu phong phú, đa dạng, phức tạp trong đời sống tinh

thần của con người. Sự tìm hiểu khám phá con người từ nhiều chiều, nhiều hướng đến thế giới nội tâm là xu thế nổi bật, trong đó truyện ngắn đã phát huy được khả năng tiếp cận và phản ánh hiện thực con người một cách sâu sắc. Có thể nói con người trong truyện ngắn giai đoạn sau 1975 được các nhà văn cảm nhận và thể hiện cũng theo tinh thần ấy. Con người tự nhiên đời thường được điều chỉnh hợp lý và có chiều sâu, chưa bao giờ số phận, bi kịch cá nhân được đặt ra một cách bức xúc và mạnh mẽ như thế. Nhân vật của truyện ngắn sau giải phóng rõ ràng ít tính lí tưởng, không hoàn hảo, không được bao bọc trong bầu không khí vô trùng như trước đó thường thấy. Người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn “*Chiếc thuyền ngoài xa*” của nhà văn Nguyễn Minh Châu là con người không đồng nhất với chính bản thân mình, mà luôn phức tạp khi đối diện với chính mình trong tòa án lương tâm để cho hạt ngọc tâm hồn càng thêm lấp lánh.

Trong khi đó, một số truyện ngắn khác đi sâu khám phá đời sống bên trong con người, xoáy sâu vào tiềm thức của họ để phát hiện ra những vẻ đẹp ẩn khuất trong nếp nghĩ và nếp cảm mà giai đoạn trước đó chưa đề cập tới. Nó góp phần làm phong phú trong quan niệm nghệ thuật về con người và tạo ra những biến đổi quan trọng trong phương thức biểu hiện nhân vật. Trong truyện ngắn “*Một người Hà Nội*”, thông qua nhân vật cô Hiền, nhà văn Nguyễn Khải đã cho người đọc được thấm cảm về vẻ đẹp tinh thần bền vững, không bị nhạt nhòa theo thời gian của một người Hà Nội gốc. Tất cả tôn lên một bức tranh về con người Tràn An luôn âm thầm và lặng lẽ để bảo vệ sự trường tồn của mảnh đất kinh kì ngàn năm vạn vật.

Có nhiều sự tương đồng về thi pháp thể loại truyện ngắn với không ít nhà văn Việt Nam khi khám phá về vẻ đẹp con người, trong truyện ngắn *Số phận con người*, tác giả Sô Lô Khốp dũng cảm nói lên sự thật, không sợ màu sẫm và gai góc để phát nhận ra vẻ đẹp thiện lương của con người, thấy được mối quan hệ giữa nghệ thuật và đời sống. Cách kể chuyện giản dị nhưng chứa đựng sức khái quát rộng lớn và sâu sắc. Nhân vật được miêu tả mang tính

chất điển hình, giàu cá tính và sinh động, số phận con người tập trung làm nổi bật số phận bất hạnh của con người sau chiến tranh, luôn giữ niềm tin mãnh liệt ở tính cách Nga kiên cường và bao dung. Cũng từ đó, Sô lô khốp nhắc nhở và kêu gọi sự quan tâm của xã hội đối với nhân cách con người và góp tiếng nói lên án chiến tranh phi nghĩa.

Về ngôn ngữ và giọng điệu: Giọng điệu là một yếu tố đặc trưng của phong cách nhà văn, nó phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ. Theo nhiều nhà nghiên cứu, giọng điệu thể hiện: “*Thái độ của một tác giả đối với một thực trạng đang như một nguy cơ được cảnh tỉnh*” [55, tr. 175]. Do sự chi phối của khuynh hướng sử thi, truyện ngắn giai đoạn cách mạng không hướng tới sự đa thanh, đa giọng điệu mà chủ yếu hướng đến sự thống nhất trong quan điểm của người trần thuật, nhân vật chính diện và nhân vật quần chúng để tạo tiếng nói thống nhất. Khi đọc truyện ngắn “*Rừng xà nu*” của Nguyễn Trung Thành, chính giọng điệu hào hùng, đanh thép đã xóa đi cái không khí bi thương, để rồi câu chuyện vang dội tính sử thi và lắng lại trong lòng người đọc nhiều dư vị về cuộc chiến tranh vệ quốc của một dân tộc có ý chí quật cường khiến kẻ thù phải khiếp sợ. Tính chất đơn giọng của truyện phù hợp với nội dung mang tính sử thi và yêu cầu của công chúng, có hiệu quả trong việc phản ánh tinh thần của thời đại. Nét nghệ thuật đặc sắc truyện ngắn “*Những đứa con trong gia đình*” của Nguyễn Thi không chỉ bởi khả năng xây dựng tình huống độc đáo mà còn ở ngôn ngữ và giọng kể chuyện, chính nhờ đó mà vẻ đẹp của con người và văn hóa miền sông nước Nam Bộ hiện lên vô cùng ấn tượng.

Việc sử dụng ngôn ngữ giàu tính hiện thực, giản dị cho phù hợp với hướng khai tác cuộc sống ở góc nhìn số phận cá nhân trong các mối quan hệ phức tạp sau chiến tranh, chất hiện thực đời thường được thể hiện ở ngôn ngữ mang hơi thở cuộc sống đương đại. Sau chiến tranh, truyện ngắn phát hiện

các vấn đề hiện thực trong chiều sâu triết học và nhu cầu chiêm nghiệm trước nhân sinh dẫn đến giảm ngôn ngữ kể tả, tăng ngôn ngữ bình luận và phân tích. Điều này được thể hiện qua nhiều truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Nguyễn Khải... Mỗi nhà văn đều bộc lộ cá tính sáng tạo của mình ở một giọng điệu riêng khó trộn lẫn. Họ đã chú ý hơn trong việc miêu tả thế giới tâm lí của con người, những nét tính cách, phẩm chất qua sự chiêm nghiệm, suy nghĩ trong chính bản thân mình. Trong truyện ngắn “*Một người Hà Nội*”, nhà văn Nguyễn Khải đã sử dụng giọng điệu kể chuyện vừa rất trải đời, vừa tự nhiên dân dã, vừa giàu chất triết lí,... để tạo nên sức hấp dẫn và chiều sâu tư tưởng cho câu chuyện. Số phận con người có sức rung cảm vô hạn của chất trữ tình sâu lắng.

Chúng tôi nhận thấy, có một sự gặp gỡ trong sáng tạo truyện ngắn với các nhà văn Việt Nam, tác giả Sô Lô Khốp trong truyện ngắn *Số phận con người* đã sáng tạo ra hình thức tự sự độc đáo và sự xen kẽ nhịp nhàng trong giọng điệu của người kể chuyện (tác giả và nhân vật chính). Sự hoà quyện chặt chẽ chất trữ tình của tác giả và chất trữ tình của nhân vật đã mở rộng, tăng cường đến tối đa cảm xúc nghĩ suy và những liên tưởng phong phú cho người đọc. Đặc điểm ngôn ngữ kể chuyện trong tác phẩm *Ông già và biển cả* của Hê - minh - uê có ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ trực tiếp của ông già được thể hiện bằng ngôn ngữ của người kể chuyện tường thuật khách quan sự việc qua lời phát biểu trực tiếp của ông lão. Đây là ngôn từ trực tiếp của nhân vật, có lúc nó là độc thoại nội tâm và trong đoạn văn trích nó là đối thoại. Đây là nét nổi bật trong phong cách viết độc đáo của Hê - minh - uê: luôn đặt con người đơn độc trước thử thách. Con người phải vượt qua thử thách vượt qua giới hạn của chính mình để đạt tới ước mơ.

Như vậy, chúng tôi cho rằng, để phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở chương trình Ngữ văn lớp 12 đạt hiệu quả, nhất thiết giáo viên phải bám dựa vào đặc trưng thi pháp của nó. Bởi lẽ, việc nhận thức sâu sắc về mối quan hệ tương

tác giữa các dấu hiệu thi pháp thể loại với tâm lí người học là một cơ sở lí luận đặc biệt quan trọng để phát triển năng lực tiếp nhận.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Thực trạng năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh lớp 12 trong học truyện ngắn

2.2.1.1. Đối tượng, phạm vi và thời gian khảo sát

Để có cơ sở khoa học đề xuất các giải pháp, chúng tôi tiến hành khảo sát thực tiễn học truyện ngắn của học sinh khối lớp 12, đồng thời chọn 2 tác phẩm là Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài) và Vợ nhặt (Kim Lân) trong SGK Ngữ văn, tập 2, chương trình chuẩn để dạy thực nghiệm ở các trường THPT trên địa bàn thuộc 6 tỉnh thành phố. Cụ thể là: THPT Lê Hoàn và THPT Bá Thước 3 (Thanh Hóa); THPT Tân Yên số 2 (Bắc Giang); THPT Tiên Lữ (Hưng Yên); THPT Quang Trung và THPT Lê Quý Đôn (Hải Dương); THPT Tuần Giáo và THPT Mùn Chung (Điện Biên). Thời gian khảo sát và thực nghiệm được tác giả luận án thực hiện từ ngày 15 tháng 12 đến cuối tháng 2 học kì 2 các năm học: 2014 – 2015, 2015 – 2016 và 2016 – 2017.

Dựa trên cơ sở này, chúng tôi tiến hành phân tích, đối chứng và đánh giá thực trạng học tác phẩm truyện ngắn của học sinh, từ đó tìm ra phương pháp và biện pháp để phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong tiếp nhận truyện ngắn.

2.2.1.2. Nội dung, phương pháp và mục đích khảo sát

Để đánh giá và đo lường được năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn, chúng tôi tiến hành vận dụng kết hợp đa dạng các phương pháp khác nhau để khai thác tối đa thông tin về đối tượng. Cụ thể như sau:

- Tiến hành dạy thực nghiệm ở 8 trường THPT, giáo án thực nghiệm được thiết kế công phu với các hình thức tổ chức phong phú để đánh giá năng lực tiếp nhận truyện ngắn, cụ thể là năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng trong quá trình học của học sinh.

- Phối hợp với giáo viên trong tổ bộ môn để phát phiếu khảo sát (Phụ lục 2.1). Hoạt động này nhằm đánh giá năng lực học sinh trên một số phương diện sau: về thái độ hứng thú với việc học truyện ngắn, hướng tiếp cận thể loại này, hiệu quả vận dụng về phương pháp dạy học của giáo viên, kiến thức có liên quan đến thể loại truyện ngắn, kiến thức tâm lí và văn học có liên quan đến năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong quá trình tiếp nhận truyện ngắn.

- Chúng tôi cũng tiến hành dự giờ, thăm lớp, ra đề kiểm tra tại lớp (Phụ lục 3) để đánh giá thái độ học tập, đặc điểm tiếp nhận truyện ngắn, nhận diện những khó khăn còn vướng mắc, từ đó có cơ sở để nhận định về thực trạng tiếp nhận truyện ngắn của học sinh.

- Bên cạnh đó, chúng tôi thực hiện phỏng vấn trực tiếp học sinh để tập hợp ý kiến phản hồi của các em, nhằm đánh giá tính hợp lí về nội dung văn bản truyện ngắn trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12, chương trình chuẩn. Để từ đó, tác giả luận án có cơ sở đánh giá năng lực tiếp nhận truyện ngắn của học sinh thông qua các văn bản cụ thể.

2.2.1.3. Những biểu hiện cụ thể của năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong học truyện ngắn ở lớp 12

Có thể thấy, thước đo hiệu quả của việc vận dụng và phát triển một năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học truyện ngắn phải được đánh giá trên một số tiêu chí nhất định qua những biểu hiện cụ thể của nó. Quá trình đó phải được cụ thể hóa và thể hiện ở hai yếu tố cốt lõi là *tính hiệu quả* và *sự tác động* từ phương pháp dạy học mang lại. Bàn về vấn đề này, giới nghiên cứu về năng lực nhấn mạnh rằng: “*Đánh giá năng lực đòi hỏi phải đánh giá năng lực thực hiện của học sinh trong việc vận dụng những tri thức thu được từ quá trình đào tạo*”[25, tr.236]. Vì vậy, dạy học truyện ngắn không thể tùy tiện mà phải là một quy trình có chủ định để tạo lập cho học sinh những thói quen, cách thức tiếp cận phù hợp để có thể học tập chủ động và tự giác. Trên cơ sở đề xuất những hệ thống tiêu chuẩn, tiêu

chí đánh giá và các chỉ báo (chỉ số hành vi) cụ thể, chúng tôi mô tả thành tố các năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh qua hệ thống bảng dưới đây:

2.2.1.3.1. Năng lực tái hiện hình tượng

Có thể nói, cấu trúc của năng lực tái hiện hình tượng được hợp nhất bởi các thành tố và nhận diện bằng các chỉ số hành vi riêng của nó, chúng tôi xây dựng khung tiêu chuẩn đánh giá năng lực THHT của học sinh trong dạy học truyện ngắn cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực THHT của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12

Thành tố	Tiêu chuẩn		
	Các mức độ đạt được		
I. Biết lựa chọn kiến thức về tái hiện hình tượng để tiếp nhận truyện ngắn	Biết lựa chọn kiến thức về thể loại truyện ngắn, sáng tạo truyện ngắn, vấn đề tái hiện trong tâm lí học và tái hiện hình tượng vào trong tiếp nhận truyện ngắn.	Biết lựa chọn xác định đầy đủ mục tiêu bài học, làm rõ được sự kết hợp giữa hình thức, nội dung và cách thức tái hiện với đặc trưng của thể loại truyện ngắn.	Biết thiết kế, xây dựng các nội dung tái hiện, các tình huống phù hợp và trọng tâm với tác phẩm truyện ngắn một cách linh hoạt và sáng tạo.
II. Vận dụng sự hiểu biết về tái hiện để lựa chọn hình thức tái hiện phù hợp	Biết triển khai, tổ chức các hoạt động tái hiện hình tượng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình và mục đích đề ra.	Biết triển khai, tổ chức các hoạt động tái hiện hình tượng để kết nối tâm lí với thế giới nghệ thuật trong tác phẩm để cảm nhận tác phẩm truyện ngắn được hiệu quả	Biết xử lý yêu cầu cơ bản do hoạt động tái hiện hình tượng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn đặt ra một cách có hiệu quả và sáng tạo.

III. Sử dụng các các biện pháp và kĩ thuật tái hiện hình tượng để TNTN	Biết sử dụng một số kĩ thuật và thao tác của hoạt động tái hiện hình tượng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.	Biết vận dụng một số kĩ thuật và thao tác của hoạt động tái hiện hình tượng để tiếp nhận truyện ngắn trên cơ sở lý luận và thực tiễn.	Biết vận dụng một số kĩ thuật và thao tác của hoạt động tái hiện hình tượng cơ sở lý luận và thực tiễn một cách sáng tạo.
IV. Sử dụng công nghệ thông tin để phát triển khả năng tái hiện hình tượng	Biết sử dụng công nghệ thông tin để phát triển khả năng tái hiện hình tượng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.	Biết áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin để phát huy khả năng tái hiện hình tượng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.	Biết hỗ trợ, hướng dẫn bạn bè áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin để phát huy khả năng tái hiện hình tượng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
VI. Hình thành nhận thức, thái độ đúng đắn và trung thực trong TNTN	Biết mở rộng được phạm vi tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn thông qua các hình thức: thảo luận, trao đổi, phản biện,...để thể hiện chính kiến và bộc lộ quan điểm cá nhân.	Biết điều khiển và phát triển được những cảm nhận của bản thân đối với tác phẩm truyện ngắn một cách phù hợp với từng hoạt động, từng giai đoạn khác nhau trong giờ học.	Biết sử dụng phản hồi để kiểm tra và đánh giá năng lực tái hiện hình tượng theo chủ kiến của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo.

Sau đây, để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển năng lực tái hiện hình tượng của học sinh, chúng tôi tập trung vào xây dựng khung tiêu chí cơ bản nhất để xác định và đánh giá chất lượng năng lực THHT của người học qua bảng sau:

Bảng 2.2. Tiêu chí đánh giá năng lực THHT của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12

Thành tố	Tiêu chí đánh giá
I. Thiết kế bài học TPTN thông qua các hoạt động tái hiện hình tượng cụ thể	I.1. Xác định được mục tiêu bài học nhưng chưa làm rõ được sự kết hợp hình thức, nội dung và cách thức tái hiện hình tượng với đặc trưng của thể loại truyện ngắn.
	I.2. Xác định đầy đủ mục tiêu bài học nhưng chưa làm rõ được sự kết hợp hình thức, nội dung và cách thức tái hiện hình tượng với đặc trưng của thể loại truyện ngắn.
	I.3. Biết thiết kế, xây dựng các nội dung tái hiện hình tượng, các tình huống phù hợp và trọng tâm với tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo.
II. Tổ chức thực hiện quá trình tái hiện hình tượng truyện TP TN	II.1. Cơ bản đã biết triển khai, tổ chức các hoạt động tái hiện hình tượng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình và mục đích đề ra.
	II.2. Cơ bản đã biết triển khai, tổ chức các hoạt động tái hiện hình tượng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình và mục đích đề ra.
	II.3. Những yêu cầu cơ bản của hoạt động tái hiện hình tượng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn được xử lý đạt yêu cầu và có hiệu quả.
	II.4. Mở rộng được phạm vi tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn thông qua các hình thức: thảo luận, trao đổi, phản biện,... để thể hiện chính kiến và quan điểm cá nhân.
	II.5. Điều khiển, điều chỉnh và phát triển được những cảm nhận chủ quan của bản thân đối với tác phẩm truyện ngắn phù hợp với từng hoạt động tái hiện hình tượng, từng giai đoạn và tình huống khác nhau trong giờ học.

III. Đánh giá kết quả tái hiện và kỹ năng tái hiện hình tượng trong dạy học TPTN	III.1. Chưa biết sử dụng một số công cụ đánh giá phổ thông để đánh giá kết quả học tập, kỹ năng tái hiện hình tượng của bản thân trong giờ học tác phẩm truyện ngắn.
	III.2. Bước đầu sử dụng phản hồi để kiểm tra năng lực tái hiện hình tượng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn nhưng còn sơ sài và chưa trọng tâm.
	III.3. Đã biết sử dụng một số công cụ đánh giá phổ thông để đánh giá năng lực tái hiện hình tượng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	III.4. Biết sử dụng phản hồi để kiểm tra và đánh giá năng lực tái hiện hình tượng theo chủ kiến của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo.
IV. Nghiên cứu, tìm hiểu về tái hiện hình tượng trong dạy học TPTN	IV.1. Chưa biết khai thác những vấn đề cơ bản và trọng tâm của hoạt động tái hiện hình tượng trong giờ học tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, xác định những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn.
	IV.2. Cơ bản đã biết khai thác những vấn đề trọng tâm của hoạt động tái hiện hình tượng trong giờ học tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, vận dụng những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn.
	IV.3. Biết khai thác những vấn đề trọng tâm của hoạt động tái hiện hình tượng trong giờ học tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, vận dụng những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn một cách sáng tạo.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển năng lực tái hiện hình tượng của học sinh lớp 12, chúng tôi hướng đến phân tích và nhận diện các chỉ số hành vi cụ thể để phát huy năng lực liên tưởng trong tiếp nhận truyện ngắn. Hệ thống chỉ số hành vi được thể hiện qua bảng dưới đây:

Bảng 2.3. Chỉ số hành vi của năng lực tái hiện hình tượng trong học truyện ngắn ở lớp 12

Thành tố	Chỉ số hành vi
I. Lập kế hoạch bài học TPTN theo hướng phát triển năng lực tái hiện hình tượng và tiếp nhận sáng tạo	I.1. Trên cơ sở đặc trưng thể loại, vấn đề của tác phẩm truyện ngắn xác định và xây dựng được nội dung tái hiện, hình thức tái hiện hình tượng phù hợp.
	I.2. Trên cơ sở tìm hiểu, phân tích về vai trò của hình tượng và tái hiện hình tượng để đánh giá giá trị nội dung cũng như nghệ thuật của tác phẩm truyện ngắn.
	I.3. Xác định được các nhiệm vụ, biện pháp, phương tiện, tài liệu học tập cụ thể cho việc tìm hiểu khả năng tái hiện hình tượng và cảm nhận tác phẩm truyện ngắn.
II. Tổ chức thực hiện quá trình tái hiện hình tượng, các hoạt động tái hiện thông qua TP TN	II.1. Biết sử dụng và khai thác một cách linh hoạt các phương tiện học tập để tái hiện hình tượng và tìm hiểu tác phẩm truyện ngắn một cách hiệu quả.
	II.2. Thực hiện các hoạt động trao đổi, thảo luận, phản biện theo hướng khai thác tối đa lượng thông tin, quan điểm của bạn bè từ những vấn đề của tác phẩm truyện ngắn.
	II.3. Điều khiển, điều chỉnh, định hướng và phát triển cảm nhận của bản thân về tác phẩm truyện ngắn phát sinh từ các hoạt động tái hiện hình tượng.
	II.4. Triển khai và vận dụng có hiệu quả các nội dung và hình thức tái hiện để kết nối cảm xúc, cảm nhận liên cá nhân đối với tác phẩm truyện ngắn.
III. Đánh giá kết quả tái hiện và kỹ năng tái hiện	III.1. Đánh giá khả năng vận dụng hoạt động tái hiện hình tượng trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	III.2. Đánh giá năng lực tái hiện hình tượng, cảm nhận hình tượng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn dưới nhiều góc nhìn và quan điểm khác nhau.

hình tượng của bản thân trong tiếp nhận TPTN	III.3. Có hình thức đánh giá tích cực và phù hợp kết quả tái hiện hình tượng của bản thân trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
IV. Nghiên cứu, tìm hiểu về tái hiện hình tượng trong dạy học TPTN	IV.1. Trên cơ sở những hiểu biết về tái hiện hình tượng, tiếp nhận truyện ngắn, có khả năng tìm hiểu về vai trò của hình tượng, tái hiện hình tượng trong dạy học truyện ngắn.
	IV.2. Có kỹ năng phân tích, xác định, lựa chọn vấn đề, nội dung tái hiện hình tượng phù hợp với dạy học tác phẩm truyện ngắn.
	IV.3. Có khả năng triển khai vấn đề tái hiện hình tượng trong tiếp nhận truyện ngắn phù hợp, sáng tạo trên cơ sở gắn liền với lý luận và thực tiễn.

2.2.1.3.3. Năng lực liên tưởng

Để có cơ sở đánh giá chuẩn năng lực liên tưởng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12 có những thang đo cụ thể. Do vậy, tác giả luận án xây dựng khung tiêu chuẩn đánh giá năng lực liên tưởng qua bảng sau:

Bảng 2.4. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực liên tưởng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12

Thành tố	Tiêu chuẩn		
	Các mức độ đạt được		
I. Biết lựa chọn kiến thức về liên tưởng trong tiếp nhận truyện ngắn	Biết lựa chọn kiến thức về thể loại truyện ngắn, sáng tạo truyện ngắn, vấn đề liên tưởng trong tâm lí học và liên tưởng vào trong tiếp nhận truyện ngắn.	Biết lựa chọn xác định đầy đủ mục tiêu bài học, làm rõ được sự kết hợp hài hòa giữa hình thức, nội dung và cách thức liên tưởng phù hợp với tác phẩm truyện ngắn.	Biết thiết kế, xây dựng các nội dung liên tưởng, các tình huống phù hợp và trọng tâm với tác phẩm truyện ngắn một cách linh hoạt và sáng tạo.

<p>II. Vận dụng sự hiểu biết về liên tưởng để lựa chọn hình thức liên tưởng phù hợp trong tiếp nhận TN</p>	<p>Biết triển khai, tổ chức các hoạt động liên tưởng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình và mục đích đề ra.</p>	<p>Biết triển khai, tổ chức các hoạt động liên tưởng để cảm nhận tác phẩm truyện ngắn được sâu sắc và đạt hiệu quả cao.</p>	<p>Biết xử lý yêu cầu cơ bản do hoạt động liên tưởng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn đặt ra một cách linh hoạt, hiệu quả và sáng tạo.</p>
<p>III. Sử dụng các kĩ thuật liên tưởng để tiếp nhận truyện ngắn</p>	<p>Biết sử dụng một số kĩ thuật và thao tác của hoạt động liên tưởng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.</p>	<p>Biết vận dụng một số kĩ thuật và thao tác của hoạt động liên tưởng để tiếp nhận truyện ngắn trên cơ sở lý luận và thực tiễn.</p>	<p>Biết vận dụng kĩ thuật trong hoạt động liên tưởng để tiếp nhận truyện ngắn trên cơ sở lý luận và thực tiễn một cách sáng tạo.</p>
<p>IV. Sử dụng công nghệ thông tin để phát triển khả năng liên tưởng trong tiếp nhận truyện ngắn</p>	<p>Biết sử dụng công nghệ thông tin để phát triển khả năng liên tưởng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.</p>	<p>Biết áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin để phát huy khả năng liên tưởng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.</p>	<p>Biết hỗ trợ, hướng dẫn bạn bè áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin để phát huy khả năng liên tưởng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo.</p>
<p>VI. Hình thành nhận thức, thái độ đúng đắn và trung thực trong tiếp nhận truyện ngắn</p>	<p>Biết mở rộng được phạm vi tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn thông qua các hình thức: thảo luận, trao đổi, phản biện, hỏi ứng,... để thể hiện chính kiến và bộc lộ quan điểm cá nhân.</p>	<p>Biết điều khiển, và phát triển được những cảm nhận chủ quan và tích cực của bản thân đối với tác phẩm truyện ngắn, phù hợp với từng hoạt động liên tưởng trong giờ học.</p>	<p>Biết sử dụng phản hồi để kiểm tra và đánh giá năng lực liên tưởng theo chủ kiến của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo.</p>

Để đánh giá cụ thể được năng lực liên tưởng của HS trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12, chúng tôi hướng đến xác lập hệ thống tiêu chí cơ bản nhất để có thể định tính và định lượng được năng lực liên tưởng của người học. Tiêu chí đánh giá được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2.5. Tiêu chí đánh giá năng lực liên tưởng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12

Thành tố	Tiêu chí đánh giá
I. Lập kế hoạch bài học TPTN theo hướng liên tưởng và tiếp nhận sáng tạo	I.1. Xác định còn chung chung, mơ hồ, chưa đầy đủ mục tiêu và ý nghĩa của bài học theo hướng vận dụng liên tưởng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	I.2. Xác định đầy đủ mục tiêu bài học nhưng chưa làm rõ được sự kết hợp hình thức, nội dung và cách thức liên tưởng với đặc trưng của thể loại truyện ngắn.
	I.3. Chưa biết thiết kế, xây dựng nội dung liên tưởng, các tình huống liên tưởng còn mờ nhạt, sai lệch và thiếu trọng tâm.
	I.4. Biết thiết kế, xây dựng các nội dung liên tưởng, các tình huống phù hợp và trọng tâm với tác phẩm truyện ngắn.
II. Tổ chức thực hiện quá trình liên tưởng, các hoạt động liên tưởng trong tiếp nhận TP TN	II.1. Chưa biết triển khai, tổ chức các hoạt động liên tưởng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình.
	II.2. Cơ bản đã biết triển khai, tổ chức các hoạt động liên tưởng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình và mục đích đề ra.
	II.3. Triển khai, tổ chức các hoạt động liên tưởng để kết nối tâm lí với thế giới nghệ thuật trong tác phẩm, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình, linh hoạt và sáng tạo.
	II.4. Những yêu cầu cơ bản của hoạt động liên tưởng trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn được xử lý đạt yêu cầu và có hiệu quả.

	<p>II.5.Mở rộng được phạm vi tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn thông qua các hình thức: thảo luận, trao đổi, phản biện,...để thể hiện chính kiến và quan điểm cá nhân.</p>
	<p>II.6.Điều khiển, điều chỉnh và phát triển được những cảm nhận chủ quan của bản thân đối với tác phẩm truyện ngắn phù hợp với từng hoạt động liên tưởng trong từng giai đoạn và tình huống khác nhau trong giờ học.</p>
<p>III. Đánh giá kết quả liên tưởng và kĩ năng liên tưởng của bản thân trong tiếp nhận TPTN</p>	<p>III.1.Chưa biết sử dụng một số công cụ đánh giá phổ thông để đánh giá kết quả học tập, kỹ năng liên tưởng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.</p>
	<p>III.2.Bước đầu sử dụng phản hồi để kiểm tra năng lực liên tưởng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn nhưng còn sơ sài và chưa trọng tâm.</p>
	<p>III.3.Đã biết sử dụng một số công cụ đánh giá phổ thông để đánh năng lực liên tưởng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.</p>
	<p>III.4.Biết sử dụng phản hồi để kiểm tra và đánh giá năng lực liên tưởng theo chủ kiến của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo.</p>
<p>IV. Nghiên cứu, tìm hiểu về liên tưởng trong tiếp nhận TPTN</p>	<p>IV.1.Chưa biết khai thác những vấn đề cơ bản và trọng tâm của hoạt động liên tưởng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, xác định những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn.</p>
	<p>IV.2.Cơ bản đã biết khai thác những vấn đề trọng tâm của hoạt động liên tưởng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, xác định và vận dụng những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn.</p>
	<p>IV.3.Biết khai thác những vấn đề trọng tâm của hoạt động liên tưởng trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, xác định và vận dụng những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn một cách sáng tạo.</p>

Có thể nói, quá trình rèn luyện và phát triển năng lực tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12 chỉ có hiệu quả khi người dạy biết nhận diện và tác động phù hợp đến từng hành vi cụ thể. Do vậy, để đáp ứng yêu cầu này, chúng tôi hướng vào xây dựng hệ thống chỉ số hành vi của năng lực liên tưởng như sau:

Bảng 2.6. Chỉ số hành vi năng lực liên tưởng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12

Thành tố	Chỉ số hành vi
I. Lập kế hoạch bài học TPTN theo hướng liên tưởng và tiếp nhận sáng tạo	I.1. Trên cơ sở đặc trưng thể loại, vấn đề của tác phẩm truyện ngắn xác định và xây dựng được nội dung liên tưởng, hình thức liên tưởng phù hợp.
	I.2. Thiết kế được các hoạt động liên tưởng phong phú, có khả năng kích thích, đánh thức nhu cầu trao đổi với bạn bè với mục đích tìm hiểu vai trò của hoạt động liên tưởng để đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm truyện ngắn.
	I.3. Xác định được các nhiệm vụ, biện pháp, phương tiện và tài liệu học tập cụ thể cho quá trình liên tưởng để tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
II. Tổ chức thực hiện quá trình liên tưởng, các hoạt động liên tưởng trong tiếp nhận TP TN	II.1. Biết sử dụng và khai thác một cách linh hoạt các phương tiện học tập để hỗ trợ các hoạt động liên tưởng nhằm tìm hiểu và cảm thụ tác phẩm truyện ngắn được sâu sắc.
	II.2. Thực hiện các hoạt động trao đổi, thảo luận, phản biện theo hướng khai thác tối đa lượng thông tin, quan điểm của bạn bè từ những vấn đề được kích thích và khơi gợi ra trong tác phẩm truyện ngắn.
	II.3. Điều khiển, điều chỉnh, định hướng và phát triển cảm nhận của bản thân về tác phẩm truyện ngắn phát sinh từ các hoạt động liên tưởng.

	II.4. Triển khai và vận dụng có hiệu quả các nội dung và hình thức liên tưởng để kết nối cảm xúc, cảm nhận liên cá nhân đối với tác phẩm truyện ngắn.
III. Đánh giá kết quả liên tưởng và kỹ năng liên tưởng của bản thân trong tiếp nhận TPTN	III.1. Đánh giá khả năng vận dụng hoạt động liên tưởng để kết nối các đặc điểm của hình tượng trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	III.2. Đánh giá năng lực liên tưởng trong việc lí giải hình tượng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn dưới nhiều góc nhìn và quan điểm khác nhau.
	III.3. Có hình thức phân tích và đánh giá phù hợp kết quả từ hoạt động liên tưởng của bản thân trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
IV. Nghiên cứu, tìm hiểu về liên tưởng trong tiếp nhận TPTN	IV.1. Trên cơ sở những hiểu biết về liên tưởng, thể loại truyện ngắn, có khả năng tìm hiểu về vai trò của liên tưởng đối với việc giải mã hình tượng trong tiếp nhận truyện ngắn.
	IV.2. Có kỹ năng xác định, lựa chọn vấn đề, nội dung và hình thức liên tưởng phù hợp với quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	IV.3. Triển khai vấn đề liên tưởng trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo trên cơ sở gắn với lý luận và thực tiễn.

2.2.1.3.4. Năng lực tưởng tượng

Để định lượng và định tính được chuẩn đầu ra năng lực tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12, chúng tôi xây dựng khung tiêu chuẩn đánh giá qua các bảng dưới đây

Bảng 2.7. Tiêu chuẩn đánh giá năng lực tưởng tượng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12

Thành tố	Tiêu chuẩn		
	Các mức độ đạt được		
I. Biết lựa chọn kiến thức về tưởng tượng trong TNTN	Biết lựa chọn kiến thức về thể loại truyện ngắn, vấn đề tưởng tượng trong tâm lí học vào trong tiếp nhận truyện ngắn để vận dụng vào bài học.	Biết lựa chọn xác định đầy đủ mục tiêu bài học, làm rõ được sự kết hợp giữa hình thức, nội dung và cách thức tưởng tượng với đặc trưng của thể loại truyện ngắn.	Biết thiết kế, xây dựng các nội dung tưởng tượng, các tình huống phù hợp và trọng tâm với tác phẩm truyện ngắn một cách linh hoạt và sáng tạo.
II. Vận dụng sự hiểu biết về tưởng tượng để lựa chọn hình thức liên tưởng phù hợp trong tiếp nhận TP TN	Biết triển khai, tổ chức các hoạt động tưởng tượng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình và mục đích đề ra.	Biết triển khai, tổ chức các hoạt động tưởng tượng để kết nối tâm lí với thể giới nghệ thuật trong tác phẩm để cảm nhận tác phẩm truyện ngắn được hiệu quả	Biết xử lý yêu cầu cơ bản do hoạt động tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn đặt ra một cách có linh hoạt, hiệu quả và sáng tạo.
III. Sử dụng các các biện pháp và kĩ thuật liên tưởng để TNTN	Biết sử dụng một số kĩ thuật và thao tác cơ bản của hoạt động tưởng tượng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.	Biết vận dụng một số thao tác của hoạt động tưởng tượng để tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn trên cơ sở gắn với lý luận và thực tiễn.	Biết vận dụng một số kĩ thuật và thao tác cơ bản của hoạt động tưởng tượng để tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo.

IV. Sử dụng công nghệ thông tin để phát triển khả năng tưởng tượng trong TNTN	Biết sử dụng công nghệ thông tin để phát triển khả năng liên tưởng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.	Biết áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin để phát huy khả năng liên tưởng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.	Biết hỗ trợ, hướng dẫn bạn bè áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin để phát huy khả năng tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
VI. Hình thành nhận thức, thái độ đúng đắn và trung thực trong TNTN	Biết mở rộng được phạm vi tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn thông qua các hình thức: thảo luận, trao đổi, phản biện, hỏi ứng,... để bộc lộ quan điểm của cá nhân.	Biết điều khiển, và phát triển được những cảm nhận chủ quan của bản thân đối với tác phẩm truyện ngắn phù hợp với từng hoạt động tưởng tượng, khác nhau trong giờ học.	Biết sử dụng phản hồi để kiểm tra và đánh giá năng lực tưởng tượng theo chủ kiến của bản thân trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo

Việc phát triển năng lực tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12 phải dựa trên những bình diện và tiêu chí cụ thể, chúng tôi xây dựng bộ khung tiêu chí đánh giá năng lực tưởng tượng cụ thể qua bảng sau đây:

Bảng 2.8. Tiêu chí đánh giá năng lực tưởng tượng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12

Thành tố	Tiêu chí đánh giá
I. Lập kế hoạch bài học để vận dụng tưởng tượng và tiếp nhận sáng tạo	I.1. Xác định còn chung chung, chưa đầy đủ mục tiêu và ý nghĩa của bài học theo hướng vận dụng tưởng tượng sáng tạo trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	I.2. Xác định được mục tiêu bài học nhưng chưa làm rõ được sự kết hợp hình thức, nội dung và cách thức tưởng tượng với đặc trưng của thể loại truyện ngắn.

	<i>I.3.</i> Chưa biết thiết kế, xây dựng nội dung tưởng tượng, các tình huống tưởng tượng còn mờ nhạt chưa phong phú, tiêu cực và hoang đường.
	<i>I.4.</i> Biết thiết kế, xây dựng các nội dung tưởng tượng, các tình huống phù hợp và trọng tâm với quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
II. Tổ chức thực hiện quá trình tưởng tượng, các hoạt động tưởng tượng trong tiếp nhận TP TN	<i>II.1.</i> Chưa biết triển khai, tổ chức các hoạt động tưởng tượng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình và mục đích đề ra.
	<i>II.2.</i> Triển khai, tổ chức các hoạt động tưởng tượng để kết nối tâm lí với thế giới nghệ thuật trong tác phẩm, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình, linh hoạt và sáng tạo.
	<i>II.3.</i> Những yêu cầu cơ bản của hoạt động tưởng tượng trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn được xử lý đạt yêu cầu và có hiệu quả.
	<i>II.4.</i> Mở rộng được phạm vi tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn thông qua các hình thức: thảo luận, trao đổi, phản biện,...để thể hiện chính kiến và quan điểm cá nhân.
III. Đánh giá kết quả và kĩ năng tưởng tượng của bản thân trong dạy tiếp nhận TPTN	<i>III.1.</i> Chưa biết sử dụng một số công cụ đánh giá phổ thông để đánh giá kết quả học tập, kỹ năng tưởng tượng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	<i>III.2.</i> Bước đầu sử dụng phản hồi để kiểm tra năng lực tưởng tượng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn nhưng còn sơ sài và chưa trọng tâm.
	<i>III.3.</i> Đã biết sử dụng một số công cụ đánh giá phổ thông để đánh giá năng lực tưởng tượng của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	<i>III.4.</i> Biết sử dụng phản hồi để kiểm tra và đánh giá năng lực tưởng tượng theo chủ kiến của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo.

IV. Nghiên cứu, tìm hiểu về tưởng tượng trong tiếp nhận TPTN	IV.1. Chưa biết khai thác những vấn đề cơ bản và trọng tâm của hoạt động tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, xác định những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn.
	IV.2. Cơ bản đã biết khai thác những vấn đề trọng tâm của hoạt động tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, xác định và vận dụng những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn.
	IV.3. Biết khai thác những vấn đề trọng tâm của hoạt động tưởng tượng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, xác định và vận dụng những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn một cách sáng tạo.

Năng lực tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12 được thể hiện ở các chỉ báo cụ thể, tác giả luận án xây dựng hệ thống các chỉ số của năng lực tưởng tượng qua bảng dưới đây:

Bảng 2.9. Chỉ số hành vi năng lực tưởng tượng của học sinh trong học truyện ngắn ở lớp 12

Thành tố	Chỉ số hành vi
I. Lập kế hoạch bài học TPTN theo hướng tưởng tượng và tiếp nhận sáng tạo	I.1. Từ những hiểu biết về tưởng tượng, tiếp nhận truyện ngắn, có khả năng tìm hiểu về mối quan hệ của hình tượng với tưởng tượng trong quá trình tiếp nhận truyện ngắn.
	I.2. Có kỹ năng xác định, lựa chọn vấn đề, phân tích các nội dung nội dung của hoạt động tưởng tượng phù hợp với việc tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	I.3. Xác định được các mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp, phương tiện và tài liệu học tập cụ thể có liên quan đến tưởng tượng để tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.

II. Tổ chức thực hiện quá trình tưởng tượng, các hoạt động tưởng tượng trong tiếp nhận TP TN	II.1. Biết sử dụng và khai thác một cách linh hoạt các phương tiện học tập để phát huy tưởng tượng sáng tạo và tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	II.2. Thực hiện các hoạt động trao đổi, thảo luận, phản biện theo hướng khai thác tối đa lượng thông tin, quan điểm của bạn bè từ những vấn đề của tác phẩm truyện ngắn.
	II.3. Điều khiển, điều chỉnh, định hướng và phát triển cảm nhận của bản thân về tác phẩm truyện ngắn nảy sinh từ các hoạt động tưởng tượng.
	II.4. Triển khai và vận dụng có hiệu quả các nội dung thức của hoạt động tưởng tượng để kết nối cảm xúc, cảm nhận liên cá nhân đối với tác phẩm truyện ngắn.
	II.5. Triển khai và vận dụng có hiệu quả các nội dung tưởng tượng trên cơ sở tôn trọng ý kiến của bạn bè, biết lắng nghe một cách tích cực và thể hiện sự đồng cảm, cởi mở trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
III. Đánh giá kết quả tưởng tượng và kĩ năng tưởng tượng của bản thân trong tiếp nhận TPTN	III.1. Đánh giá khả năng vận dụng hoạt động tưởng tượng trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
	III.2. Đánh giá năng lực tưởng tượng, lí giải hình tượng, cảm nhận tác phẩm truyện ngắn dưới nhiều hình thức và quan điểm khác nhau.
	III.3. Có hình thức đánh giá phù hợp, hiệu quả và sáng tạo kết quả tưởng tượng của bản thân trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn.
IV. Nghiên cứu, tìm hiểu về tưởng tượng trong tiếp nhận TPTN	IV.1. Trên cơ sở những hiểu biết về tưởng tượng, tiếp nhận truyện ngắn, có khả năng tìm hiểu về vai trò của hình tượng, tưởng tượng trong dạy học truyện ngắn.
	IV.2. Có kỹ năng xác định, lựa chọn vấn đề, nội dung tưởng tượng phù hợp với dạy học truyện ngắn.
	IV.3. Triển khai vấn đề tưởng tượng trong tiếp nhận truyện ngắn phù hợp, gắn với lý luận và thực tiễn.

2.2.1.4. *Kết quả khảo sát năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng của học sinh qua giờ học truyện ngắn ở lớp 12*

2.2.1.4.1. *Kết quả khảo sát năng lực tái hiện hình tượng*

Qua khảo sát bằng phiếu với hệ thống câu hỏi hướng vào nội dung kiểm tra đánh giá năng lực tái hiện hình tượng của học sinh trong học truyện ngắn, tác giả luận án thu được kết quả cụ thể qua bảng số liệu dưới đây:

Bảng 2.10: Bảng thống kê kết quả khảo sát năng lực tái hiện hình tượng của học sinh qua giờ học truyện ngắn ở lớp 12

Câu	Kết quả							
	Đáp án A		Đáp án B		Đáp án C		Đáp án D	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	384	32	336	28	300	25	240	15
2	480	40	168	14	192	16	360	30
3	180	15	420	35	312	26	300	25
4	240	20	240	15	420	35	360	30
5	240	20	120	10	480	40	360	30
6	180	15	300	25	540	45	180	15
7	360	30	120	10	240	20	480	40
8	180	15	300	25	216	18	504	42
9	180	15	300	25	480	40	240	20
10	252	21	300	25	180	15	468	39
11	180	15	300	25	504	42	216	18

- Từ kết quả thống kê chúng tôi nhận thấy, năng lực tái hiện hình tượng của các em qua giờ học truyện ngắn còn nhiều hạn chế, phần đa học sinh không thích học truyện ngắn và chưa nắm vững đặc trưng thể loại (chỉ 30% chọn đáp án A câu hỏi 1). Thực tế cho thấy, không ít người học thường tỏ ra

rất khó khăn khi được yêu cầu phải cảm thụ tác phẩm truyện ngắn theo hướng vận dụng năng lực tái hiện để tiếp nhận. Bởi lẽ các em thường xem nhẹ chi tiết và vai trò của tình huống truyện (30% chọn đáp án C câu hỏi 2). Do vậy, chúng tôi cho rằng, việc tìm ra phương pháp dạy học tác phẩm truyện ngắn theo hướng gắn kết các hoạt động tâm lí với ý đồ sáng tạo truyện ngắn của nhà văn để phát huy khả năng tái hiện hình tượng là vấn đề cần được quan tâm.

- Điều cần lưu ý nhất là, đa số học sinh chưa thực sự tạo ra được sự gắn kết tâm lí của bản thân với quá trình tái hiện hình tượng để tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn khi tương tác với chi tiết, tình huống, nhân vật, ngôi kể, giọng kể, tư tưởng tình cảm của nhà văn (35% chọn đáp án C câu hỏi 5; 40 % chọn đáp án C câu hỏi 7). Thông số này phản ánh rằng, trong quá trình tiếp nhận người học chưa thực sự huy động hết khả năng tái hiện hình tượng để trải nghiệm và thấu cảm tác phẩm. Do vậy, việc học truyện ngắn vẫn chưa thực sự đạt được kết quả như mong muốn.

- Một điều khiến chúng tôi rất quan tâm là, các em cũng nhận thức được vai trò tối ưu, sự ảnh hưởng tích cực từ phương tiện dạy học của giáo viên để khơi dậy và kích thích khả năng lực tái hiện hình tượng của bản thân (40% chọn đáp án C câu hỏi 9). Đồng thời, người học cũng nhận thấy những bất hợp lí trong phương pháp tổ chức của người dạy như: có những bài học sử dụng công nghệ thông tin chưa hợp lí, các câu hỏi phát vấn chưa trực tiếp kích thích và khơi gợi sự tái hiện hình tượng (25% chọn đáp án B câu hỏi 9; 43% chọn đáp án B câu hỏi 10). Như vậy, tác giả luận án cho rằng, vấn đề tiếp nhận truyện ngắn của người học theo hướng phát triển năng lực tái hiện còn tồn tại nhiều vấn đề cần phải tháo gỡ và giải quyết.

2.2.1.4.2. Kết quả khảo sát năng lực liên tưởng

Qua khảo sát bằng phiếu với hệ thống câu hỏi hướng vào nội dung kiểm tra đánh giá năng lực liên tưởng của học sinh trong học truyện ngắn, chúng tôi thu được kết quả qua bảng số liệu sau đây:

Bảng 2.11: Bảng thống kê kết quả khảo sát năng lực liên tưởng của học sinh qua giờ học truyện ngắn ở lớp 12

Câu	Kết quả							
	Đáp án A		Đáp án B		Đáp án C		Đáp án D	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	301,2	25,1	418,8	34,9	180	15	240	20
2	482,2	40,2	237,6	19,8	178,8	14,9	301,2	25,1
3	242,4	20,2	297,6	24,8	486	40,5	114	9,5
4	300	25	300	25	504	42	96	8
5	204	17	276	23	420	35	300	25
6	216	18	264	22	252	21	468	39
7	168	14	312	26	284	22	456	38
8	468	39	132	11	312	26	288	24
9	192	16	288	24	396	33	324	27
10	300	25	180	15	324	27	396	33
11	300	25	300	25	420	35	180	15

- Kết quả thống kê cho thấy, năng lực liên tưởng của các em qua giờ học truyện ngắn là đáng báo động, phần lớn học sinh chưa nắm vững đặc trưng thể loại (chỉ 25% chọn đáp án A câu hỏi 1). Thực tế cho thấy, đa số người học thường tỏ ra rất khó khăn khi được yêu cầu phải giải mã một tác phẩm truyện ngắn theo hướng vận dụng thao tác liên tưởng để tiếp nhận. Bởi lẽ các em chưa ý thức rõ về sự cần thiết của gắn kết giữa hoạt động liên tưởng trong tâm lí với đặc trưng thể loại của truyện ngắn và liên kết các hình ảnh, biểu tượng để nhận ra sự đầy đủ và trọn vẹn của hình tượng (chỉ 9,5% chọn đáp án D câu hỏi 1; 8% chọn đáp án D câu hỏi 4).

- Điều cần lưu ý nhất là, đại đa số học sinh không tạo ra được sự kết nối và gắn bó giữa năng lực tâm lí của bản thân với các yếu tố then chốt của tác phẩm truyện ngắn như: chi tiết, tình huống, nhân vật, ngôi kể, giọng kể, tư tưởng tình cảm của nhà văn để huy động khả năng liên tưởng thấu cảm tác phẩm (chỉ 21% chọn đáp án C câu hỏi 6; 11% chọn đáp án B câu hỏi 8). Do vậy, việc học truyện ngắn vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn.

- Một điều khiến chúng tôi rất quan tâm là, các em cũng nhận thức được vai trò tối ưu, sự ảnh hưởng tích cực từ phương tiện dạy học của giáo

viên để kích thích khả năng liên tưởng của bản thân (33% chọn đáp án C câu hỏi 9). Đồng thời, người học cũng nhận thấy sự bất hợp lí đang tồn tại trong phương pháp tổ chức của người dạy như: có những bài học sử dụng công nghệ thông tin chưa hợp lí, các câu hỏi chưa kích thích và hướng vào hoạt động liên tưởng. Như vậy, tác giả luận án cho rằng, vấn đề tiếp nhận truyện ngắn của người học theo hướng phát triển năng lực liên tưởng trong nhà trường còn tồn tại nhiều vướng mắc.

2.2.1.4.3. Kết quả khảo sát năng lực tưởng tượng

Từ quá trình khảo sát bằng phiếu với hệ thống câu hỏi hướng vào nội dung kiểm tra đánh giá năng lực tưởng tượng của học sinh trong học truyện ngắn, chúng tôi mô tả kết quả qua bảng số liệu sau đây:

Bảng 2.12: Bảng thống kê kết quả khảo sát năng lực tưởng tượng của học sinh qua giờ học truyện ngắn ở lớp 12

Câu	Kết quả							
	Đáp án A		Đáp án B		Đáp án C		Đáp án D	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	396	33	324	27	214,8	17,9	265,2	22,1
2	394	32,8	326,4	27,2	228	19	252	21
3	264	22	216	18	348	29	372	31
4	324	27	276	23	180	15	420	35
5	288	24	192	16	456	38	264	22
6	188,4	15,7	291,6	24,3	267,6	22,3	452,4	37,7
7	192	16	288	24	210	17,5	510	42,5
8	218,4	18,2	381,6	31,8	388,8	32,4	211,2	17,6
9	372	31	228	19	468	39	132	11
10	327,6	27,3	272,4	22,7	120	10	480	40
11	120	10	240	20	540	45	300	25

- Qua kết quả thống kê, chúng tôi nhận thấy, năng lực tưởng tượng của các em qua giờ học truyện ngắn vẫn còn những hạn chế nhất định, 33% số học sinh chưa nắm vững đặc trưng thể loại (đáp án A câu hỏi 2). Thực tiễn dạy học cho thấy, đa số người học gặp không ít khó khăn trong quá trình tiếp nhận phẩm truyện ngắn theo hướng vận dụng thao tác tưởng tượng. Bởi lẽ các em thường xem nhẹ chi tiết, đánh giá không đúng vai trò của hình tượng nhân vật và tình huống truyện (21% chọn đáp án D câu hỏi 2). Do vậy, chúng tôi cho rằng, việc tìm ra phương pháp dạy học tác phẩm truyện ngắn theo hướng gắn kết các hoạt động tâm lí với đặc trưng thể loại của truyện ngắn để phát huy khả năng tưởng tượng là vấn đề cần được quan tâm.

- Điều cần lưu ý nhất là, người học chưa tạo ra được sự kết nối và gắn bó giữa năng lực tâm lí của bản thân với các yếu tố then chốt của tác phẩm truyện ngắn như: chi tiết, tình huống, nhân vật, ngôi kể, giọng kể, tư tưởng tình cảm của nhà văn (chỉ 15% chọn đáp án C câu hỏi 4). Thông số này phản ánh rằng, người học chưa hiểu sâu sắc về bản chất và vai trò của hoạt động tưởng tượng trong quá trình phân tích hình tượng để làm cơ sở cho việc tiếp nhận truyện ngắn (chỉ 22,3% chọn đáp án C câu hỏi 16; 17,6% chọn đáp án D câu hỏi 8). Do vậy, việc học truyện ngắn vẫn chưa hiệu quả.

- Một điều đáng lưu ý là, một bộ phận không nhỏ các em nhận thức được vai trò tối ưu, sự ảnh hưởng tích cực từ phương tiện dạy học của giáo viên để khơi dậy và kích thích khả năng tưởng tượng của bản thân (39% chọn đáp án B câu hỏi 9). Đồng thời, người học cũng nhận thấy một số vấn đề chưa hợp lí trong phương pháp tổ chức bài dạy của giáo viên như: có những bài học sử dụng công nghệ thông tin chưa hợp lí, chưa quan tâm sử dụng câu hỏi tưởng tượng để kích thích và gợi mở hứng thú của người học. Như vậy, chúng tôi cho rằng, vấn đề tiếp nhận truyện ngắn của người học theo hướng phát triển năng lực tưởng tượng còn gặp không ít khó khăn.

2.2.1.5. Kết luận về thực trạng năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong học truyện ngắn ở lớp 12

Từ kết quả thăm dò, khảo sát về thực trạng năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng tưởng tượng của học sinh trong tiếp nhận truyện ngắn, chúng tôi đi đến một số kết luận như sau:

- Năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của người học còn rất nhiều hạn chế và chưa được phát huy đúng mức. Điều này trước hết thể hiện ở việc các em chưa hiểu chính xác và đánh giá đúng về vai trò của hình tượng trong tiếp nhận văn bản truyện ngắn. Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy, không ít học sinh còn chưa hình thành được thói quen, cách thức và thao tác tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong tiếp nhận truyện ngắn. Có thể nói, tình trạng không biết tái hiện, tái hiện sai lệch, liên tưởng nông cạn và tưởng tượng không phong phú,... còn diễn ra phổ biến. Điều này cho thấy, năng lực tâm lí chủ thể người học chưa có sự liên kết với các hoạt động tâm lí sáng tạo của nhà văn, có nghĩa là những rung động mãnh liệt và xúc cảm sâu xa vẫn chưa được đánh thức.

- Trong các giờ học truyện ngắn nhiều em còn rất thụ động, động cơ và mục đích tiếp nhận truyện ngắn vẫn chưa được xác định rõ ràng, người học đến với tác phẩm không bằng sự hứng thú, say mê và tự nguyện mà chủ yếu để giải quyết áp lực thi cử. Đặc biệt, vẫn còn không ít người học chưa có ý thức vận dụng thao tác tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong cảm thụ tác phẩm truyện ngắn. Bởi vậy, nhìn chung hiệu quả của giờ học là chưa cao, chưa thực sự kích thích và phát huy được khả năng sáng tạo trong quá trình tiếp nhận.

Như vậy, chúng tôi nhận thấy, năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong tiếp nhận truyện ngắn của học sinh là vấn đề giáo viên cần đặc biệt quan tâm. Để có thể phát huy tối đa năng lực tiếp nhận cho người học và lĩnh hội giá trị nghệ thuật của truyện ngắn một cách tốt

nhất, GV và HS cần triển khai một hướng tiếp cận rõ ràng, khoa học và hiệu quả hơn.

2.2.2. Thực trạng dạy truyện ngắn của giáo viên theo hướng phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng cho HS lớp 12

2.2.2.1. Khảo sát kiến thức có liên quan đến năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của giáo viên trong dạy truyện ngắn lớp 12

Để đánh giá kiến thức liên quan đến năng lực tái hiện hình tượng liên tưởng và tưởng tượng của giáo viên trong dạy học truyện ngắn, chúng tôi tiến hành một số công việc sau:

- Trao đổi kế hoạch cụ thể về đối tượng, thời gian, phạm vi, nội dung chương trình, mục tiêu và phương pháp khảo sát với giáo viên tổ bộ môn ở các trường THPT trên địa bàn thực nghiệm. Trong đó, chúng tôi tiến hành chọn nhóm lớp đại trà và nhóm lớp đối chứng thuộc khối 12 có sức học khác nhau, chọn ba giáo viên để dự giờ ở các tuổi nghề khác nhau để có cái nhìn khách quan trong kinh nghiệm sư phạm và hướng tư duy về thể loại truyện ngắn.

- Chúng tôi tiến hành dạy thực nghiệm tổng số tiết dạy thực nghiệm nhiều tiết ở 8 trường ở nhiều lớp khác nhau bằng giáo án được thiết kế theo tinh thần phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho người học để đánh giá thực trạng phát triển năng lực tiếp nhận cho học sinh trong dạy học truyện ngắn của giáo viên (Phụ lục 4.1). Qua đó, tác giả luận án có cơ sở để nhận định về hiệu quả vận dụng phương pháp mà giáo viên ở tổ bộ môn Ngữ văn của các trường THPT thực hiện trước đó, đồng thời kiểm định tính khả thi của các biện pháp mà tác giả luận án đã đề xuất.

- Tiến hành dự giờ thăm lớp, chúng tôi tiến hành trao đổi với đồng nghiệp cùng các em học sinh để có thêm thông tin khách quan, chính xác và đáng tin cậy nhất liên quan đến năng lực dạy học truyện ngắn. Đồng thời, phát 100 phiếu/8 trường để khảo sát kiến thức có liên quan đến việc vận dụng

năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của giáo viên trong dạy học truyện ngắn(Phụ lục 2.2).

- Phát phiếu điều tra để thu thập và trung cầu quan điểm khác nhau về dạy học theo hướng phát huy năng lực tiếp nhận của học sinh thông qua việc chọn lựa đáp án trong phiếu khảo sát. Đồng thời, tác giả luận án tiến hành dự giờ thăm lớp, phỏng vấn trao đổi và rút kinh nghiệm, từ đó đi đến thống nhất chung về một số phương pháp cơ bản để phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của người học trong dạy truyện ngắn của giáo viên.

- Phân tích giáo án trên một số phương diện để đánh giá tổng quan về năng lực tổ chức dạy học truyện ngắn của giáo viên về: hướng xác định mục tiêu bài học, thao tác vận dụng để tổ chức các hoạt động dạy học, cách đặt câu hỏi, cách vận dụng dụng biện pháp và kĩ thuật dạy học, sử dụng phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, cách thức kiểm tra đánh giá,...để có thêm căn cứ đánh giá về khả năng phát triển năng lực tiếp nhận cho học sinh trong dạy học truyện ngắn của giáo viên.

2.2.2.2. Những biểu hiện cụ thể của năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy truyện ngắn của giáo viên ở lớp 12

Có thể nói, để nâng cao hiệu quả dạy học, chúng ta không thể chỉ chuyển trọng tâm vào đánh giá người học mà cần định vị, đánh giá và xây dựng được bộ khung chuẩn đánh giá đối với người dạy dạy. Đây là một yêu cầu bắt buộc và cũng là xu thế đào tạo chung của nhiều quốc gia trên thế giới. Bàn về vấn đề này, các nhà nghiên cứu cũng nhấn mạnh: “*Bối cảnh thời đại và yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục đòi hỏi người giáo viên phải có phẩm chất và năng lực*”[25, tr. 43]. Do vậy, chúng tôi nhận thức được rằng, dạy học truyện ngắn tuy có tính khu biệt nhưng không nằm ngoài mục tiêu này. Từ việc phân tích thực tiễn dạy học của giáo viên, tác giả luận án hướng đến xây dựng và mô tả tiêu chuẩn đánh giá năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của giáo viên trong quá trình tổ chức dạy học tác phẩm truyện ngắn qua bảng dưới đây:

Thành tố	Tiêu chuẩn đánh giá năng lực của giáo viên
	Các mức độ đạt được
I.Thiết kế các hoạt động dạy học theo hướng phát triển năng lực THHT, LT và TT của học sinh	I.1. Biết xác định được mục tiêu bài học nhưng chưa làm rõ được sự kết hợp hình thức, nội dung và cách thức tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng với đặc trưng của thể loại truyện ngắn cho học sinh.
	I.2. Biết xác định đầy đủ mục tiêu bài học, làm rõ được sự kết hợp hình thức, nội dung và cách thức tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng với đặc trưng của thể loại truyện ngắn cho học sinh một cách linh hoạt và sáng tạo.
	I.3. Biết thiết kế, xây dựng các nội dung tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng, các tình huống phù hợp và trọng tâm với quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn cho học sinh một cách sáng tạo.
II.Tổ chức thực hiện quá trình THHT, LT và TT của học sinh trong dạy học TP TN	II.1. Biết triển khai, tổ chức các hoạt động tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh khi cảm nhận tác phẩm truyện ngắn theo đúng quy trình và đảm bảo đạt được mục đích đề ra.
	II.2. Biết triển khai, tổ chức các hoạt động tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng để học sinh kết nối tâm lí với thế giới nghệ thuật để cảm nhận tác phẩm truyện ngắn một cách linh hoạt và sáng tạo.
	II.3. Biết xử lí những yêu cầu cơ bản trong quá trình tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh khi tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách sáng tạo và có hiệu quả.
	II.4. Biết mở rộng được phạm vi tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn cho học sinh thông qua các hình thức: thảo luận, trao đổi, phản biện,...để tạo điều kiện cho học sinh được bộc lộ chính kiến và quan điểm cá nhân của mình.
	II.5. Biết điều khiển và phát triển được những cảm nhận chủ quan của học sinh khi tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn phù hợp với từng hoạt động tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng trong tình huống khác nhau trong giờ học.

III. Đánh giá kết quả và kỹ thuật THHT, LT và TT trong dạy học TPTN	III.1. Biết sử dụng một số công cụ đánh giá phổ thông để đánh giá kết quả học tập, kỹ năng tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của HS trong giờ học tác phẩm truyện ngắn.
	III.2. Biết sử dụng phản hồi để kiểm tra năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách có trọng tâm.
	III.3. Biết sử dụng phản hồi để kiểm tra và đánh giá năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng theo chủ kiến của bản thân trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn một cách hiệu quả và sáng tạo.
IV. Nghiên cứu, tìm hiểu về THHT, LT và TT trong dạy học TPTN	IV.1. Bước đầu biết khai thác những vấn đề cơ bản của hoạt động tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, xác định những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn.
	IV.2. Biết khai thác những vấn đề trọng tâm của hoạt động tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong giờ học tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, xác định và vận dụng những nội dung tìm hiểu phù hợp với lý luận và thực tiễn.
	IV.3. Biết khai thác những vấn đề trọng tâm của hoạt động tưởng tượng trong giờ học tác phẩm truyện ngắn để lựa chọn, xác định và vận dụng những nội dung tìm hiểu trên cơ sở lý luận và thực tiễn một cách sáng tạo.
V. Thể hiện quan điểm cá nhân và tôn trọng các quan điểm khác nhau của học sinh	V.1. Trình bày rõ ràng quan điểm cá nhân về vấn đề tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong tiếp nhận truyện ngắn nhưng còn áp đặt và chưa thực sự dân chủ.
	V.2. Trình bày rõ quan điểm cá nhân về vấn đề tái hiện hình tượng liên tưởng và tưởng tượng, đồng thời tạo được không khí dân chủ trong quá trình tổ chức tiếp nhận truyện ngắn.
	V.3. Trình bày rõ quan điểm cá nhân về vấn đề tái hiện hình tượng liên tưởng và tưởng tượng, đồng thời tạo được không khí dân chủ trong quá trình tổ chức tiếp nhận truyện ngắn trên cơ sở vận dụng lý luận cũng như thực tiễn một cách linh hoạt, sáng tạo và khoa học.

2.2.2.3. *Kết quả khảo sát nội dung có liên quan đến năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của giáo viên trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12*

Để có cơ sở đánh giá năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của giáo viên trong dạy học truyện ngắn, chúng tôi tiến hành phân tích và đánh giá tính hiệu quả của khảo sát để có thêm những thông số, các chỉ báo cụ thể để cùng đồng nghiệp khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức dạy học. Kết quả thống kê được thể hiện qua các bảng số liệu dưới đây:

Bảng 2.13: Kết quả khảo sát nội dung có liên quan đến năng lực tái hiện hình tượng của giáo viên trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12

Câu	Kết quả							
	Đáp án A		Đáp án B		Đáp án C		Đáp án D	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	50	50	20	20	10	10	10	10
2	18	18	11	11	30	30	40	40
3	11	11	28	28	10	10	50	50
4	17	17	18	18	52	52	12	12
5	22	22	18	18	40	40	20	20
6	45	45	15	15	17	17	22	22
7	17	17	20	20	37	37	22	22
8	23	23	17	17	40	40	20	20
9	18	18	22	22	26	26	33	33
10	16	16	43	43	20	20	15	15
11	28	28	11	11	40	40	19	19
12	13	13	36	36	10	10	30	30
13	21	21	29	29	40	40	10	10

- Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, đa số giáo viên nắm vững đặc trưng thi pháp truyện ngắn với những lí giải sâu sắc và phong phú về phương pháp tiếp cận thể loại này (50% chọn đáp án A câu hỏi 1). Bên cạnh đó, không ít giáo viên cũng đã đánh giá được vai trò của hình tượng và các hoạt động tái hiện trong thiết kế giờ dạy học (50% chọn đáp án D câu hỏi 3). Đặc

biệt, nhiều giáo viên đã nhận thức được những bất cập trong cấu trúc chương trình sách giáo khoa, tài liệu tham khảo và nhiều văn bản truyện chưa hấp dẫn, nội dung còn hàn lâm, chưa hướng vào phát triển năng lực cho người học (40% chọn đáp án C câu hỏi 13).

- Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy, vẫn còn bộ phận giáo viên chưa vận dụng hiệu quả các thao tác trong hoạt động tiếp nhận của học sinh, không đánh giá đúng bản chất cũng như vai trò của hoạt động tái hiện trong quá trình khám phá hình tượng, cắt nghĩa tác phẩm truyện ngắn (37% chọn đáp án C câu hỏi 7). Điều này cho thấy một thực trạng là, giáo viên chưa tạo nên có sự kết nối giữa người học với các nhân tố hạt nhân của truyện ngắn, không giúp người học tạo dựng lại thế giới hình tượng để làm cơ sở cho việc cảm thụ tác phẩm được sâu sắc.

Bảng 2.14: Kết quả khảo sát kiến thức có liên quan đến năng lực liên tưởng của giáo viên trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12

Câu	Kết quả							
	Đáp án A		Đáp án B		Đáp án C		Đáp án D	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	40	40	20	20	20	20	20	20
2	18	18	11	11	30	30	40	40
3	11	11	28	28	10	10	50	50
4	17	17	18	18	52	52	12	12
5	22	22	18	18	40	40	20	20
6	45	45	25	25	15	15	14	14
7	17	17	13	13	60	60	10	10
8	19	19	20	20	50	50	10	10
9	10	10	16	16	13	23	49	49
10	22	22	48	48	15	15	15	15
11	12	12	17	17	47	47	22	22
12	13	13	37	37	20	20	30	30
13	10	10	15	15	45	45	30	30

- Kết quả khảo sát cho thấy, phần đa giáo viên nắm vững đặc trưng thể loại truyện ngắn với những lí giải thuyết phục về phương pháp tiếp cận thể loại này (40% chọn đáp án D câu hỏi 2; 52,1% chọn đáp án C câu hỏi 4). Bên

cạnh đó, không ít giáo viên cũng đã bắt đầu quan tâm và đánh giá được vai trò của các hoạt động liên tưởng trong thiết kế giờ dạy học truyện ngắn (40% chọn đáp án B câu hỏi 6). Đặc biệt, nhiều giáo viên đã nhận thức được ưu điểm và vai trò quan trọng của hoạt động liên tưởng để phát triển năng lực cho người học (60% chọn đáp án C câu hỏi 7).

- Tuy nhiên, qua khảo sát chúng tôi cũng nhận thấy, vẫn còn bộ phận giáo viên chưa thực sự đánh giá đúng bản chất cũng như vai trò của hoạt động liên tưởng trong quá trình khám phá hình tượng, cắt nghĩa tác phẩm truyện ngắn (40% chọn đáp án C câu hỏi 8). Điều này cho thấy một thực trạng là, giáo viên chưa tạo nên có sự kết nối giữa liên tưởng của người học với các nhân tố hạt nhân của tác phẩm, đặc biệt là những ấn tượng sâu sắc về hình tượng, từ đó xuất hiện không ít lúng túng trong quá trình tổ chức các hoạt động tiếp nhận truyện ngắn.

Bảng 2.15: Kết quả khảo sát kiến thức có liên quan đến năng lực tưởng tượng của giáo viên trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12

Câu	Kết quả							
	Đáp án A		Đáp án B		Đáp án C		Đáp án D	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	40	40	20	20	21	21	19	19
2	15	15	15	15	35	35	45	45
3	22	22	17	17	10	10	50	50
4	21	21	15	15	48	48	15	15
5	10	10	20	20	60	60	10	10
6	50	50	10	10	29	29	10	10
7	21	21	9	9	55	55	15	15
8	17	17	12	12	60	60	10	10
9	21	21	28	28	15	15	35	35
10	13	13	57	57	10	10	10	10
11	17	17	22	22	50	50	10	10
12	10	10	30	30	33	33	27	27
13	14	14	26	26	50	50	10	10

- Từ kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy, đa số giáo viên nắm vững đặc trưng của truyện ngắn với những lí giải sâu sắc và phong phú về vai trò của các hoạt động tưởng tượng trong thiết kế giờ dạy học (60% chọn đáp án C câu hỏi 5; 50% chọn đáp án A câu hỏi 6). Đặc biệt, nhiều giáo viên đã nhận thức được sự tác động của tưởng tượng trong quá trình phát triển năng lực tiếp nhận truyện ngắn cho người học (55% chọn đáp án C câu hỏi 7; 60% chọn đáp án C câu hỏi 8; 57% chọn đáp án C câu hỏi 10).

- Tuy nhiên, tác giả luận án cũng nhận thấy, vẫn còn một bộ phận giáo viên chưa thực sự vững vàng trong việc vận dụng các thao tác tổ chức hoạt động tưởng tượng trong tiếp nhận của học sinh, không đánh giá đúng bản chất cũng như vai trò của hoạt động tưởng tượng trong quá trình khám phá hình tượng, cắt nghĩa tác phẩm truyện ngắn (20% chọn đáp án B câu hỏi 5; 21% chọn đáp án A câu hỏi 7). Điều này cho thấy một thực trạng là, giáo viên chưa tạo nên có sự kết nối giữa tưởng tượng của người học với các nhân tố hạt nhân của truyện ngắn để tổ chức tiếp nhận đạt hiệu quả.

2.2.2.4. Phân tích và đánh giá về thực trạng dạy học truyện ngắn của giáo viên theo hướng phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng của học sinh lớp 12

Trên cơ sở phân tích những kết quả qua phiếu khảo sát, giáo án đổi chứng của giáo viên, dự giờ thăm lớp, dạy thực nghiệm,...chúng tôi nhận định về thực trạng dạy học truyện ngắn của giáo viên như sau:

- *Cách xác định mục tiêu bài học*: Phần lớn giáo viên đã quan tâm đến việc xác định mục tiêu trong tổ chức dạy học. Tuy nhiên, vẫn còn thụ động phụ thuộc sự định hướng từ nội dung chương trình của sách giáo khoa, vì vậy sự chủ động sáng tạo trong tư duy về phương pháp gần như bị triệt tiêu, năng lực tiếp nhận truyện ngắn của người học bị hạn chế (40% chọn đáp án D câu hỏi 2) (Phụ lục 1.1). Thực tiễn dạy học truyện ngắn cho thấy, không ít giáo viên khi tổ chức cho học sinh phân tích hình tượng nhân vật chỉ tập chung

định hướng cho học sinh kể lại nhân vật theo lời nhà văn. Điều này có nghĩa là, các hoạt động tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng chỉ dừng lại ở mức tái thuật mà chưa phát triển cho các em tư duy phản biện và sự trải nghiệm hồi ứng để hướng đến sáng tạo.

- *Cách đặt câu hỏi*: Khi dự giờ thăm lớp, phát vấn với giáo viên, kết hợp với những thông tin trong giáo án, có thể thấy, không ít giáo viên thường sử dụng loại câu hỏi thiên về gợi mở sự sáng tạo, câu hỏi có tính phản biện, đặc biệt là câu hỏi tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng (43% chọn đáp án B câu hỏi 10). Do vậy, học sinh khi tiếp nhận truyện ngắn về cơ bản đã khám phá được bề sâu, bề rộng của tác phẩm vì các hoạt động tâm lí của học sinh được khơi dậy và đánh thức mạnh mẽ (Phụ lục 1.1).

- *Cách vận dụng các phương tiện dạy học*: Trong tổ chức dạy học truyện ngắn, chúng tôi nhận thấy, đa phần giáo viên đã biết kết hợp một cách hợp lí các phương tiện dạy học, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin (40% chọn đáp án C câu hỏi 10) (Phụ lục 1.1). Tuy nhiên, vẫn còn bộ phận giáo viên vận dụng chưa hợp lí hoặc lạm dụng công nghệ vào tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn, điều đó đã làm tê liệt đi năng lực tri giác ngôn ngữ, tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng và tự nhận thức của người học. Bởi vì, hình tượng đã sẵn có trên kênh hình, đã được tái hiện thay trên tranh ảnh, không cần phải đọc văn bản để tri giác ngôn ngữ, liên tưởng và tưởng tượng (28 % chọn đáp án A câu hỏi 10) (Phụ lục 1.1).

- *Vận dụng các phương pháp, biện pháp, kĩ thuật dạy học*: Thực tiễn dạy học truyện ngắn cho thấy, đại đa số giáo viên đã có ý thức đổi mới phương pháp để nâng cao hiệu quả trong dạy học truyện ngắn, đặc biệt là đã quan tâm đến vai trò của hoạt động tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng trong quá trình tổ chức dạy học truyện ngắn (40% chọn đáp án C câu hỏi 5) (Phụ lục 1). Tuy nhiên, vẫn còn bộ phận người dạy tỏ ra không hứng thú với vấn đề này, do vậy về mặt phương pháp vẫn còn nặng về thuyết trình, vấn đáp, độc

thoại một chiều. Bên cạnh đó, một số biện pháp, kĩ thuật và các hoạt động dạy học tích cực như: nhập vai kể chuyện sáng tạo, phản biện đối thoại, thâm nhập hồi ứng, so sánh văn học, thảo luận, trải nghiệm sáng tạo, ngoại khóa, mảnh ghép, sơ đồ tư duy, công não,... lại ít được quan tâm sử dụng đến. Do vậy, về thực chất, giữa giáo viên, học sinh với tác phẩm truyện ngắn chưa có được kết nối sâu rộng, khả năng tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của người học chưa được phát huy tối đa.

- *Hoạt động kiểm tra đánh giá*: Đối với hoạt động kiểm tra và đánh giá trong dạy học truyện ngắn đã có nhiều đổi mới nhưng vẫn chưa đa dạng và phong phú về hình thức. Về cơ bản giáo viên đã có nhiều nỗ lực trong việc thiết kế các hình thức ra đề kiểm tra, từ dạng đề phân tích, trình bày tái hiện, áp dụng. Tuy nhiên, đối với các dạng đề có tính gợi mở, so sánh và phản biện, nhập vai kể chuyện tưởng tượng sáng tạo,... chưa được vận dụng hợp lí và triệt để (37% chọn đáp án B câu hỏi 11) (Phụ lục 1.1). Bên cạnh đó, không ít giáo viên gặp khó khăn trong việc đề ra các tiêu chí đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực người học. Do vậy, dạy và học truyện ngắn về cơ bản chưa đạt được kết quả như mong muốn

- Đặc biệt chúng tôi cũng nhận thấy, trong dạy học truyện ngắn, đa số giáo viên đã biết vận dụng phương pháp đặc trưng của bộ môn, nhiều giáo viên say mê, có khả năng thích ứng với sự tiếp biến của đời sống phương pháp. Đã xác định được trọng tâm của từng bài học, có nhiều dụng công sáng kiến kinh nghiệm, tìm tòi trong đổi mới phương pháp để nâng cao hiệu quả dạy học. Phần nào đã có ý thức bám dựa vào đặc trưng khu biệt của thể loại, những dấu hiệu thi pháp của tác phẩm để liên nối năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh với năng lực sáng tạo của nhà văn, tuy nhiên vẫn còn mờ nhạt. Người dạy không bảo tồn được tính liền mạch trong trường liên tưởng, tưởng tượng và tái hiện hình tượng của người học.

Tiểu kết chương 2

Có thể nói, việc nghiên cứu và ứng dụng phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực sáng tạo của chủ thể người học đã từng bước xác định được những vấn đề lí luận cơ bản, đặc biệt là đã xây dựng được cách thức thực hiện quá trình tiếp nhận truyện ngắn, tạo ra những bước chuyển hướng cho cách nhìn nhận khoa học về chủ thể và đối tượng của giờ học, làm thay đổi diện mạo nhận thức của học sinh trong nhà trường.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học tác phẩm truyện ngắn nói riêng phản ánh một phương thức đặc thù của tư duy tiếp nhận. Do vậy, quá trình tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng không phải là những hoạt động tự nhiên, rời rạc hay tùy hứng mà giữa chúng có mối quan hệ mật thiết trong một cơ chế vận hành riêng trên cơ sở các nguyên tắc của biểu hiện tâm lí, định hướng thẩm mỹ và tư duy nghệ thuật.

Nhìn lại nội dung dạy học truyện ngắn trong nhà trường THPT, đối chiếu với thực trạng dạy học truyện ngắn ở lớp 12, chúng tôi nhận thấy cần phải đổi mới quá trình tổ chức hoạt động tiếp nhận sáng tạo của chủ thể người học. Thực tiễn dạy học cho thấy, việc giáo viên chưa thực sự lường định, nắm vững quy luật đặc thù của tâm lí nghệ thuật đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tổ chức và định hướng tiếp nhận trong giờ học; bên cạnh đó là tình trạng học sinh tái hiện hình tượng sai lệch, liên tưởng, tưởng tượng nông cạn và tản mạn còn diễn ra phổ biến, điều này dẫn đến một tâm lí thường thấy trong người học là các em thiếu tự tin và bị tê liệt năng lực.

Vì vậy, để nâng cao chất lượng dạy và học truyện ngắn nhất thiết phải đổi mới phương pháp, đặc biệt là phải tổ chức được những giờ học với những hoạt động tiếp nhận mà ở đó học sinh là chủ thể sáng tạo.

CHƯƠNG III

MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TÁI HIỆN HÌNH TƯỢNG, LIÊN TƯỢNG VÀ TƯỢNG TƯỢNG CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC TRUYỆN NGẮN Ở LỚP 12

3.1. Những yêu cầu có tính định hướng trong dạy học truyện ngắn theo hướng phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tượng và tượng tượng cho học sinh lớp 12

Trên cơ sở phân tích, nhận định về thực trạng dạy học truyện ngắn của giáo viên và học sinh như trên, chúng tôi đề xuất một số yêu cầu cho việc dạy học truyện ngắn như sau:

3.1.1. Cần hiểu được đặc điểm của năng lực tái hiện, liên tượng, tượng tượng để định hướng nhận tác phẩm truyện ngắn cho học sinh.

Có thể nói, truyện ngắn dùng ngôn ngữ làm chất liệu, do tính phi vật thể của ngôn ngữ nên hình tượng không thể tác động trực tiếp vào giác quan của người đọc mà chỉ có thể tác động thông qua cơ chế hoạt động tâm lí. Do vậy, hoạt động tái hiện hình tượng, liên tượng và tượng tượng của học sinh được xác định là nhóm năng lực tâm lí quan trọng trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn. Tuy nhiên, để dạy học truyện ngắn đạt hiệu quả, GV cần nhận thức đầy đủ về bản chất cũng như quy trình của tái hiện hình tượng, liên tượng và tượng tượng, đồng thời định hướng tiếp nhận cho HS là một yêu cầu hết sức cần thiết.

Trước hết, giáo viên phải là người am tường về tâm lí học, tâm lí học nghệ thuật, tâm lí học sáng tạo, lí luận về hình tượng để hiểu nguồn gốc và môi trường sinh thành của nó trong mối quan hệ với quá trình sáng tạo của nhà văn; từ đó, giúp người đọc nhận ra vai trò trung tâm của hình tượng nhân vật và cách thức tái hiện nó trong quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn. Vì rằng, bạn đọc chỉ có thể bước vào tác phẩm, giao tiếp với nhà văn thông

qua thế giới hình tượng mà thôi, do vậy, bằng cách thức tác động nào đó, GV cần giúp HS nhận thức sâu sắc được vấn đề này trước khi người học thực hiện thao tác tái hiện hình tượng để dựng lại thế giới nghệ thuật trong tác phẩm. Người giáo viên chỉ thực sự bắt đầu giờ học truyện ngắn khi có sự kết nối giữa các hoạt động tâm lí của người học với thế giới hình tượng, nhận ra được bản chất của nó, đó là lúc trong tâm trí các em đã tạo dựng lại môi trường nghệ thuật bằng ghi nhớ, hồi ức, liên tưởng, hình dung, nhập thân và tưởng tượng. Các nhà nghiên cứu cho rằng: “Chỉ có thể bắt đầu giờ giảng văn khi ít nhất trong đầu óc các em làm sống dậy được thế giới nghệ thuật của tác phẩm”[63]. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý rằng, để khắc phục hiện tượng tái hiện mờ nhạt, tái hiện sai lệch, thiếu chính xác và không tương khớp với hình tượng trong tác phẩm, GV cần định hướng nhận thức của các em vào việc đọc văn bản, chủ động bước vào và khám phá thế giới hình tượng trong văn bản và tiếp nhận bằng văn bản với một môi trường nghệ thuật rất riêng của nhà văn. Có như vậy, mục tiêu rút ngắn “khoảng cách thẩm mỹ”, nâng cao “tâm đón nhận” hay hướng đến “đồng sáng tạo” của học sinh khi tiếp nhận truyện ngắn mới thực sự có hiệu quả.

Bên cạnh đó, để tiếp nhận truyện ngắn hiệu quả, học sinh phải biết huy động trường liên tưởng mạnh mẽ để liên kết, bổ sung, nhóm hợp hệ thống các hình ảnh và biểu tượng để mang lại cho hình tượng sự đầy đủ và chân xác. Năng lực liên tưởng của người học trong tiếp nhận truyện ngắn thể hiện ở việc chuyển thế giới nghệ thuật của tác phẩm vào thế giới tinh thần của bản thân. Khả năng khởi động ấn tượng, cảm xúc cũng như kinh nghiệm sống sẽ giúp bạn đọc học sinh liên tưởng để kết nối với liên tưởng của nhà văn và hiểu ý nghĩa của hình tượng, từ đó có thể cảm thụ tác phẩm được sâu sắc. Đây cũng là vấn đề được các nhà nghiên cứu nhận định: “Học sinh sẽ tìm ra mình, sẽ hoàn thiện nhận thức, sẽ phấn khích; dựa vào liên tưởng và tưởng tượng của họ để dõi theo diễn biến ý nghĩ của nhà văn”[49]. Tuy nhiên, do vốn

sống, kinh nghiệm cá nhân khác nhau nên tín hiệu thẩm mỹ trong từng tác phẩm gợi lên cũng khác nhau với độ phong phú riêng của từng người. Điều này dẫn đến một thực trạng tồn tại trong quá trình tiếp nhận truyện ngắn là, hiện tượng liên tưởng phiếm diện, tản mạn, tùy tiện, suy diễn, phi văn bản và ngoài văn bản. Do vậy, một yêu cầu hết sức cần thiết khi tổ chức dạy học truyện ngắn của giáo viên là phải định hướng liên tưởng cho học sinh để quá trình tiếp nhận của các em diễn ra đúng hướng.

Mặt khác, trong quá trình tổ chức dạy học tác phẩm truyện ngắn, giáo viên cần quan tâm đến năng lực tưởng tượng của HS - một năng lực quan trọng có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả tiếp nhận của người học. Vì rằng, chỉ có tưởng tượng phong phú, biết liên kết các biểu tượng do kinh nghiệm thu được từ cuộc sống và thiết lập chúng theo một cấu trúc đặc biệt, đồng thời kết nối chúng với từ nội dung và hình thức nghệ thuật trong tác phẩm truyện ngắn,...thì người học mới kiến tạo nên được hình tượng độc đáo. Quá trình tưởng tượng của học sinh này được huy động theo chiều hướng dính kết các đặc điểm, các chi tiết của những đối tượng khác nhau hoặc theo hướng nhân cách hóa, điển hình hóa, khái quát hóa, nhấn mạnh từng chi tiết của bản thân sự vật,...để tạo nên hình tượng mới. Nhấn mạnh về tầm quan trọng của trí tưởng tượng, nhà nghiên cứu Z.Ia.Rez cho rằng: “Việc kích thích cho trí tưởng tượng hoạt động sẽ giúp người đọc lĩnh hội văn bản về mặt lô gích một cách sâu sắc hơn”[82]. Tuy nhiên, trong quá trình dạy học truyện ngắn, bên cạnh việc quan tâm kích thích, phát huy khả năng tưởng tượng của học sinh để các em thăng hoa và sáng tạo, GV cần giúp người học khắc phục tình trạng tưởng tượng nông cạn, tiêu cực, hoang đường,...để quá trình tiếp nhận phù hợp và đạt hiệu quả. Như vậy, cái đích hướng cuối cùng của việc phát triển năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong quá trình tiếp nhận truyện ngắn là giúp các em tạo ra được một hình tượng độc đáo, để đạt được mục tiêu này, việc GV quan tâm định hướng tiếp nhận cho người học là hết sức cần thiết.

3.1.2. Cần hiểu vai trò của mối quan hệ giữa năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng với đặc trưng thể loại để tổ chức tiếp nhận truyện ngắn đạt hiệu quả.

Có thể nói, truyện ngắn không phải là một thể loại trống rỗng, mà được hình thành trong quá trình lịch sử, nội hàm của nó luôn được bổ sung bằng cách dần dần cụ thể hóa đối tượng và con đường hoạt động của những cách thức tiếp nhận chuyên biệt. Trong sáng tạo truyện ngắn, nhà văn thường sử dụng phương thức chiếm lĩnh đời sống và thể hiện quan điểm thẩm mỹ rất riêng, điều này cũng đặt ra cho người đọc sự nhận thức sâu sắc về cấu trúc tác phẩm, đồng thời có hướng tiếp cận phù hợp. Bởi thế, dạy học truyện ngắn trong nhà trường nếu GV chưa nhận diện đầy đủ về một tác phẩm truyện ngắn, về đặc điểm thể loại của nó thì mọi phương pháp, biện pháp sẽ không đem lại hiệu quả như mong muốn. Bàn về vấn đề này, tác giả Phan Trọng Luận nhấn mạnh: “Người giáo viên thông hiểu bản chất cấu tạo của tác phẩm sẽ xác định được nội dung khai thác, phân tích và giảng dạy”[63]. Hiện nay, mục tiêu dạy học văn nói chung và dạy học truyện ngắn nói riêng đang hướng đến phát triển năng lực tiếp nhận cho người học; trong đó năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh được đặc biệt quan tâm.

Về bản chất, tiếp nhận truyện ngắn của học sinh là một quá trình tương tác tâm lí giữa nhà văn và bạn đọc, giữa tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng,... của HS với thế giới hình tượng của truyện thông qua quá trình phân tích các chi tiết, sự việc, sự kiện, tình huống, nhân vật, ngôi kể, giọng kể, kết cấu và cốt truyện. Trong đó, mỗi yếu tố nghệ thuật của truyện luôn khơi gợi ở bạn đọc một tốc độ huy động khả năng tái hiện, một sự kích thích trường liên tưởng mạnh mẽ và mở đường cho những sự tưởng tượng sáng tạo. Tâm lí của HS không bao giờ là vu vơ, khi đọc truyện ngắn thực chất là bạn đọc đang hồi ức, liên tưởng, hình dung và tưởng tượng để

chúng kiến cũng như theo dõi số phận của hình tượng nhân vật qua các môi trường sinh thành của nó. Bàn về vấn đề này, giới nghiên cứu đã xác nhận: “Liên tưởng và tưởng tượng trong người đọc thường bắt nguồn từ những chi tiết, tình huống cụ thể”[41]. Do vậy, chúng tôi cho rằng, để có thể phát triển được năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của HS trong dạy học truyện ngắn, GV cần nhận thức sâu sắc về mối quan hệ giữa chúng với đặc trưng thi pháp thể loại để tổ chức tiếp nhận.

3.1.3. Cần đa dạng hóa các “kênh”, các hình thức tổ chức hoạt động để khơi gợi, kích thích khả năng tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh.

Có thể nói, một trong những dạy học truyện ngắn ở phổ thông hiện nay vẫn còn đơn điệu, nhàm chán trong việc xây dựng biện pháp và cách thức tổ chức hoạt động cho học sinh. Vì vậy, người học thiếu hứng thú, tiềm năng sáng tạo của giáo viên không được đánh thức và phát huy. Tác phẩm truyện ngắn là nghệ thuật ngôn từ, một thứ nghệ thuật giao tự và dung kết trong nó tinh hoa của các loại hình nghệ thuật, thế nhưng cả người dạy và người học lại không tìm thấy đường kênh tác động tổng hợp để làm nổi bật các yếu tố đó. Tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng là câu chuyện của tâm hồn, cả con người văn hóa của độc giả, nhưng hình thức tổ chức hoạt động không tạo điều kiện để cho cái phần tổng thể có cơ hội được diện hình, tác động cộng hưởng lẫn nhau. Hệ thống đường kênh quen thuộc mà giáo viên sử dụng trong giờ học truyện ngắn là đọc, viết, nói, nghe nhưng sự phối hợp giữa chúng lại chưa thực sự nhuần nhuyễn và sáng tạo.

Để học sinh huy động sự tích cực và phát huy được khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong giờ học truyện ngắn, GV cần phối hợp đa dạng các hình kênh kích thích, khơi gợi,... dẫn các em đến với sự nghiệm trải, nhập thân và sáng tạo. Đặc biệt, khi tiến hành các hoạt động tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng, GV phải tạo được các hình thức thể hiện thực sự có độ nở mở, một không gian tương tác tâm lí dân chủ và một

môi trường tiếp nhận phù hợp với HS. Tuy nhiên, chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, tác phẩm truyện ngắn là sản phẩm của nghệ thuật ngôn từ, do vậy, GV khi vận dụng sự đa dạng hóa các kênh để kích hoạt sự tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của HS cần được tư duy từ đặc trưng này để lựa chọn phù hợp, tạo cơ hội để suy tôn sự tinh tế và kì diệu của thế giới nghệ thuật ngôn từ thay vì triệt tiêu khả năng hình dung, liên tưởng và tưởng tượng của người học. Bởi lẽ, thực tiễn dạy học truyện ngắn đã chỉ ra, nhiều tác phẩm do GV vận dụng kênh hình, công nghệ chưa hợp lí,... đã làm tê liệt năng tiếp nhận của HS (từ tri năng lực giác ngôn,... đến năng lực đánh giá). Đây là nội dung được các nhà nghiên cứu phương pháp dạy học văn quan tâm nhắc nhở đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy trên lớp: “Văn chương là thế giới của cảm xúc, của tâm hồn nên việc dàn dựng hoạt động bên trong của học sinh, việc vật chất hóa hoạt động của người học là một công việc vô cùng tế nhị, phức tạp cần được nghiên cứu và ứng dụng thận trọng”[63].

3.2. Một số biện pháp để triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho học sinh trong dạy học truyện ngắn ở lớp 12

3.2.1. Tổ chức hoạt động cắt nghĩa tình huống truyện với sự huy động khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của HS

Có thể nói, trong truyện ngắn, tình huống truyện là bối cảnh đặc biệt mà tác giả tạo ra để triển khai cốt truyện, để nhân vật hành động, suy nghĩ; tình huống bao giờ cũng hàm chứa, dồn tụ khả năng khơi gợi các phản ứng tâm lí, kích hoạt sự liên tưởng sâu xa, sự tưởng tượng phong phú và sáng tạo. Bởi lẽ, với mỗi tình tiết, biến cố, bước ngoặt của cuộc đời hay số phận nhân vật được miêu tả trong truyện đều xác định là một hướng hay một trường liên tưởng và tưởng tượng của người học. Trong dạy học truyện ngắn, việc GV và HS nắm vững vai trò của tình huống truyện trong dự ý nghệ thuật của nhà văn từ bình diện lý luận có một ý nghĩa quan trọng; bên cạnh đó, người giáo viên phải định vị và nhận diện được chính xác các kiểu dạng của tình huống để định hướng người học tiếp cận tác phẩm một cách hiệu quả và sâu sắc nhất. Để phát huy năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của HS

trong dạy học truyện ngắn theo hướng khai thác vai trò của tình huống truyện, GV cần tiến hành một số bước sau:

➤ *Bước 1: GV giúp HS xác định tình huống truyện bằng cách huy động tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng để đặt các câu hỏi và gọi tên cho tình huống. Cụ thể như sau:*

- Em đã đọc văn bản, hãy mô tả và tái hiện lại những sự kiện quan trọng giúp em khái quát được nội dung chính của truyện ngắn này?

- Theo em, những sự kiện bao quan trọng nào có thể giúp em tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng ra thế giới hình tượng nhân vật mà nhà văn đã tạo dựng trong truyện ngắn này?

- Từ việc tổng hợp các tình tiết chính, em hãy cho biết sự kiện nào có vai trò quyết định trong việc giúp em tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng được toàn bộ nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn này?

- Theo em, đâu là tình tiết quan trọng giúp em nhớ và cảm thụ sâu sắc truyện ngắn này?

- Em có thể hình dung và tóm tắt tác phẩm theo tình huống em đã xác định không?

- Từ khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của mình, em hãy xác định và đặt tên cho tình huống truyện trong truyện ngắn này?.

➤ *Bước 2: GV giúp HS phân tích tình huống bằng thông qua hệ thống câu hỏi tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng để làm rõ các bình diện cơ bản sau đây:*

- Diện mạo của tình huống nhìn từ bình diện không gian, thời gian và sự gắn kết của nó với các yếu tố khác trong văn bản. Ví dụ:

+ Trong hình dung, liên tưởng và tưởng tượng của em, không gian và thời gian trong truyện đang diễn ra ở thời điểm hiện tại hay trong quá khứ?

+ Trong hình dung và tưởng tượng của em, tình huống truyện chứa đựng những thông tin gì? Có nhân vật, có sự việc và sự kiện, không gian và thời gian không ?

- Diện mạo tình huống nhìn trong mối quan hệ với đặc trưng thể loại và các đặc điểm thi pháp của tác phẩm truyện ngắn. Ví dụ:

+ Tình huống truyện giúp em hình dung, liên tưởng và tưởng tượng như thế nào về tính cách, phẩm chất và số phận của hình tượng nhân vật?

+ Trong truyện ngắn này, tác giả đã tập trung xây dựng kiểu dạng tình huống nào? Tại sao?

- Mối liên kết và sự chi phối của tình huống đối với các khâu khác của truyện ngắn. Ví dụ:

+ Theo em, tình huống này có vai trò như thế nào đối với ý đồ tổ chức cốt truyện của nhà văn?

+ Tình huống truyện đã chi phối như thế nào đến hình thức nghệ thuật của tác phẩm?

+ Em hãy phân tích những đặc sắc nghệ thuật của tình huống truyện trong tác phẩm?

➤ *Bước 3: GV sử dụng câu hỏi tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng để giúp HS rút ra ý nghĩa của tình huống, các thông điệp nghệ thuật, thông điệp tư tưởng mà tình huống chứa đựng*

- Về quan niệm: Toát lên quan niệm gì về nhân sinh, thẩm mỹ?

+ Qua tình huống truyện, nhà văn gửi gắm triết lí gì về cuộc sống?

+ Qua tình huống truyện, nhà văn đã thể hiện một quan niệm thẩm mỹ như thế nào?

- Về cảm xúc: Chứa đựng cảm xúc chủ đạo gì?

+ Nhà văn đã thể hiện tình cảm gì thông qua tình huống truyện? Em hãy hình dung, tưởng tượng và mô tả lại?

+ Tình cảm chủ đạo mà nhà văn muốn gửi gắm thông qua tình huống truyện này là gì? Em hãy tưởng tượng và mô tả lại?

- Về nghệ thuật: Gửi gắm thông điệp nghệ thuật gì?

+ Qua tình huống này, nhà văn muốn thể hiện quan điểm như thế nào về nghệ thuật?

+ Qua tình huống này, tác giả đã thể hiện triết lí gì về nghệ thuật?

- Về tư tưởng: Chứa đựng tư tưởng chủ đạo gì?

+ Theo em, tư tưởng chủ đạo của tác phẩm có thể hiện qua tình huống truyện không?

+ Theo em, tư tưởng chủ đạo được tác giả thể hiện thông qua tình huống truyện là gì?

+ Qua tình huống này, nhà văn muốn gửi gắm tư tưởng gì?

➤ *Phân tích truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu từ góc độ tình huống truyện*

Đối với truyện ngắn này, GV có thể triển khai bằng nhiều cách thức khác nhau, nhưng bắt đầu từ tình huống truyện kết hợp với vận dụng dạng loại câu hỏi tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng ở tất cả các khâu, các bước trong hoạt động dạy học được coi là một hướng tiếp cận có thể đạt hiệu quả cao. Cụ thể như sau:

- *Hoạt động xác định tình huống*: Sau khi giới thuyết để cung cấp cho người học những kiến thức lí luận về tình huống truyện, GV có thể đặt định hướng HS thực hiện các yêu cầu sau:

+ Các nhóm đọc lướt tác phẩm, sau đó vận dụng năng lực liên tưởng, tưởng tượng và tái hiện lại những sự kiện điển hình, các hình ảnh ấn tượng đang diễn ra trong tâm trí của mình.

+ Các nhóm hình dung, tưởng tượng và ghi những chi tiết, sự kiện, hình tượng nổi bật và bao trùm có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp tác giả Nguyễn Minh Châu xây dựng toàn bộ câu chuyện phiêu học tập.

+ Các nhóm lần lượt trình bày, trao đổi, phản biện về các sự kiện bao quát vừa chọn lựa và tìm kiếm được trong tác phẩm, GV lắng nghe, định hướng và thống nhất nội hàm của tình huống.

+ GV yêu cầu các nhóm tìm từ, cụm từ, khái niệm,... để đặt tên cho tình huống theo quan điểm riêng của nhóm; sau đó, GV tiến hành định danh, khái quát và chốt lại một tên gọi chung có sức thuyết phục cho tình huống truyện bằng câu hỏi sau: *Theo cả lớp, chúng ta nên khái quát nội dung và đặt tên cho tình huống trong truyện như thế nào?*

=> Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* xoay quanh một tình huống chủ chốt: “Nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng tìm vào vùng biển mong chụp được bức ảnh nghệ thuật về làm lịch và tưởng đã thành công khi thu vào ống kính khung cảnh chiếc thuyền ngoài xa trong buổi ban mai đẹp như một giấc mơ. Sau đó, anh đã phải chứng kiến cảnh bạo hành trong một gia đình làng chài vừa bước xuống từ con thuyền. Những ngày sau, cảnh bạo hành ấy vẫn tiếp tục diễn ra, chánh án Đẩu đã mời người đàn bà hàng chài đến tòa án để giải quyết chuyện của gia đình chị”.

+ GV đặt câu hỏi: trong truyện ngắn này, các chi tiết, sự kiện, biến cố,...tiêu biểu chủ yếu hướng vào lí giải và làm rõ hành động, suy nghĩ hay tâm trạng của các nhân vật?

- Làm rõ hành động và tính cách - tình huống hành động
- Làm rõ suy nghĩ và nhận thức - tình huống nhận thức
- Làm rõ tâm trạng và nội tâm - tình huống tâm trạng

+ GV tiếp tục đặt câu hỏi: Trong truyện, tác giả sử dụng cả ba hay chủ yếu thiên về loại tình huống nào?.

+ Lưu ý ở truyện ngắn này, GV nên định hướng HS tiếp cận từ *tình huống nhận thức* để có thể hình dung được những triết luận, suy nghiệm sâu sắc về cuộc đời và nghệ thuật ở các nhân vật cũng như của chính nhà văn.

- *Hoạt động phân tích tình huống*: Ở hoạt động này, GV có thể vận dụng câu hỏi tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng để lí giải, khai thác tình huống được hiệu quả. Cụ thể là:

+ Từ việc tìm hiểu về tình huống truyện, em hãy tưởng tượng và tái hiện lại cảnh tượng đang diễn ra trong tâm trí mình?.

- Khung cảnh thiên nhiên trong buổi ban mai cùng với hình ảnh chiếc thuyền ngoài xa đẹp như một giấc mơ, ở đó nghệ sĩ Phùng đang hạnh phúc với những khoảnh khắc thăng hoa nghệ thuật và anh phát hiện ra bản thân cái đẹp chính là đạo đức.

- Một nghịch cảnh trớ trêu: Cảnh bạo hành trong một gia đình hàng chài vừa bước xuống từ con thuyền, lúc này nhiếp ảnh Phùng vô cùng ngạc nhiên, anh đau đớn không nói nên lời.

+ Qua tình huống truyện, suy nghĩ, hành động, tính cách, tâm trạng,... của mỗi nhân vật hiện lên trong liên tưởng, tưởng tượng của em như thế nào? Hãy tái hiện và mô tả lại?.

- Nghệ sĩ Phùng: Bối rối, đau đớn trong trái tim như có cái gì bóp thắt, anh lặng người đi đến mức như nghẹt thở.

- Người đàn bà: Khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ; vẻ mặt cam chịu đầy nhẫn nhục không hề kêu lên một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách chạy trốn. Nhìn cảnh thằng Phác lao nhẩy xổ vào lão đàn ông,...chị liền can ngăn, thấy vô cùng xấu hổ, đau đớn và tủi phận như viên đạn xuyên qua tim mình.

- Lão đàn ông: Quát tháo, rút dây thắt lưng, hàm răng nghiến ken két, trút cơn giận như lửa cháy vào vợ, vừa quật vừa thở hồng hộc, đánh thẳng con và làm lì bỏ đi.

- Thằng Phác: Chạy xô thẳng vào gã đàn ông như viên đạn đang trên đường lao tới đích, giằng chiếc thắt lưng và vung quật mạnh vào ngực trần vạm vỡ cháy nắng của lão đàn ông. Bị đánh nhưng nó không hề hé răng, lặng lẽ đưa mấy ngón tay khế sờ trên khuôn mặt đáng thương của mẹ như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong những nốt rỗ chằng chịt.

+ Từ diễn biến của tình huống truyện, trong liên tưởng và tưởng tượng của em phẩm chất của các nhân vật hiện lên như thế nào về? Hãy tái hiện và mô tả lại?

- Nhân vật Phùng: Trước mắt người đọc hiện lên một nghệ sĩ có trái tim nghệ sĩ yêu đắm say cái đẹp, một tâm hồn trong sáng, nhạy cảm, giàu tình yêu thương và lòng trắc ẩn trước con người; đồng thời luôn trăn trở và khát vọng đổi thay hiện thực phũ phàng.

- Nhân vật người đàn bà làng chài: Một người vợ khốn khổ, cam chịu và nhiều bất hạnh; hơn hết, bên cạnh một người mẹ giàu tình yêu thương và đức hi sinh, là một người phụ nữ đầy trải nghiệm và thấu cảm trước cuộc đời với tất cả sự bẽ bộn của nó.

- Nhân vật lão đàn ông: Một kẻ thô kệch, lì lợm và cục tính; trước những tác động của hoàn cảnh sống nghiệt ngã đã trở nên yếu hèn, vũ phu và tàn ác. Con người lão chính là sự hiện diện của những di họa chiến tranh và cái ác luôn tiềm ẩn trong cuộc đời.

- Thăng Phác: Một đứa trẻ trong sáng, giàu tình yêu thương, cuộc sống gia đình khiến nó lầm lì ít nói, cảnh bạo hành đã làm cậu bé bị thương và biết bao giờ vết thương ấy mới lành trở lại khi trong lòng luôn ám ảnh bởi cái ác và day dứt về nỗi khôn khổ của mẹ.

+ Từ hoàn cảnh sống thực tại, theo sự liên tưởng, tưởng tượng và phán đoán của em, các nhân vật trong truyện sẽ hành động và phản ứng như thế nào? Tiến trình tâm lí của họ sẽ diễn biến ra sao?.

- Nghệ sĩ Phùng: Có thể im lặng và bạc nhược, hoặc vào cuộc để ngăn chặn cảnh bạo hành.

- Người đàn bà: Cam chịu, bất lực trước số phận hay phối hợp cùng với Phùng, Đẩu,... để thay đổi cuộc sống. Tại sao lại cam chịu và chấp nhận hiện thực phũ phàng, phải chăng bằng niềm tin và khát vọng chị đã thấy được mầm hi vọng đang nuôi dưỡng trong sự nhẫn nhục ấy.

- Lão đàn ông: Tiếp tục sống tàn nhẫn, ngày càng chìm sâu vào cảnh tội lỗi và bạo hành.

- Thăng Phác: Những ám ảnh về cảnh tượng bạo lực, nỗi đau của mẹ và hận thù về tội lỗi của cha; tâm hồn trong sáng của đứa trẻ thơ dại đã bị xâm hại bởi bạo hành và tội ác.

+ Em thử hình dung và tưởng tượng xem, các nhân vật sẽ nhận thức và hành động như thế nào ở tòa án? Điều gì khiến em ấn tượng về họ?

- Chánh án Đẩu đã đứng về phía người đàn bà để khuyên chị li hôn, nhưng thật bất ngờ khi nghe những lời lẽ chân thành và sự van xin, từ chối không bỏ chồng của chị; anh hiểu được nguyên do người đàn bà không bỏ chồng là vì những đứa con. Anh hiểu ra rằng, con người cũng như cuộc sống thật phong phú, thật phức tạp và không dễ dàng lí giải hay can thiệp một chiều như anh tưởng lúc ban đầu.

- Phùng như thấy được chiếc thuyền nghệ thuật ở ngoài xa, còn cuộc đời lại ở rất gần. Cái đẹp ngoại cảnh khiến anh ngỡ là hoàn hảo, toàn bích có thể che khuất cái bề bộn, ngổn ngang của cuộc sống; vẻ bề ngoài nhếch nhác, lam lũ, cơ cực lại có thể chứa đựng những vẻ đẹp tiềm ẩn trong con người. Câu chuyện của người đàn bà ở tòa án huyện giúp anh hiểu hơn cái có lí tưởng như nghịch lí ở gia đình thuyền chài, anh hiểu thêm tính cách của Đẩu và cũng giác ngộ sâu sắc về chính bản thân mình.

- Người đàn bà: Không li hôn với chồng và đưa ra những luận giải về nhân sinh vô cùng sâu sắc. Theo chị, gã chồng là chỗ dựa quan trọng của người phụ nữ hàng chài, nhất là khi biển động phong ba; hơn nữa chị còn có những đứa con, chị phải sống vì con, sống cho con chứ không phải vì bản thân mình. Người đàn bà hàng chài đã thực sự để lại những ấn tượng đẹp đẽ về tính cam chịu, nhẫn nhục, lòng bao dung, vị tha, yêu thương con và đức hi sinh cao cả.

+ Tình huống truyện đã gợi cho em hình dung, liên tưởng và tưởng tượng gì về những vấn đề đang tồn tại trong cuộc sống?

- Nghệ thuật, cái đẹp
- Bạo hành gia đình
- Gánh nặng mưu sinh
- Di họa của chiến tranh
- Đạo đức, lối sống
- Nhận thức và hành xử của con người,...

- *Hoạt động rút ra ý nghĩa tư tưởng của tình huống truyện*

+ Qua tình huống truyện, em hình dung như thế nào về diện mạo tư tưởng và trải nghiệm nhân sinh của nhà văn gửi gắm trong tác phẩm?

- Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều mà chứa đựng nhiều nghịch lý, cần nhìn nhận mọi sự việc, hiện tượng trong hoàn cảnh cụ thể của nó và trong mối quan hệ của nó với nhiều yếu tố khác nữa.

- Muốn giúp đỡ con người không đơn giản là dựa vào thiện chí hay kiến thức sách vở mà phải thấu hiểu sâu sắc cuộc sống của họ và có những biện pháp thiết thực.

- Con người ta luôn phải nhìn lại mình, hoạt động tự ý thức khiến con người ngày càng hoàn thiện hơn.

- Nghệ thuật chân chính không bao giờ rời xa cuộc sống, mà thực sự phải là cuộc sống và luôn luôn vì cuộc sống.

- Chúng tôi xin lưu ý rằng, tùy thuộc vào từng truyện ngắn và kiểu loại tình huống mà GV có cách thức tổ chức dạy học cụ thể để phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho HS một cách phù hợp.

3.2.2. Tổ chức hoạt động lựa chọn, cắt nghĩa những chi tiết nghệ thuật thông qua sự tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của HS

Trong truyện ngắn, không có chi tiết thừa, mà chỉ có những chi tiết “nén”, chi tiết tiêu biểu, chi tiết phát sáng,... ở trong nó đã chứa tải tâm vóc lớn lao của tư tưởng và cảm xúc nhà văn. Các nhà lí luận đã xem chi tiết như những “con mắt” trở những cửa sổ để người ta nhìn vào nhân vật, nếu tách nhân vật ra khỏi chi tiết thì nó trở nên những con người chung chung, trừu tượng và thiếu sức sống. Xuất phát từ một hay một vài chi tiết chúng ta hoàn toàn có thể xem đó như là những cơ sở, những đầu mối để kích thích khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng nhằm gắn kết các mối quan hệ trong tác phẩm; quá trình lí giải về sự đan dệt giữa các chi tiết (điểm sáng thẩm mỹ) chính là sự liên nối hệ thống các giá trị nghĩa để hoàn thiện cho bức tranh nghệ thuật, quá trình này diễn ra qua một số bước sau:

- *Bước 1:* GV yêu cầu học sinh đọc tác phẩm, chọn chi tiết nghệ thuật (chi tiết điển hình) làm cơ sở để huy động trí nhớ, hình dung, liên tưởng, tưởng tượng,... để tái hiện ban đầu về thế giới hình tượng trong tác phẩm, phán đoán tiến trình tổ chức cốt truyện của nhà văn. Đặc biệt, giáo viên cần quan tâm vận dụng các dạng câu hỏi sau:

- + Em hãy tìm những chi tiết tiêu biểu có ý nghĩa làm nổi bật tình huống truyện của tác phẩm?

- + Em hãy tìm những chi tiết tiêu biểu có ý nghĩa làm nổi bật tính cách, phẩm chất và số phận,... của nhân vật?

- + Em hãy tìm những chi tiết tiêu biểu giúp em có thể nắm bắt và hiểu được toàn bộ cốt truyện của tác phẩm? v.v...

- *Bước 2*: Từ chi tiết đã lựa chọn, GV vận dụng câu hỏi liên tưởng để kích thích khả năng liên tưởng của HS, liên kết và xác lập mối quan hệ ý nghĩa trong đặc điểm (ngoại hình, tính cách, phẩm chất, số phận,...) của hình tượng nhân vật. Cụ thể, giáo viên có thể sử dụng một số dạng câu hỏi sau:

+ Chi tiết này giúp em tái hiện được cảnh tượng gì?

+ Chi tiết này giúp em liên tưởng đến chi tiết, sự việc và tình huống nào khác trong tác phẩm?

+ Chi tiết này giúp em phán đoán gì về hành động, ngôn ngữ, tính cách, phẩm chất, số phận,... của nhân vật?

+ Chi tiết này giúp em liên tưởng đến nhân vật nào khác trong và ngoài tác phẩm? v. v...

- *Bước 3*: GV vận dụng câu hỏi tưởng tượng để giúp HS trong mở rộng, bổ sung, sáng tạo thêm đặc điểm (ngoại hình, tính cách, phẩm chất, số phận,...) nổi bật cho hình tượng nhân vật và qua đó có thể cảm thụ tác phẩm được sâu sắc. GV có thể vận dụng các dạng câu hỏi dưới đây:

+ Theo em, chi tiết này giàu tính chân thực hay tưởng tượng?

+ Theo em, chi tiết này có vai trò chi phối đến các chi tiết khác trong truyện như thế nào?

+ Theo em, chi tiết này có giúp em tưởng tượng và nhận ra ý đồ nghệ thuật của tác giả trong tiến trình tổ chức cốt truyện không?

+ Nếu giả sử em là nhà văn em sẽ sửa hoặc viết lại chi tiết này như thế nào? v.v...

- *Lưu ý*: Các hoạt động hỗ trợ như kể chuyện sáng tạo, vẽ tranh, viết thư, nhập vai,... đều có thể vận dụng ở một mức độ nhất định để kích hoạt tốc độ cảm thụ của học sinh. Đồng thời, trong tất cả các bước trên, GV cần vận dụng tối đa loại câu hỏi tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng để phát huy năng lực tiếp nhận cho HS.

Chẳng hạn, trong truyện ngắn *Vợ chồng A phủ* của Tô Hoài, HS có thể lựa chọn chi tiết: “*Có đến mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc*” làm đầu mối cho các hoạt động phân tích hình tượng nhân vật. Với chi tiết này GV có thể giúp HS khám phá về hình tượng nhân vật Mị thông qua việc vận dụng

câu hỏi tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng để liên lạc ý nghĩa với các chi tiết, sự việc, sự kiện, tình huống,... trong tác phẩm để cảm thụ sâu sắc tác phẩm. Cũng từ chi tiết đã chọn, HS có thể vận hành mối quan hệ giữa năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng để tiếp cận tác phẩm, quá trình này được thực hiện qua một số hoạt động sau đây:

- *Hoạt động tái hiện hình tượng:*

+ GV đặt câu hỏi để liên hệ ý nghĩa giữa chi tiết trung tâm với các chi tiết khác trong tác phẩm, hướng đến hình dung và tái hiện hình tượng. Ví dụ: Từ chi tiết trên, em hãy hình dung, kể và mô tả lại hình tượng nhân vật Mị trong hoàn cảnh làm dâu gạt nợ? Điều gì ở nhân vật Mị làm em ấn tượng và xúc động nhất?

+ HS huy động trí nhớ và các hoạt động tâm lí khác để trả lời: *Tái hiện tái thuật* để dựng lại diện mạo nhân vật Mị (trong văn bản), người học có thể vẽ nên một bức tranh về hình tượng một cô Mị đang quần quai trong đau khổ bởi kiếp nô lệ, phác họa nên cảnh bạo tàn diễn ra thường nhật trong gia đình thống lí Pá Tra với một bầu không khí ngột ngạt, tăm tối như địa ngục trần gian; *tái hiện tái tạo* để bổ sung, bồi đắp thêm những diện mạo mới (cả trong và ngoài văn bản) cho nhân vật Mị bằng hình thức tái hiện lựa chọn, tái hiện chủ định, tái hiện phối hợp,... để khắc họa một cô Mị đang dần hồi sinh, gắng sức để thoát khỏi kiếp nô lệ, hướng tới tự do; và cũng có thể trong biên độ sáng tạo không ngừng của học sinh, sẽ xuất hiện một cô Mị đang sống bình yên và hạnh phúc trong vùng đất mới với khuôn mặt rạng rỡ, phơi phơi niềm hi vọng về một tương lai tươi sáng,...

- *Hoạt động liên tưởng:*

+ GV có thể đặt câu hỏi để liên kết chi tiết trong tác phẩm, qua đó mở rộng đặc điểm (ngoại hình, tính cách, số phận,...) của hình tượng. Ví dụ: Tại sao làm dâu nhà giàu nhưng Mị lại khóc? Điều này giúp em liên tưởng đến điều gì có liên quan tới cuộc sống trước đây của Mị khi còn chưa về làm dâu nhà thống lí Pá Tra? Từ sự kiện này em có liên tưởng đến sự kiện nào khác trong truyện không?

+ HS huy động trường liên tưởng: *Liên tưởng tái hiện (kí ức)* để nhớ lại quá khứ hồn nhiên yêu đời, tự do và hạnh phúc của Mị; *liên tưởng nhân quả* để nhận định rằng, làm dâu nhà giàu hẳn là Mị có một cuộc sống sung sướng và hạnh phúc lắm; *liên tưởng tương phản* để trả lời câu hỏi, tại sao làm dâu nhà giàu mà Mị lại khóc nhiều và đau khổ đến vậy, Mị có phải đang sống như một người con dâu đúng nghĩa không, phải có uẩn khúc gì ở đây; *liên tưởng tương đồng và sáng tạo* để suy luận và phán đoán về cuộc sống của Mị những ngày tháng tới, rất có thể đó sẽ là những cuộc nổi loạn trong tinh thần để đến với ánh sáng cách mạng.

- *Hoạt động tưởng tượng*:

+ GV đặt câu hỏi: Từ chi tiết trên, em hình dung và tưởng tượng như thế nào về hành động, tính cách, phẩm chất, tâm lí,... của nhân vật Mị khi phải sống trong hoàn cảnh làm dâu gạt nợ?

+ Hoạt động tưởng tượng của HS có thể diễn ra sau: *Tưởng tượng tái hiện* để nhớ lại và hình dung ra cuộc sống của Mị trong những tháng ngày còn tự do, khi còn chưa về làm dâu nhà giàu, sau đó dòng tưởng tượng của các em đồng hành với cuộc sống của Mị để thực tại phũ phàng của kiếp dâu gạt nợ; *tưởng tượng lô gíc* để nhận ra cảnh sống bị chà đạp từng ngày, từng giờ của Mị trong gia đình thống lí Pá Tra; có thể *tưởng tượng tiêu cực* (tùy vào tâm lí của mỗi học sinh) để suy đoán về sự cam chịu, buông xuôi và không thể vùng thoát khỏi sự kìm kẹp bởi cuộc sống như địa ngục của Mị; *tưởng tượng tích cực* để biết tin vào lòng ham sống và khao khát hạnh phúc của Mị sẽ là động lực để giải phóng khỏi kiếp nô lệ; *tưởng tượng sáng tạo* để nhận ra rằng, ẩn sâu bên trong của việc đêm nào cũng khóc ấy là một cô Mị luôn ý thức sâu sắc về số phận nô lệ, ẩn tàng một sức sống mãnh liệt, một sự phản kháng mạnh mẽ và khát vọng được tự do,...

- *Hoạt động tích hợp để hỗ trợ*: GV yêu cầu học sinh viết một bức thư với tư cách là bạn thân của Mị, vẽ bức tranh, kể lại câu chuyện hoặc dựng đoạn kịch để thể hiện về diện mạo, tâm lí của nhân vật Mị bằng khả năng hình dung và tưởng tượng sáng tạo của bản thân;

- Như vậy, để thực hiện tốt yêu cầu của GV đề ra, HS cần phải huy động khả năng suy luận sắc bén, tái hiện chính xác, liên tưởng và tưởng tượng phong phú để liên kết các yếu tố trong tác phẩm để vẽ nên một bức tranh chân thực về số phận nghiệt ngã và quá trình vùng thoát khỏi kiếp nô lệ của cô gái vùng cao dưới sự thống trị của bọn chúa đất nơi đây.

- Các chi tiết khác cũng có thể triển khai tương tự như trên. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý rằng, GV cần chủ động định hướng cho học sinh biết huy động sự cộng hưởng của các chi tiết khác để không bị đứt gãy các mối quan hệ, hệ thống mạng liên kết giữa các yếu tố nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm, đặc biệt là không bị lệch hướng trong tiếp nhận.

3.2.3. Tổ chức hoạt động phân tích nhân vật với sự tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của HS

- Là chủ thể của hoạt động phân tích, học sinh tự đặt mình trong quan hệ với nhân vật của tác phẩm, lựa chọn cho mình một vị thế phù hợp để khám phá nhân vật: vị thế tác giả; vị thế người chứng kiến sự việc; vị thế người đọc hôm nay; vị thế người đối thoại, giao tiếp với bạn đọc đã để lại những trải nghiệm về nhân vật. Dưới sự định hướng của giáo viên, học sinh cần phải tiến hành một số bước sau đây:

+ Sắp xếp các chi tiết, bổ sung những nét khuất, khoảng trống mà nhà văn chưa nói hết về nhân vật; hình dung, tưởng tượng, tái hiện bức tranh toàn vẹn về vòng đời của nhân vật.

+ Tưởng tượng và tái hiện ra con đường đi của nhân vật theo thời gian, không gian, theo các dòng sự kiện, đặc điểm tính cách, nét phẩm chất riêng và các mối quan hệ của hình tượng nhân vật.

+ Hình dung, tưởng tượng và giả định những tình huống, giải pháp, sự việc, quan hệ,... khác nhau để nhân vật bộc lộ tính cách; đồng thời lí giải tại sao tác giả lại đặt nhân vật vào trong hệ thống tương tác đó.

+ Tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng, đối sánh nhân vật này với nhân vật khác, tới bài học, lời khuyên, thông điệp cuộc sống,... để nhận định và hiểu biết đầy đủ về nhân vật.

- Mỗi hình tượng nhân vật có thể xem như là một phát ngôn cho chủ đề, cho quan niệm nghệ thuật của nhà văn, phân tích nhân vật phải chỉ ra được ý tưởng, quan niệm nhân sinh, những thông điệp nghệ thuật mà tác giả kí gửi vào đó. Hệ thống hình ảnh biểu tượng, chi tiết, tình huống, kết cấu, lời kể,...là da thịt, là dòng máu tư tưởng của nhà văn tan thấm trong hình tượng. Do vậy, người học muốn cảm thụ tác phẩm sâu sắc thì cách tốt nhất là phải huy động trường liên tưởng, sự hình dung tưởng tượng phong phú của mình để trải nghiệm thẩm mỹ và sự thấu cảm tinh tế.

Ví dụ, khi phân tích nhân vật Chiến trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi, để phát huy khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của người học, GV có thể hướng dẫn HS thảo luận về câu nói bất hủ của chị nói với Việt – em trai mình: “*Đã làm thân con gái ra đi thì tao chỉ có một câu: nếu giặc còn thì tao mất, vậy à!*” qua một số hoạt động sau:

- *Hoạt động tái hiện:*

+ GV đặt câu hỏi: Trong liên tưởng và tưởng tượng của em, vẻ đẹp nhân vật Chiến hiện lên như thế nào? Hãy mô tả và tái hiện lại?

+ HS huy động trí nhớ, kinh nghiệm sống để phác họa nhân vật Chiến bằng nhiều hình thức tái hiện khác nhau. Qua sự tái hiện tái thuật, tái hiện chủ định, tái hiện lựa chọn, tái hiện tái tạo,...của người học, nhân vật Chiến hiện lên vô cùng ấn tượng. Đó là một chị Chiến giàu tình yêu thương với các em, một cô gái miền quê sông nước với khuôn mặt hồn hậu và trong sáng, một chiến sĩ kiên trung đang gạt đi những mất mát riêng tư để trả được nợ nước thù nhà, quyết tâm ấy như tô thắm thêm cho trang sử đấu tranh hào hùng của dân tộc. Đặc biệt, người đọc không khỏi xúc động và tự hào về thế hệ trẻ qua lời thề sắt đá của cô nói với em trai mình: “*đã làm thân con gái ra đi tao chỉ có một câu: nếu giặc còn thì tao mất!*”. Từ tuyên ngôn bất hủ này, dường như trong hình dung và tưởng người đọc còn thấy cả bóng dáng của chị Út Tịch, chị Võ Thị Sáu, chị Trần Thị Lý,...cùng với bao thế hệ con người Việt Nam đang chiến đấu để giải phóng đất nước.

- *Hoạt động liên tưởng:*

+ GV đặt câu hỏi: Từ câu nói bắt hủ: “*Đã làm thân con gái ra đi tao chỉ có một câu: nếu giặc còn thì tao mất!*” của Chiến, em có liên tưởng gì về tính cách, phẩm chất và số phận của nhân vật này?

+ HS huy động trường liên tưởng mạnh mẽ để tiếp cận nhân vật Chiến qua nhiều góc nhìn khác nhau, *liên tưởng tái hiện* (kí ức) để nhớ về quá khứ đau thương khi cha bị giặc giết hại và quê hương bị tàn phá luôn ám ảnh trong tâm trí Chiến, nghĩ tới niềm tự hào về truyền thống yêu nước của gia đình được lưu giữ trong cuốn sổ của chú Năm, đó cũng là động lực thôi thúc cô gái trẻ miền sông nước hăng hái đi tòng quân đánh Mỹ. *Liên tưởng tương đồng* để người học nhận ra trong tính cách và phẩm chất của Chiến có sự trao truyền lại từ người mẹ can trường sẵn sàng vượt qua gian khổ, mưa bom bão đạn để chiến đấu, bảo vệ và nuôi dạy các con khôn lớn. *Liên tưởng tương phản* giúp học sinh có thể nhận thấy ở Chiến không chỉ có vẻ đẹp trong sáng, dịu dàng đầy nữ tính mà còn là một cô gái gan góc và dũng cảm khiến kẻ thù vô cùng khiếp sợ. Và người đọc có thể huy động *liên tưởng theo quan hệ không gian và thời gian* để cảm nhận sâu sắc, đầy đủ về nhân vật Chiến, đó là một cô bé sinh ra từ mưa bom bão đạn, lớn lên trong mất mát và đau thương, trưởng thành trước họng súng kẻ thù, và lên đường đi tòng quân với một khát vọng cháy bỏng ngày mai trả được nợ nước thù nhà.

- *Hoạt động tưởng tượng:*

+ GV đặt câu hỏi: Từ câu nói này, nhân vật Chiến hiện lên trong tâm trí và tưởng tượng của em như thế nào?

+ HS huy động trí tưởng tượng phong phú để cảm nhận vẻ đẹp của nhân vật Chiến. *Tưởng tượng tái hiện* để nhận ra ở Chiến được thừa hưởng từ mẹ vẻ đẹp khỏe khoắn của người nông dân Nam Bộ, đó là vẻ đẹp dường như sinh ra là để gánh vác và chống chọi, chiến đấu và chiến thắng. Hơn nữa, cũng như má, ở Chiến còn có cả sự đảm đang, tháo vát, biết lo toan chu đáo

mọi bề cả việc nhà và việc nước. *Tưởng tượng tích cực* để thấu cảm ở Chiến bao vẻ đẹp đáng quý, đó là một chị Chiến yêu thương em hết mực, nhường nhịn các em tất cả mọi điều nhưng lại giành quyết liệt với em trai để được đi tòng quân đánh Mỹ. Và với trí *tưởng tượng sáng tạo*, người học hình dung ở tương lai phía trước một bức tranh hào hùng của cả một thế hệ trẻ Việt Nam đang nguyện được quyết tử cho tổ quốc quyết sinh.

=> Như vậy, bằng khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng phong phú của người học, hình tượng nhân vật Chiến trong truyện hiện lên cũng giống như bao người phụ nữ Việt Nam, rất nữ tính mà không hề yếu mềm khiến kẻ thù phải vô cùng khiếp sợ.

- Tác giả luận án cho rằng, các nhân vật trong truyện ngắn khác đều có thể triển khai và vận dụng một cách linh hoạt tích theo hướng tương tự.

3.2.4. Tổ chức hoạt động phân tích giọng kể thông qua sự tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng của HS

❖ *Nhận thức chung về vai trò của giọng kể trong quá trình tiếp nhận truyện ngắn của học sinh*

Có thể nói, sức hấp dẫn của tác phẩm truyện ngắn bộc lộ rõ nét qua giọng kể; nó được hiểu là thái độ, tình cảm của nhà văn đối với hiện thực được miêu tả và thể hiện qua sắc thái cảm xúc của lời văn được tạo nên từ các phương tiện ngôn ngữ nghệ thuật. Giọng kể có vai trò liên kết các phương diện hình thức khác nhau, là chỗ dựa chính để các yếu tố quy tụ lại, định hình, thống nhất và cùng làm cho nhau mang một âm hưởng hay khuynh hướng chung. Như vậy, để phát huy được năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho học sinh trong dạy học truyện ngắn, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến khám phá vai trò của giọng kể; bởi vì, các yếu tố hạt nhân của tác phẩm khi được sinh thành trong môi trường của giọng kể bao giờ cũng hiện lên cũng rõ nét và chân thực nhất.

❖ *Một số hoạt động hướng dẫn HS phân tích giọng kể*

- *Hoạt động một*: GV hướng dẫn HS đọc tác phẩm và xác định người kể chuyện để nhận diện giọng kể chủ đạo. Người kể có thể là tác giả đứng ra

kể, hoặc xưng tôi để kể; nhận diện sự thay đổi vai kể qua từng phần, từng đoạn của câu chuyện để thấy được sự lưu chuyển của giọng kể,...từ đó hình dung và mô hình hóa các mối quan hệ do các vai kể xác lập.

- *Hoạt động hai*: Phân tích sự chi phối của giọng kể chủ đạo tới xu hướng và động cơ của thủ thể người học khi vận dụng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng. Học sinh biết đặt mình vào những quan hệ giao tiếp phù hợp, làm sống dậy thế giới hình tượng; nhập vai vào giọng điệu kể để hình dung và lắng nghe được sự vận động tâm lí của nhân vật, liên tưởng và tưởng tượng để thấy được tình cảm, thái độ, cử chỉ, ý nghĩ và cả diện mạo tâm lí của nhà văn,...trong mỗi lời kể.

- *Hoạt động ba*: Chọn và đọc thể nghiệm một số đoạn trong truyện, nhập vai kể chuyện sáng tạo, kể lại ý vị của lời kể, tính hấp dẫn và lôi cuốn của lời kể để tái hiện hình tượng chân thực, độc đáo và sáng tạo.

❖ Ví dụ, khi phân tích giọng kể trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình*, GV có thể giúp HS so sánh giọng kể trong hai đoạn văn sau:

• “*Câu hò nổi lên giữa ban ngày, bắt đầu cất lên như một hiệu lệnh dưới ánh nắng chói chang, rồi kéo dài, từng tiếng một vỡ ra, nhẩn nhủ, thiết tha, cuối cùng ngừng lại như một lời thề dữ dội*”.

• “*Hai chị em khiêng má băng tắt qua dãy đất cày trước cửa, men qua sân vườn thoảng mùi hoa cam, con đường hồi trước má vẫn đi để lội hết đồng này sang bưng khác*”.

- Hoạt động tái hiện:

+ GV đặt câu hỏi: Từ giọng kể trên, em hãy tái hiện và mô tả lại những ấn tượng của mình về con người Nam Bộ?

+ HS trả lời: Nối kết các hồi ức của nhân vật để tái hiện về quá khứ, về người thân; người đọc có thể tưởng tượng hồi cố câu chuyện để hiểu về truyền thống đánh giặc của một gia đình tiêu biểu cho con người Nam Bộ trong những năm chống Mỹ cứu nước. Song hành với các sự kiện được hồi tưởng và tái hiện lại những suy nghĩ, cảm xúc thuộc thế giới nội cảm của con người được tái hiện tinh tế qua dòng ý thức và nội tâm nhân vật. Đồng thời,

qua dòng ý thức nhân vật, đối tượng miêu tả dần được mở rộng, Má, chú Năm, đồng đội,... dần hiện ra; các nhân vật này không được tác giả khắc họa một cách trực tiếp mà tính cách của họ hiện lên khách quan, sinh động là vì được soi trong cái nhìn, cách cảm nhận và đánh giá của nhân vật.

- Hoạt động liên tưởng:

+ GV đặt câu hỏi: Giọng điệu trong câu văn trên của ai và hướng tới những đối tượng nào? Từ giọng điệu đó, em liên tưởng như thế nào về cảnh vật và con người Nam Bộ? Nhận xét về nhịp điệu của giọng kể đó?

+ Học sinh huy động trường liên tưởng để trả lời: Cả hai câu hò đều được kể lại bởi người kể chuyện ngôi thứ ba, giọng câu văn trên kể về câu hò của chú Năm cất lên lúc hai chị em Việt, Chiến chuẩn bị lên đường; âm hưởng câu văn đã đánh thức dòng liên tưởng của người đọc hướng về vẻ đẹp thơ mộng của bức tranh miền sông nước Nam Bộ; câu dưới kể về hai chị em khiêng bàn thờ má đi gửi, âm điệu câu văn này đã đưa dặt trường liên tưởng của người đọc đến với một miền quê đầy hoa thơm trái ngọt. Giọng kể của hai câu văn này thật đặc biệt. Ở câu văn trên, nhịp điệu ngắn và chắc khỏe, bởi nó không đơn thuần là câu hò mà còn là hiệu lệnh, lời nhắn nhủ, là lời thề của hồn thiêng sông núi mà thế hệ ông cha đã truyền gửi lại cho con cháu. Trái lại, câu dưới nhịp điệu thưa và mềm mại hơn như dìu đưa liên tưởng của người đọc đến với miền không gian của kí ức thiêng liêng; đó là lời tiễn đưa của người má dẫn các con theo con đường cách mạng.

- Hoạt động tưởng tượng:

+ GV đặt câu hỏi: Từ giọng điệu đó, cảnh vật và con người hiện lên trong tâm trí em như thế nào? Em có hình dung gì về tình cảm của nhà văn đối với thiên nhiên và con người Nam Bộ?

+ HS huy động tưởng tượng để trả lời: Giọng điệu ở câu văn thứ nhất như dẫn đưa dòng tưởng tượng của người đọc đến với một không gian lịch sử mang đậm chất sử thi, đó bầu không khí sục sôi của bao thế hệ con người hăng hái lên đường tòng quân đánh giặc. Khác với câu văn trên, âm hưởng câu văn dưới lại mở ra trong tưởng tượng nơi bạn đọc một không gian trong tâm cảm của Chiến và Việt, hai chị em hăm hở khiêng bàn thờ má sang gửi chú

Nằm trên con đường đầy hoa thơm quả ngọt, gác lại nỗi đau và mất mát riêng tư để lên đường đánh Mĩ. Niềm tin yêu, hạnh phúc và cả sự tự hào của tác giả đối với thế hệ trẻ Nam Bộ đã quyện hòa lấy nhau để tạo nên một bản tình ca hùng tráng. Nếu không chú ý đến sức mạnh của giọng kể làm sao bạn đọc học sinh có thể nhập cảm để tưởng tượng ra điều đó.

Như vậy, qua hành động, suy nghĩ chân thành, trong sáng của Chiến, qua truyền thống yêu nước của một gia đình nông dân Nam Bộ, nhà văn Nguyễn Thi đã tái hiện lên một bầu không khí sục sôi của đất nước và khắc họa tài tình hình ảnh con người Việt Nam, lí giải sức mạnh vô địch của chúng ta trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

- Các truyện ngắn khác, giáo viên hoàn toàn có thể triển khai phân tích giọng kể theo hướng tương tự.

3.2.5. Tổ chức hoạt động nhập vai kể chuyện sáng tạo với tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của HS

➤ *Nhận thức chung về nhập vai kể chuyện sáng tạo trong tiếp nhận truyện ngắn*

- Nhập vai hay còn gọi là đóng vai trong tiếp nhận truyện ngắn là phương pháp tổ chức cho học sinh thực hành nhập cảm để làm thử một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là biện pháp nhằm giúp học sinh phát huy được khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng để suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề trong đời sống bằng cách tập trung vào một sự kiện cụ thể mà các em quan sát được, tìm hiểu được trong câu chuyện.

- Giáo viên đặt ra một biến cố, sự kiện, tình huống thật ở cuộc đời của các nhân vật trong truyện hoặc tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng ngoài cuộc sống để HS nhập vai sáng tạo. Học sinh được khuyến khích nghiên cứu những tình huống đó với các nhân vật khác nhau rồi ứng biến các phản ứng của nhân vật cho các bạn cùng lớp theo dõi.

- Biện pháp nhập vai trong dạy học truyện ngắn có nhiều ưu điểm như: HS được rèn luyện thực hành những kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường nghệ thuật, cảm thấy hứng thú vì được tạo điều kiện để phát triển khả năng liên tưởng và tưởng tượng sáng tạo của mình khi được tái hiện con

người và đời sống xung quanh. Đặc biệt, các em được kích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi theo hướng tích cực, được trải nghiệm nhiều cuộc đời, số phận khác nhau trong câu chuyện, từ đó có nhận thức sâu sắc hơn về cuộc sống xung quanh và của chính bản thân.

➤ *Các bước tiến hành:*

- *Bước 1:* GV nêu chủ đề, giao tình huống và yêu cầu đóng vai cho từng nhóm, đồng thời quy định rõ thời gian chuẩn bị và thể hiện vai diễn của mỗi nhóm.

- *Bước 2:* GV giúp HS nhận thức sâu sắc về sự chi phối của thao tác tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong việc thể hiện từng đặc điểm của nhân vật để từ đó thể hiện thành công vai diễn. Cụ thể là:

+ *Hoạt động tái hiện:* Từ việc đọc tác phẩm, HS nhớ lại (tái hiện) toàn bộ sự kiện, tình huống,...có liên quan trực tiếp đến ngoại hình, tâm lí, tính cách, phẩm chất và số phận nhân vật để từ đó lựa chọn cách thức thể hiện vai diễn phù hợp và đạt hiệu quả nhất.

+ *Hoạt động liên tưởng:* Từ những sự việc, sự kiện, tình huống diễn hình, phẩm chất, tính cách, số phận,...có liên quan đến nhân vật trong truyện, HS liên tưởng đến các nhân vật nhân vật khác trong tác phẩm, ngoài tác phẩm và thậm chí ngoài hiện thực cuộc sống để so sánh soi chiếu nhân vật một cách đa diện, từ đó có thể lựa chọn cách thể hiện vai diễn một cách hợp lí và độc đáo nhất.

+ *Hoạt động tưởng tượng:* Học sinh tưởng tượng tái hiện để hình dung lại hệ thống đặc điểm về ngôn ngữ, hành động, tính cách, phẩm chất, số phận,...của nhân vật trong truyện. Đồng thời tưởng tượng sáng tạo nhằm bổ sung và mở rộng thêm những yếu tố mới mẻ về đặc điểm của hình tượng nhân vật để thể hiện vai diễn một cách độc đáo.

- *Bước 3:* GV hướng dẫn cả lớp thảo luận, nhận xét về việc sử dụng khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng để nhập cảm về cách ứng xử của các nhân vật trong việc thể hiện tình huống từ của vở diễn. Sau khi HS được thể nghiệm, được nhận xét, góp ý về hoạt động nhập vai với khả năng

xử lí tình huống, ngôn ngữ, biểu cảm,...các em thực sự đã có một quá trình huy động các năng lực tâm lí như: quan sát, trí nhớ, kí ức, nhập thân, liên tưởng, tưởng tượng, tái hiện để giải mã con người và cuộc sống một cách thú vị và sáng tạo; đồng thời, qua đó mà các em biết điều chỉnh hành vi, cảm xúc và nhận thức của bản thân

- *Lưu ý*: Hoạt động nhập vai kể chuyện sáng tạo không chỉ tổ chức ở các hình thức ngoại khóa văn học hay trải nghiệm sáng tạo,...mà có thể vận dụng ngay ở một giai đoạn nào đó trong tiết học ở trên lớp với một lượng thời gian nhất định. Ví dụ, GV có thể yêu cầu HS nhập vai để thể hiện một nét đặc điểm nào đó của nhân vật trong tác phẩm.

- Chẳng hạn, khi dạy học truyện ngắn GV có thể hướng dẫn HS nhập vai nhân vật qua các cảnh tượng sau: cảnh tượng bà cụ Tứ trong bữa cơm ngày đói; cảnh tượng cô Mị trong đêm tình mùa xuân; cảnh tượng thống lí Pá Tra để xử kiện và bắt vợ A Phủ; cảnh tượng của người đàn bà hàng chài ở tòa án huyện hoặc cảnh bạo hành gia đình,...Như vậy, để có thể hoàn thành xuất sắc vai diễn của mình, học sinh buộc phải đọc kĩ lời thoại trong văn bản để tái hiện lại toàn bộ đặc điểm của nhân vật, huy động liên tưởng và tưởng tượng để bổ sung vào diện mạo cũng như trạng thái nhân vật,...từ đó có thể nhập cảm sâu sắc về hình tượng trong tác phẩm. Chúng tôi cho rằng, hoạt động nhập vai kể chuyện sáng tạo trong dạy học truyện ngắn là một trong những biện pháp có nhiều ưu thế trong việc phát huy năng lực tâm lí của học sinh, đặc biệt là năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng. Đồng thời cũng là một tham số để đánh giá quá trình “đồng sáng tạo” và ở mức độ nhất định có thể lường đoán được “khoảng cách thẩm mỹ” giữa nhà văn - tác phẩm - bạn đọc học sinh.

- Các truyện ngắn khác có thể vận dụng ở mức độ linh hoạt và phù hợp theo hướng tương tự.

3.2.6. Vận dụng kĩ thuật công não để huy động năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh trong dạy học truyện ngắn

➤ Khái niệm kỹ thuật động não

Động não (Brainstorming), còn gọi là công não hay tấn công não hoặc tập kích não; đây là một kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc

đáo về một chủ đề của các thành viên trong quá trình thảo luận xung quanh một vấn đề để tạo nên “con lóc” các ý tưởng và rút ra những giải pháp được cho là khả thi nhất.

➤ *Quy tắc của động não trong dạy học truyện ngắn*

- Trong việc tiếp cận các vấn đề khác nhau của tác phẩm truyện ngắn, giáo viên không nên đánh giá và có thái độ phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của học sinh;

- Trong quá trình tiếp nhận các nội dung truyện ngắn, giáo viên không nên hạn chế mà cần khuyến khích số lượng các ý tưởng của người học thông qua sự liên tưởng và tưởng tượng sáng tạo;

- Đặc biệt, GV phải tạo điều kiện và cho phép sự hình dung, liên tưởng, tưởng tượng phong phú của học sinh được bay bổng;

➤ *Các bước tiến hành quy tắc của động não trong dạy học truyện ngắn*

- *Bước 1:* Giáo viên dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề được gọi ra trong tác phẩm truyện;

- *Bước 2:* Các thành viên đưa ra ý kiến của mình, đặc biệt, trong khi thu thập ý kiến, GV không được nhận xét hoặc đánh giá vì mục đích cuối cùng là huy động nhiều ý kiến nói nhau;

- *Bước 3:* Sau khi kết thúc việc đưa ra ý kiến, GV tiến hành đánh giá bằng việc lựa chọn sơ bộ các ý tưởng đã lựa chọn và đưa ra khuyến nghị.

➤ *Vai trò của kỹ thuật công não trong dạy học truyện ngắn*

- Các ý tưởng trong quá trình tiếp nhận truyện ngắn không phải tự nhiên mà có, nó phải được đánh thức đúng cách, nếu giáo viên biết sử dụng kỹ thuật động não đúng lúc, đúng chỗ thì sẽ giúp học sinh đánh thức trí tưởng tượng sáng tạo đang ẩn sâu trong tiềm thức của họ.

- Kích thích học sinh nghĩ ra được càng nhiều ý tưởng được gọi ra từ tác phẩm truyện ngắn, biết đâu có những ý tưởng mà giáo viên và bạn học cho là ngớ ngẩn lại giúp họ có được một ý tưởng cực kỳ độc đáo mà có thể chưa ai nghĩ tới.

- Trong dạy học truyện ngắn, kỹ thuật “công não” được xem là một trong những biện pháp hữu hiệu có thể phát huy trường liên tưởng và tưởng tượng của người học để nhận thức các vấn đề bằng cả ngôn từ lẫn hình ảnh trong việc diễn đạt các ý tưởng theo hướng sáng tạo của bản thân. Từ các yếu tố cơ bản trong truyện ngắn như: biểu tượng, chi tiết, sự kiện, biến cố, tình huống, kết cấu, nhan đề, cốt truyện, ngôi kể, giọng kể, điểm nhìn,... học sinh hoàn toàn có thể vận dụng năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng để đưa ra những ý tưởng tiếp cận tác phẩm độc đáo.

- Chẳng hạn, thông qua các hình thức dạy học cụ thể, GV đưa ra một số vấn đề trong tác phẩm truyện ngắn để học sinh huy động năng lực tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng để thảo luận một cách dân chủ, đưa ra các quan điểm đánh giá của riêng mình. Ví dụ như GV có thể chia nhóm để thảo luận và phản biện các vấn đề sau đây:

+ Theo em có nên đặt truyện ngắn Vợ nhặt bằng một nhan đề khác không? Tại sao?

+ Truyện ngắn Vợ nhặt có nên kết thúc như vậy được không? Ý kiến của em thế nào?

+ Theo em tại sao anh cu Tràng lại quyết định nhặt vợ? Em lí giải thế nào về điều này?

+ Nếu trong hoàn cảnh của người đàn bà hàng chài em có đồng ý li hôn không? Vì sao?

+ Nếu là nhà văn Nguyễn Thi khi viết truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình*, em sẽ sử dụng loại ngôi kể nào là chủ yếu? Giải thích tại sao?

=> Như vậy, kỹ thuật công não cho phép người học liên tưởng và tưởng tượng sáng tạo để tái hiện ra hình tượng độc đáo và khác lạ so với hình tượng nguyên mẫu mà nhà văn phản ánh trong tác phẩm. Do vậy, sau khi các thành viên trong nhóm trình bày ý tưởng riêng của mình, GV phân tích các ý kiến chung được nhiều nhóm lựa chọn để trình bày, đồng thời cần khuyến khích các ý tưởng độc đáo, sáng tạo và có tính bút phá.

- Kỹ thuật công não có thể xem là một trong các giải pháp tích cực để phát huy năng lực tiếp nhận của HS trong dạy học truyện ngắn, đặc biệt là năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng.

Tiểu kết chương 3

Từ những yêu cầu có tính nguyên tắc về đặc điểm, đặc trưng tâm lí lứa tuổi của học sinh THPT trong tiếp nhận nghệ thuật, từ dấu hiệu của thi pháp truyện ngắn, từ mục tiêu dạy học hiện đại là phát huy năng lực cho HS, người viết đã hướng đến phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong dạy học truyện ngắn bằng các hình thức tổ chức như: tiếp nhận văn bản nghệ thuật với sự nhập cuộc, nhập vai sáng tạo để giải mã thông tin khi phân tích và cắt nghĩa các yếu tố hạt nhân trong cấu trúc của tác phẩm. Trên cơ sở đó, tạo tình huống có vấn đề để đánh thức khả năng sáng tạo của HS bằng cách sử dụng các yếu tố ngoài văn bản,... để khơi dậy hứng thú và phản ứng đa chiều trong tâm lí tiếp nhận.

Tác giả luận án nhận định, việc định hướng và tổ chức các hoạt động để phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho học sinh trong dạy học truyện ngắn là đúng hướng. Đồng thời, tạo ra hoạt động liên môn, liên ngành, huy động tổng hợp các biện pháp để đưa thầy và trò trở lại đúng với vị thế của mình trong quá trình dạy và học, nhất là đối với mảng ngôn từ đặc biệt như truyện ngắn – một thể loại văn học có cấu trúc năng động và nội hàm không dễ dàng để nắm bắt.

Những biện pháp mà chúng tôi sử dụng đều cho thấy triển vọng của nó trong việc phát huy năng lực tiếp nhận cho người học. Đặc biệt là hoạt động nhập vai sáng tạo, hoạt động liên môn, cùng với việc kết hợp các kĩ thuật dạy học tích cực,... đã tạo cho người học một môi trường tâm lí thuận lợi để tư duy đa diện trong việc kiến tạo hình tượng, liên tưởng đa chiều và trí tưởng tượng được bay xa.

CHƯƠNG IV

THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. Mục đích thực nghiệm

4.1.1. Thực nghiệm là hình thức kiểm chứng lại những giả thiết, những tư tưởng khoa học đã đề ra. Thực nghiệm của luận án nhằm tìm kết quả đối chứng, khẳng định tính khả thi của định hướng phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong truyện ngắn. Từ đó góp phần đổi mới phương pháp dạy học văn, đồng thời hướng đến phát triển các năng lực tiềm ẩn cho học sinh.

4.1.2. Xây dựng và hiện thực hóa một số kế hoạch bài dạy học truyện ngắn ở THPT theo phương pháp dạy học tích cực. Đồng thời, cụ thể hóa quan điểm đổi mới trong kiểm tra đánh giá, trong đó công cụ, phương tiện chủ yếu là trắc nghiệm khách quan và tự luận. Từ đó, có thể đánh giá đúng chất lượng dạy học, đánh giá thực chất trình độ năng lực của học sinh, qua đó thu thập thông tin phản hồi nhằm điều chỉnh quá trình dạy học.

4.2. Nguyên tắc thực nghiệm

4.2.1. Thực nghiệm phản ánh nội dung cơ bản của giả thuyết khoa học, bám sát mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Nội dung và hình thức phải đảm bảo tính chính xác, khoa học và đúng đối tượng. Đồng thời, địa bàn được lựa chọn thực nghiệm phải vừa toàn diện và vừa điển hình cho các vùng miền cũng như các loại hình giáo dục và đào tạo.

4.2.2. Xây dựng được chuẩn thực nghiệm, tiêu chí đánh giá kết quả thực nghiệm khách quan và chính xác. Có như vậy thì thực nghiệm sư phạm mới không tùy tiện hay cảm tính mà có ý nghĩa và đáng tin cậy.

4.2.3. Quá trình tiến hành thực nghiệm sư phạm phải đảm bảo tính khoa học, khách quan về khối lượng kiến thức trong sách giáo khoa và đúng với phân phối chương giảng dạy của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, trong suốt tiến trình thực nghiệm không làm ảnh hưởng đến thời khóa biểu cũng như hoạt động dạy học của các lớp được chọn làm đối tượng thực nghiệm.

4.3. Đối tượng và địa bàn thực nghiệm

Để đánh giá được khách quan và chính xác trên diện rộng với nhiều đối tượng học sinh khác nhau, chúng tôi tiến hành thực nghiệm làm ba đợt vào

đầu kì 2 các năm học 2014- 2015, 2015 – 2016 và 2016 – 2017 trên 5 tỉnh miền Bắc và miền Trung.

Tại khu vực Tây Bắc tác giả luận án chọn THPT Tuần Giáo, THPT Mùn Chung của tỉnh Điện Biên.

Ở khu vực Đông Bắc chúng tôi chọn Trường THPT Tiên Lữ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; THPT Quang Trung, THPT Lê Quý Đôn huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; THPT Tân Yên số 2, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Tại Miền Trung chúng tôi chọn Trường THPT Xuân Lai, huyện Thọ Xuân và THPT Bá Thước 3, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Ở các địa bàn thực nghiệm, chúng tôi nhận thấy, về cơ bản nhận thức của học sinh là tương đối đồng đều; tuy nhiên vẫn còn có sự phân hóa về năng lực trong tiếp nhận tác phẩm văn chương nói chung và truyện ngắn nói riêng theo vùng miền và khu vực.

4.4. Bài dạy và giáo viên thực nghiệm

4.4.1. Bài dạy thực nghiệm

Truyện ngắn trong chương trình Ngữ văn lớp 12 bao gồm: *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi), *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu), *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải), *Bắt sấu rừng U Minh Hạ* (Sơn Nam), *Thuốc* (Lỗ Tấn), *Số phận con người* (Sô Lô Khốp), *Ông già và biển cả* (Hê – minh – uê). Theo phân phối nội dung và chương trình của Bộ GD & ĐT, các truyện ngắn này được triển khai dạy liên tiếp trong các tuần đầu của học kì II. Vì muốn có thời gian gián cách để tiến hành thực nghiệm ở nhiều trường THPT, chúng tôi chọn dạy thực nghiệm 2 tác phẩm truyện *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), *Vợ nhặt* (Kim Lân) với sự chủ động điều chỉnh phân phối chương trình để đảm bảo tiến trình thực nghiệm.

4.4.2. Giáo viên dạy thực nghiệm

- Tiêu chuẩn: các thầy, cô giáo yêu nghề, có niềm say mê công việc, đang trực tiếp đứng lớp và giảng dạy môn Ngữ văn tại các trường THPT chúng tôi tiến hành thực nghiệm.

- Các giáo viên tham gia dạy thực nghiệm và đối chứng:

+ THPT Mùn Chung (Điện Biên): Vũ Thị Thanh Mai, Nguyễn Thị Dương, Phan Bá Hải, Lò Thúy Lan.

+ THPT Thị Trấn Tuần Giáo (Điện Biên): Nguyễn Thùy Dung, Lương Hồng Thanh, Phạm Thị Huệ.

+ THPT Tân Yên Số 2 (Bắc Giang): Nguyễn Văn Khoa, Nguyễn Thị Hạnh, Vũ Minh Giang.

+ THPT Tiên Lữ (Hưng Yên): Trần Thị Vân Anh, Bùi Thị Thu Hà, Vũ Thị Uyển.

+ THPT Quang Trung (Hải Dương): Vũ Thị Hưng, Phạm Thị Bích Phượng, Đặng Nguyệt Bình.

+ THPT Lê Quý Đôn (Hải Dương): Trần Thị Chi, Phạm Thị Chít, Cao Thanh Tuyên.

+ THPT Lê Hoàn (Thanh Hóa): Vũ Mạnh Tiến, Nguyễn Đình Na, Đỗ Thị Thuần.

+ THPT Bá Thước 3 (Thanh Hóa): Lê Văn Đông, Hoàng Văn Việt, Hà Thị Liên.

- Tác giả luận án trực tiếp giảng dạy thực nghiệm tại:

+ THPT Tân Yên Số 2, Bắc Giang; THPT Tiên Lữ, Hưng Yên; THPT Quang Trung, THPT Lê Quý Đôn của tỉnh Hải Dương vào đầu kì II năm học 2014 – 2015.

+ THPT Tuần Giáo; THPT Mùn Chung của tỉnh Điện Biên vào đầu kì II năm học 2015 - 2016.

+ THPT Lê Hoàn và THPT Bá Thước 3 của tỉnh Thanh Hóa vào đầu kì II của năm học 2016 – 2017.

4.5. Quy trình thực nghiệm

Quy trình thực nghiệm được tiến hành theo các bước sau đây:

Bước 1: Xây dựng thực nghiệm: Gặp gỡ giáo viên, trao đổi để đi đến sự đồng thuận về mục đích, nội dung, kế hoạch và phương pháp thực nghiệm.

Bước 2: Tổ chức dạy thực nghiệm: Giáo viên trong tổ bộ môn tiến hành sử dụng giáo án hiện đang dạy học và giáo án của nghiên cứu sinh thiết kế để tổ chức bài dạy; đồng thời tác giả luận án tiến hành dự giờ thăm lớp và

trực tiếp dạy thực nghiệm để có cơ sở đối chiếu kết quả ở các nhóm đối chứng và thực nghiệm một cách sát thực.

Bước 3: Thu thập xử lý số liệu và đánh giá kết quả thực nghiệm: Chúng tôi tiến hành kiểm tra chất lượng học tập của học sinh sau giờ dạy học thực nghiệm bằng các bài kiểm tra tự luận. Những kết luận sơ phạm cần thiết được rút ra sau khi xử lý các số liệu thu thập bằng phương pháp thống kê toán học trong khoa học.

4.6. Chuẩn đánh giá kết quả thực nghiệm

Mục đích, kết quả của thực nghiệm dạy học được đánh giá thông qua việc hình thành và phát triển cho học sinh. Trong quá trình dạy học thực nghiệm, GV tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh các lớp thực nghiệm và khuyến khích các em tham gia theo sự định hướng của thiết kế giáo án TN. Kết thúc đợt thực nghiệm, HS các lớp TN và ĐC cùng làm một số phiếu khảo sát, phiếu học tập, các bài kiểm tra tổng hợp.

4.6.1. Đánh giá nhận thức

Kết quả nhận thức được đánh giá trên hai tiêu chí lớn là: Đánh giá về mặt định tính và đánh giá về mặt định lượng.

a) Về mặt định lượng: Những khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh thông qua tác phẩm truyện ngắn, trước hết đo lường qua hoạt động kiểm tra và cụ thể hóa, gợi ý chi tiết với các thông số mang tính *định lượng*. Các yêu cầu, câu hỏi, mẫu phiếu, bài tập,...được thiết kế theo hướng cố gắng lượng hóa khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh. Công việc này được bắt đầu từ huy động hóa tri thức nền ra sao, là sự chuẩn bị những gì cho hoạt động tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng trên lớp để các em nhận ra đây là một quá trình vận hành tâm lí mang tính khép kín để cảm thụ tác phẩm truyện ngắn hiệu quả. Hoạt động hóa đó chỉ có kết quả tốt, có ý nghĩa khi gắn với quá trình tâm lí sáng tạo của HS và trực tiếp trên lớp học được bắt đầu từ tri giác ngôn ngữ nghệ thuật, tái hiện hình tượng, liên tưởng, tưởng tượng sáng tạo, tự nhận thức, tự bộc lộ, tự phản hồi, tự chiêm ngấm, tự nâng tầm chính bạn đọc HS,...để nhận ra sự khác biệt của trước, trong và sau khi thâm nhập tác phẩm truyện ngắn.

b) Về mặt định tính: Dạy học truyện ngắn vừa là khoa học vừa là nghệ thuật, vì vậy việc *định lượng* chỉ là một giá trị mang tính tương đối. Đặc biệt, giờ

dạy học truyện ngắn phải đặt vào sự vận động và phát triển bên trong người học, ở các năng lực văn chương được hình thành, ở đời sống tình cảm và tâm hồn, ở thái độ với những rung động thẩm mỹ, những kinh nghiệm được hình thành sau những trải nghiệm của bản thân HS. Do vậy, chúng tôi đề xuất trong quá trình đánh giá cần bổ sung thêm các tiêu chí có tính chất *định tính* để đảm bảo đặc thù của dạy học truyện ngắn. Ví dụ như: HS có hứng thú với việc học tác phẩm truyện ngắn không? Bầu không khí lớp học diễn ra như thế nào? Có dân chủ để thể hiện quan điểm cá nhân về vấn đề tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng trong việc sáng tạo hình tượng không? Đặc biệt là tâm lí, tâm tư, trăn trở của HS khi kết thúc giờ học đã đặt ra trong mỗi tác phẩm truyện ngắn. Những yếu tố này cần được thu thập bằng phương pháp điều tra, quan sát, chia sẻ thân tình và cởi mở với người học, tham vấn ý kiến từ các chuyên gia, ý kiến của GV trực tiếp dạy học thực nghiệm.

Bằng việc tiếp cận kết quả kết quả học sinh chuẩn bị bài học và cách thức các em thể hiện qua bài học trên lớp, chúng tôi cũng có những cảm nhận ban đầu về kiến thức nền tối thiểu về tái hiện, liên tưởng, tưởng tượng,...và khả năng vận dụng vào trong giờ học truyện ngắn. Những kết quả nghiệm thu được từ giờ dạy học thứ nhất vận dụng lí thuyết về tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng sẽ được vận dụng trong những giờ học tiếp theo, năm học tiếp theo.

TN được tiến hành ở các trường THPT. Qua mỗi trường, chúng tôi đều tổng hợp, đối chiếu và xử lí kết quả TN và ĐC, đưa ra những nhận định bước đầu, rút kinh nghiệm và điều chỉnh cách thức tiến hành dạy học, đề xuất những đổi mới hình thức dạy học phù hợp với thực tế. Sau khi hoàn thành các giờ học, tổ chuyên môn sắp xếp cho hai nhóm TN và ĐC cùng thực hiện trên bài kiểm tra. Đề bài do chúng tôi xây dựng gồm nhiều yêu cầu, câu hỏi, bài tập nhỏ theo các mức độ khác nhau; HS thực hiện yêu cầu và kết quả đánh giá dựa trên thang điểm 10.

4.1.2. Đánh giá kết quả tổ chức hoạt động

Những tiêu chí được sử dụng để đánh giá kết quả tổ chức hoạt động của học sinh là:

- Chất lượng của phần chuẩn bị bài ở nhà của HS (trả lời câu hỏi SGK, phân hướng dẫn học bài,...).

- Không khí giờ dạy học thực nghiệm (thể hiện ở sự sôi nổi, chủ động và sáng tạo của học sinh).
- Khả năng tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh thể hiện trong cả quá trình và qua từng hoạt động cụ thể.
- Mức độ vận dụng (từ đơn giản đến phức tạp, từ thấp đến cao) các thao tác tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh.
- Chất lượng được định lượng bằng điểm số của bài kiểm tra ở các đợt thực nghiệm. Đây là một trong những kênh đánh giá quan trọng kết quả TN sau cùng.

4.7. Phương pháp xử lý kết quả thực nghiệm

Việc phân tích kết quả thực nghiệm được tác giả luận án tiến hành theo “*Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục*”. Các bước xử lý cụ thể như sau:

Với số liệu thu được từ các bài kiểm tra (đánh giá theo thang điểm 10), chúng tôi phân tích và tổng hợp lại bằng các bảng thống kê phân loại và bảng phân phối thực nghiệm cho cả hai nhóm thực nghiệm và đối chứng. Để có một bức tranh tổng quan về tình hình phân phối của các số liệu và có thêm cơ sở để đánh giá hiệu quả thực nghiệm, tác giả luận án đồ thị hóa các số liệu thu được bằng *đường phân phối tần suất* và *đường lũy tích*. Theo thống kê, nếu *đường lũy tích* biểu diễn kết quả TN nằm ở phía bên phải hoặc phía dưới của *đường lũy tích* ứng với kết quả của nhóm ĐC thì chất lượng của nhóm TN hơn nhóm ĐC. Tuy nhiên, để có thể phân tích các số liệu được chính xác hơn những kết quả thu được, từ đó khẳng định được tính đúng đắn và khả thi của TN, chúng tôi đã xử lý, định tính chúng về một *tham số đặc trưng*.

Trung bình cộng (kí hiệu là \bar{X}) là một tham số đặc trưng cho sự tập chung của số liệu. Công thức tính *trung bình cộng*:

$$\bar{X} = \frac{\sum n_i \cdot x_i}{n} \quad (1)$$
 trong đó n_i là tần số tương ứng của giá trị x_i , n là số học sinh được kiểm tra.

Phương sai (kí hiệu là S^2) và *độ lệch chuẩn* (kí hiệu là S) là tham số đo độ phân tán của các số liệu quay quanh giá trị trung bình cộng. *Phương sai* được tính bằng công thức:

$$S^2 = \frac{\sum n_i \cdot (x_i - \bar{X})^2}{n-1} \quad (2)$$

Độ lệch chuẩn (kí hiệu là S là các tham số đo mức độ phân tán của các số liệu quanh giá trị trung bình cộng:

$$S = \sqrt{\frac{\sum n_i \cdot (x_i - \bar{X})^2}{n-1}} \quad (3)$$

Để nhận thấy rõ hơn mức độ phân tán, sự biến động của số liệu, chúng ta tiến hành việc so sánh mức độ phân tán của nhóm TN và nhóm ĐC bằng cách tính hệ số biến thiên V (tức là tỉ số giữa S và \bar{X} của từng nhóm tương ứng) trong bảng theo công thức sau:

$$V = \frac{S}{\bar{X}} 100 \quad (4)$$

Các phép tính toán thống kê sẽ cho kết quả của nhóm TN và ĐC. Tuy nhiên, tác giả luận án quan sát và nhận thấy có một vấn đề đặt ra là: các kết quả khác nhau là do tác động của *phương pháp mới hay là sự ngẫu nhiên*? Để lí giải điều này và đồng thời xác định độ tin cậy của các kết luận thu được, chúng ta cần xem xét hai khả năng sau đây:

Thứ nhất, sự khác nhau giữa \bar{X}_{TN} và $\bar{X}_{ĐC}$ là đáng kể và có ý nghĩa với xác suất hay mức sai α . Kết luận này có nghĩa là: nếu đem áp dụng rộng rãi thì phương pháp dạy học mới cho thấy có hiệu quả hơn phương pháp dạy học cũ trừ trung bình 100α trường hợp trên 100 (ví dụ với $\alpha = 0,05$ thì tức là 5 trường hợp trên 100).

Thứ hai, sự khác nhau giữa \bar{X}_{TN} và $\bar{X}_{ĐC}$ là không đáng kể và không có ý nghĩa với mức α . Điều này có nghĩa là những số liệu thu thập được chưa đủ để kết luận phương pháp mới có ưu thế hơn phương pháp cũ.

Muốn biết kết quả thu thập được thuộc nhóm nào, chúng tôi tiến hành các bước tính toán tiếp theo:

- Bước 1: Tính hệ số T theo công thức:

$$T = \bar{X}_{ĐC} - \bar{X}_{TN} \sqrt{\frac{n}{S_{TN}^2 + S_{ĐC}^2}} \quad k = 2 \times n - 2 \quad (5), \text{ trong đó } n \text{ là số học sinh tham gia}$$

TN và ĐC, \bar{X}_{TN}^2 là kết quả thu được theo phương pháp mới, $\overline{S_{ĐC}^2}$ là phương sai kết quả thu được theo phương pháp cũ.

- Bước 2: Chọn trước xác suất α , tra bảng bảng phân phối Student để tìm $T_{\alpha, k}$ tương ứng với cột α và dòng k ($k = 2n - 2$).

- Bước 3: So sánh kết quả tính toán được ở bước 1 với $T_{\alpha,k}$ tìm trong bảng phân phối Student ở bước 2.

+ Nếu $T \geq T_{\alpha,k}$ thì sự khác nhau giữa $\bar{X}_{DC} - \bar{X}_{TN}$ là có ý nghĩa khoa học và đáng tin cậy.

+ Nếu $T < T_{\alpha,k}$ thì sự khác nhau giữa $\bar{X}_{DC} - \bar{X}_{TN}$ là chưa có ý nghĩa và không đáng tin cậy.

Bảng 4.1. Bảng phân phối tần suất Student

k	$\alpha = 0,05$	$\alpha = 0,01$
9	2,26	3,25
10	2,23	3,17
11	2,20	3,11
12	2,18	3,05
13	2,16	3,01
14	2,14	2,98
15	2,13	2,95
20	2,09	2,85
25	2,06	2,26
30	2,04	2,23
40	2,02	2,20
60	2,00	2,18
120	1,98	2,16
>120	1,96	2,14

4.8. Giáo án thực nghiệm

Các truyện ngắn Việt Nam ở lớp 12 trong Chương trình Ngữ văn chủ yếu được giảng dạy vào đầu kì II của năm học. Thống kê và phân tích 40 giáo án của giáo viên 8 Trường THPT trên địa bàn 5 tỉnh chúng tôi nhận thấy, thời gian giáo viên thực hiện là khớp đúng theo phân phối chương trình của bộ GD & ĐT. Tuy nhiên, các cơ sở giáo dục đã chủ động điều chỉnh kế hoạch, tổ chức dạy học theo chủ điểm nên thời gian dạy học có thể kéo dài sang tháng 2 của năm học, bởi vậy, về cơ bản các truyện ngắn này được triển khai dạy vào khoảng từ 15 tháng 12 đến cuối tháng 1. Trong số các truyện ngắn lớp 12, tác giả luận án chọn dạy thực nghiệm 2 truyện *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), *Vợ nhặt* (Kim Lân). Các giáo án dạy thực nghiệm được chúng tôi trình bày cụ thể trong phần phụ lục 2.

4.9. Kết quả thực nghiệm

Thông tin về lớp dạy học thực nghiệm và đối chứng

Bảng 4.2. Thông tin về lớp dạy học thực nghiệm và dạy học đối chứng

Trường	Lớp dạy		Giáo viên dạy	
	TN-Sĩ số	ĐC-Sĩ số	TN	ĐC
Mùn chung (Điện Biên)	12C1- 26	12C3-32	Vũ Thanh Mai	Nguyễn Thị Dung
	12C2- 28	12C4-30	Vũ Ngọc Hưng	Lò Thúy Lan
Tuần giáo (Điện Biên)	12B - 42	12D - 41	Lương Hồng Thanh	Lê Thùy Dương
	12A4- 43	12E - 43	Vũ Ngọc Hưng	Phạm Thị Thu Huệ
Tân yên 2 (Bắc Giang)	12A1-43	12D-42	Nguyễn Văn Khoa	Nguyễn Thị Hạnh
	12E-44	12I-43	Vũ Ngọc Hưng	Vũ Minh Giang
Lê Quý Đôn (Hải Dương)	12A1-43	12D-42	Phạm Thị Chít	Trần Thị Chi
	12E-44	12I-43	Vũ Ngọc Hưng	Cao Thanh Tuyên
Quang Trung (Hải Dương)	12C-45	12A2-44	Vũ Thị Hưng	Phạm Bích Phượng
	12G- 43	12E-46	Vũ Ngọc Hưng	Đặng Nguyệt Bình
Tiên Lữ (Hưng Yên)	12B-45	12D- 48	Trần Thị Vân Anh	Bùi Thị Thu Hà
	12A3 - 46	12H-47	Vũ Ngọc Hưng	Vũ Thị Uyên
Xuân Lai (Thanh Hóa)	12A-42	12C-43	Vũ Mạnh Tiến	Nguyễn Đình Na
	12D - 44	12B - 40	Vũ Ngọc Hưng	Đỗ Thị Thuần
Bá Thước (Thanh Hóa)	12A-35	12C-39	Lê Văn Đông	Hà Thị Liên
	12B - 36	12D - 37	Vũ Ngọc Hưng	Hoàng Văn Việt

Sau khi tiến hành dạy thực nghiệm và đối chứng, chúng tôi thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo các mẫu đề văn. Cụ thể như sau:

Đề 1: Bài Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài)

Câu 1: Em hãy tái hiện và mô tả lại ngắn gọn hành động của Mị trong đêm tình mùa xuân? Phân tích ý nghĩa của những hành động ấy?

❖ Mục tiêu:

- Với câu 1 chúng tôi hướng đến kiểm tra khả năng tái hiện nhân vật bằng việc huy động khả năng tái hiện, sự hỗ trợ của hoạt động liên tưởng và tưởng tượng để xây nổi các sự việc, sự kiện bằng một số chi tiết tiêu biểu.

- Qua việc lựa chọn và kể lại các chi tiết đắt giá xoay quanh nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân, về thực chất các em học sinh đang thực hiện

quá trình tưởng tượng tái hiện trong tâm lí. Chỉ cần một vài sự kiện, số ít các chi tiết sắp xếp ở giữa câu chuyện đã kích thích người học quay dòng liên tưởng trở về quá khứ yên bình, với nỗi sợ hãi của kiếp làm dâu gạt nợ cùng với đó là một thực tại phũ phàng, và rất có thể những trải nghiệm thẩm mỹ của người học còn hướng đến để đoán giải về tương lai của cô gái vùng cao bằng khả năng liên tưởng và tưởng tượng sáng tạo.

❖ **Gợi ý trả lời:**

- **Mị nghe tiếng sáo và cũng ngồi thổi thổi sáo. Mị ngồi nhắm lại bài hát của người đang thổi** => Mị lại bồi hồi nhớ lại quá khứ của mình, tiếng sáo đưa Mị theo những cuộc chơi, lòng Mị lại thiết tha rạo rực với bao khao khát yêu thương. Tiếng sáo khơi dậy trong người con gái vốn tưởng đã chết về mặt tinh thần sống lại cùng quá khứ tươi đẹp, với cái ngày mà cô thỏa sức vùng vẫy trong tự do và tình yêu. Chính tiếng sáo đã tác động và đánh thức mạnh mẽ đến sức sống tiềm tàng trong Mị. (1 điểm)

- **Mị uống rượu** => Mị uống ực từng bát, cách uống rượu của Mị gợi cho người đọc biết bao suy ngẫm. Mị uống là để quên đi cái thực tại đau khổ, bẽ tắc, và cũng chính là để không phải nghĩ đến tương lai mờ mịt. Có thể nói, hành động uống rượu ấy đã nói lên nỗi oan khuất, đau buồn trong trái tim người con gái nhưng cũng tiếp thêm sức mạnh và đủ để lay thức Mị bừng tỉnh một sức sống mãnh liệt. (1 điểm)

- **Mị thấy lòng vui phơi phới trở lại và Mị muốn đi chơi** => Người đọc lại một lần nữa thấy được một sức sống mạnh mẽ, một khát vọng tự do và hạnh phúc đang trỗi dậy trong thế giới tâm hồn tưởng chừng như đã chết của cô gái vùng cao. Mị muốn được tháo cũi sổ lồng, muốn được rũ bỏ cái kiếp dâu gạt nợ, cái nợ đời với A Sử. Bằng tài năng miêu tả tâm lí nhân vật một cách tinh tế, nhà văn Tô Hoài đã đưa người đọc đến với những tình huống xáo động trong cõi lòng sâu kín của những con người luôn day dứt và tủi hờn cho số phận mình. (1 điểm)

Câu 2: Cho đoạn trích:

“Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ phè phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng, Mị chỉ thì thào được một tiếng “đi ngay”, rồi Mị

ngheñ lại. A Phủ bõng khuyu xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

Mị đứng lặng trong bóng tối.

Phủ, đã lặn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc, Mị nói, thờ trong hơi gió thổi lạnh buốt.

- A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói:

- Ở đây thì chết mất”.

(Trích *Vợ chồng A Phủ*- Tô Hoài)

a) Hành động chạy theo A phủ của Mị khiến em liên tưởng và tưởng tượng đến nhân vật nào trong sáng tác của Ngô Tất Tố?

b) Qua hành động cắt dây trói và chạy trốn cùng A Phủ của Mị quyết, em hãy hình dung, tưởng tượng và mô tả lại đặc điểm về tâm lí, tính cách, phẩm chất và số phận của nhân vật này?

❖ **Mục tiêu:**

- Ở ý a của câu hỏi 2, chúng tôi hướng đến kiểm tra và đánh giá khả năng liên tưởng (liên tưởng giống nhau, liên tưởng gần giống, liên tưởng kì ức, liên tưởng tương đồng, liên tưởng tương phản,...) để hình thành cho người học năng lực so sánh văn học, năng lực đánh giá trong tiếp nhận.

- Ở ý b của câu hỏi này, chúng tôi muốn đánh giá năng lực phân tích, năng lực tri giác ngôn ngữ và đặc biệt là năng lực cảm thụ cụ thể gắn với năng lực khái quát hóa các chi tiết nghệ thuật của tác phẩm truyện ngắn trong tính chỉnh thể của nó. Chi tiết *Mị cắt dây trói và chạy trốn cùng A Phủ* được xem như là một điểm sáng thẩm mỹ trong truyện để người học có thể suy luận, phán đoán, tái hiện, liên tưởng, hình dung và tưởng tượng,...trên cơ sở đó mà có thể kết nối, mở rộng và cắt nghĩa đầy đủ nhất về số phận cũng như cuộc đời của những con người khốn khổ vùng cao.

❖ **Gợi ý trả lời:**

a) Nhân vật chị Dậu trong tác phẩm *Tắt Đèn* của Ngô Tất Tố.(0.5 điểm)

b) Qua hành động cắt dây trói và chạy trốn cùng A Phủ của Mị quyết, em hãy hình dung, tưởng tượng và mô tả lại đặc điểm về tâm lí, tính cách, phẩm chất và số phận của nhân vật này?

- Cách miêu tả sức sống tiềm tàng đang trỗi dậy trong lòng Mị bằng ngọn lửa bập bùng sáng lên thật độc đáo. Mị vô cùng sợ hãi khi nhớ lại đêm mình bị A Sử trói, nhìn A Phủ cô đã thốt lên trong lòng rằng “Người kia việc gì mà phải chết”. Tình yêu thương đã trở thành lòng can đảm và động lực sống, Mị cắt sợi dây trói A Phủ và cũng chính là đã cắt sợi dây vô hình trói cô vào gia đình thống lí Pá Tra. (0.5 điểm)

- Hành động táo bạo này có ý nghĩa quyết định trong cuộc đời Mị. Hành động giải thoát của Mị có xen lẫn ý thức tự phát và tự giác, là kết quả biểu lộ tất yếu của một sức sống mãnh liệt vốn đã âm ỉ và ẩn tàng trong Mị trước đó. Hành động giải phóng và tự giải phóng này của Mị có nguồn gốc từ cái buồn rười rượi, từ những lần uống rượu trong đau đớn và ngay cả ý định muốn tự sát của cô. (0.5 điểm)

- Nguồn gốc sâu xa của hành vi đó là ở tấm lòng giàu tình cảm, giàu lòng thương người của Mị. Bên cạnh đó, còn do là tiếng sáo của những đêm tình mùa xuân đã thức dậy trong tâm hồn cô tình yêu đời, niềm tha thiết với cuộc sống tự do và hạnh phúc.(0.5 điểm)

Có thể nói sức sống tiềm tàng của Mị là sức hấp dẫn của nhân vật này trong thời gian Mị ở Hồng Ngài, tác giả đã miêu tả một cách xuất sắc sự vận động nội tâm của nhân vật và dẫn đến hành động phản kháng tháo cũi phá lồng giải thoát. Sức sống mãnh liệt của Mị khi gặp ánh sáng cách mạng như hạt giống tốt gieo lên mảnh đất phù sa. Mị đã trở thành nhân tố tích cực trong đội du kích Phiềng Sa của A Phủ sau này cũng là điều dễ hiểu.

Câu 3: Sau khi chạy trốn khỏi Hồng Ngài và đến với khu du kích Phiềng Sa, Mị và A Phủ đã trở thành vợ chồng. Em hãy vận dụng trí tưởng tượng sáng tạo để viết tiếp câu chuyện khoảng 30 – 40 dòng kể về cuộc đời và số phận của họ ở vùng đất mới?.

❖ **Mục tiêu:**

Nhằm kích thích và phát huy năng lực tưởng tượng tái hiện kết hợp với tưởng tượng sáng tạo và liên tưởng phong phú của học sinh. Người học có thể thỏa sức triển khai câu chuyện với nhiều tình huống, kết cấu và cốt truyện khác nhau trên cơ sở biết bám sát văn bản mà không xa vào dung tục và sai lệch để có thể đạt điểm tối đa. (5 điểm)

❖ **Gợi ý trả lời:**

Có nhiều hướng sáng tạo khác nhau, tùy vào điểm nhìn của người học, tuy nhiên có thể bám theo các sự kiện sau (chỉ là gợi ý tham khảo):

- A Phủ, A Châu và Mị cùng nhân dân Phiềng Sa vùng dậy chiến đấu kiên cường để bảo vệ phóng quê hương.

- Mị, A Phủ, A châu cùng với lực lượng cách mạng tấn công trở lại để giải phóng quê hương Hồng Ngài và trừng trị bọn chúa đất bạo tàn.

- Nhân dân Hồng Ngài và Phiềng Sa đoàn kết một lòng có cuộc sống ấm no, vợ chồng Mị đã có những đứa con, họ đang có những tháng ngày bình yên và tràn đầy hạnh phúc,...

Đề 2: Vợ nhặt (Kim Lân)

Câu 1: Em hãy tái hiện và kể lại hành động của bà cụ Tứ trong bữa cơm ngày đói? Ấn tượng sâu sắc nhất của em về bữa cơm ấy là gì?

❖ **Mục tiêu:**

Nhằm phát huy khả năng tri giác ngôn ngữ, tưởng tượng tái hiện thông qua việc chọn lựa những chi tiết tiêu biểu đã có trong trí nhớ và kí ức để tái hiện hình tượng nhân vật bà cụ Tứ - người mẹ nghèo đang cố gắng tiếp sức cho các con niềm tin và nghị lực sống để vượt qua miệng hố tử thần.

❖ **Gợi ý trả lời:**

a) *Hành động của bà cụ Tứ trong bữa cơm ngày đói:*

- Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu.(0.5 điểm)
- Bà nói toàn chuyện vui, toàn chuyện về tương lai sau này. (0.5 điểm)
- Bà lão lật đật chạy xuống bếp bung nồi cháo cám mà bà gọi là chè khoán, người mẹ nghèo ấy vẫn tươi cười đon đả. (0.5 điểm)
- Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc,...(0.5 điểm)

b) *Ấn tượng sâu sắc về bữa cơm ngày đói:*

- Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. (0.5 điểm)
- Cả nhà đều ăn rất ngon lành. (0.5 điểm)
- Trong bữa cơm ấy, bà cụ Tứ nói toàn chuyện vui, chuyện về tương lai để tiếp thêm sức mạnh và niềm tin cho các con (0.5 điểm)

=> Tác giả muốn khẳng định: tình yêu thương con người và niềm tin vào tương lai sẽ giúp những người dân ngụ cư khốn khổ vượt qua khó khăn và nghiệt ngã của hoàn cảnh để có thể sống tốt đẹp hơn.

Câu 2: Đọc đoạn trích:

“Ngoài vườn người mẹ đang cúi húi giã những búi cỏ nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía và cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy yêu thương và gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình, hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột ngập tràn trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà”.

(Trích *Vợ nhặt* – Kim Lân)

- Qua đoạn trích nhà văn muốn khẳng định điều gì?
- Em hãy nhập vai thể hiện tâm trạng của Tràng trong đoạn trích?

❖ **Mục tiêu:**

Nhằm đánh giá năng lực xúc cảm thẩm mỹ bằng việc người học biết chuyển hóa sự kì diệu của thế giới hình tượng trong tác phẩm thành hành trạng tinh thần của bản thân, ở đó các em biết thấu cảm với nhân vật Tràng, hiểu được nỗi khốn khổ, lắng nghe được khát khao tổ ấm gia đình và biết trân trọng giá trị của tình yêu thương con người trong hoàn cảnh đầy nghiệt ngã. Ở câu hỏi này, chúng tôi muốn đo lường khoảng cách thẩm mỹ giữa học sinh với tác phẩm bằng những liên tưởng sâu xa và tưởng tượng độc đáo.

❖ **Gợi ý trả lời:**

a) *Qua đoạn trích nhà văn muốn khẳng định và nhấn mạnh:*

- Khẳng định vẻ đẹp của tình người, đề cao phẩm chất và sức sống kì diệu của họ. (0.25 điểm)
- Ngay trong bờ vực của cái chết, họ vẫn hướng về sự sống, khát khao tổ ấm gia đình và yêu thương đùm bọc lẫn nhau. (0.25 điểm)

b) *Nhập vai kể về tâm trạng của Tràng*

Học sinh có thể nhập vai nhân vật Tràng và xưng tôi để diễn tả tình cảm của mình khi có gia đình, tiến trình kể có thể diễn ra như sau:

- Niềm vui và hạnh phúc tràn ngập trước cảnh nhà cửa, sân vườn thay đổi bởi bàn tay chăm sóc của vợ và mẹ. (0.5 điểm)

- Thấm thía và cảm động trước khung cảnh đêm ấm, một niềm tin cùng với bao hi vọng về cuộc sống hạnh phúc đang ủa về. (0.5 điểm)

- Thấy vô cùng yêu thương, gắn bó, có ý thức trách nhiệm phải xây dựng và bảo vệ gia đình. (0.5 điểm)

Câu 3: Truyện ngắn Vợ nhặt kết thúc bằng chi tiết: “Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới”. Anh/chị hãy vận dụng trí tưởng tượng sáng tạo để viết tiếp câu chuyện khoảng 30 – 40 dòng kể về cuộc đời và số phận của những người dân nghèo trong thời kì đấu tranh cách mạng?

❖ **Mục tiêu:**

Nhằm kích thích và phát huy trường liên tưởng, năng lực tưởng tượng sáng tạo, khả năng tái tạo để người học có thể vẽ nên một bức tranh sinh động về cuộc sống và tương lai của những người dân nghèo bằng việc thỏa sức tổ chức cốt chuyện với nhiều sự việc, sự kiện và tình huống mới lạ trên cơ sở biết bám sát lô gíc câu chuyện mà không xa rời văn bản hoặc rơi vào sự dung tục (5 điểm).

❖ **Gợi ý trả lời:**

Có nhiều hướng sáng tạo khác nhau, tùy vào điểm nhìn của người học, tuy nhiên có thể bám theo các sự kiện sau:

- Tràng đăm chiêu suy nghĩ và vội vàng đuổi theo đoàn người, cảnh tượng đoàn người phá kho thóc Nhật để cứu đói cứ chập chờn, ẩn hiện trong tâm trí.

- Tràng cùng với bao người dân nghèo chia nhau thóc gạo với một niềm vui phơi phới hiện lên từ khuôn mặt rạng rỡ.

- Thực dân Pháp và phát xít Nhật ập đến, Tràng cùng với người dân vùng lên đấu tranh để bảo vệ quê hương.

- Cách mạng bùng nổ, kẻ thù bị đánh đuổi, một cuộc sống mới và tươi sáng đến với mọi người.

- Cuộc sống khấm khá và no đủ hơn, Tràng đã bàn với mẹ làm vài mâm cơm mời hàng xóm để tổ chức đám cưới, Thị thấy cảm động và thấm thía giá trị thiêng liêng của tình người.

- Tràng cùng với Thị đã có những đứa con, tiếng cười nô đùa của lũ trẻ đuổi theo đàn gà chạy khắp ngoài sân khiến hấn bật khóc, hấn nhận thấy cuộc này sống thật có ý nghĩa và thấm thía biết bao,...

Sau khi kiểm tra, chúng tôi đánh giá kết quả bài làm theo thang điểm 10. Cụ thể như sau:

- Học sinh đạt điểm 8, 9, 10: xếp loại giỏi;
- Học sinh đạt điểm 6, 7: xếp loại khá;
- Học sinh đạt điểm 5: xếp loại trung bình;
- Học sinh đạt điểm dưới 5: xếp loại yếu.

Tác giả luận án nhận thức rằng, kiểm tra đánh giá là một công đoạn quan trọng nên cần được tiến hành chính xác và khách quan. Tuy nhiên, qua thực nghiệm chúng tôi nhận thấy có sự phân hóa về năng lực theo vùng miền trong tiếp nhận của các em học sinh, do vậy việc đánh giá phải thực sự linh hoạt. Đặc biệt, ở câu hỏi số 3, đây là một dạng kiểm tra nhằm đánh giá năng lực sáng tạo độc đáo của người học với những khả năng liên tưởng sâu xa, tưởng tượng phong phú, tái hiện hình tượng chân thực và độc đáo. Do vậy, với câu hỏi này, giáo viên phải thực sự có bản lĩnh nghề nghiệp, biết phát hiện kịp thời những tài năng văn học.

Từ các số liệu thu được, chúng tôi lập bảng thống kê dưới đây:

Bảng 4.3. Bảng thống kê kết quả kiểm tra học sinh

Nhóm	Số HS được kiểm tra	Số học sinh đạt điểm										
		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TN	621	0	0	7	20	24	84	193	130	108	71	4
ĐC	660	0	12	26	55	75	153	134	115	72	18	0

Từ những số liệu trong bảng thống kê, nghiên cứu sinh phân tích và lập bảng phân phối thực nghiệm mà ở đó tần số của các giá trị x_i được thay thế bằng tần suất của chúng, cụ thể như sau:

Bảng 4.4. Bảng phân phối thực nghiệm kết quả kiểm tra của học sinh

Nhóm	% HS được kiểm tra	Số % học sinh đạt điểm										
		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TN	100	0	0	1,1	3,1	3,4	13,2	30,0	20,9	17,3	10,4	0,6
ĐC	100	0	1,8	3,9	8,3	11,6	23,1	20,3	17,4	10,9	2,7	0,0

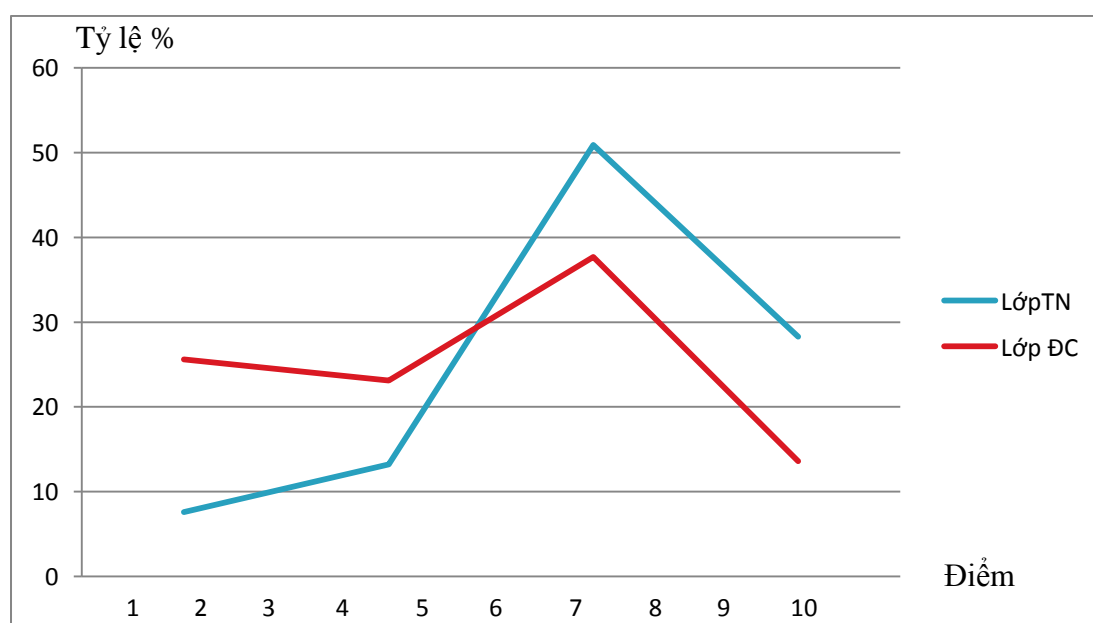
Căn cứ vào số học sinh đạt điểm qua bài kiểm tra và tiêu chí đánh giá xếp loại đã đề ra, chúng tôi tiến hành tính tỷ lệ phần trăm và lập bảng thống kê phân loại học lực của học sinh. Cụ thể như sau:

Bảng 4.5. Bảng xếp loại học lực học sinh của lớp TN và ĐC

Lớp	<i>Yếu - kém</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Khá</i>	<i>Giỏi – xuất sắc</i>
TN	7.6%	13.2%	50.9%	28.3%
ĐC	25.6%	23.1%	37.7%	13.6%

Như vậy, nhìn vào bảng thống kê ta thấy, HS yếu kém ở lớp TN giảm hơn so với lớp ĐC, số HS khá giỏi tăng lên. Chúng tôi cho rằng, chỉ số phân loại này đã phần nào phản ánh được sự tác động tích cực của PPDH cũng như hình thức kiểm tra đánh giá.

Để có một bức tranh trực quan về tình hình phân phối các số liệu nêu trên, chúng tôi vẽ đồ thị để biểu diễn đường phân phối tần suất, trong đó trục tung (trục dọc) thể hiện cho số % học sinh đạt điểm tương ứng, trục hoành (trục ngang) là chỉ số điểm bài làm của HS. Nhìn vào đồ thị ta thấy, đường nét đậm màu xanh thể hiện cho nhóm TN và đường nét mảnh màu đỏ thể hiện cho nhóm ĐC.

**Hình 4.1. Đường phân phối tần suất**

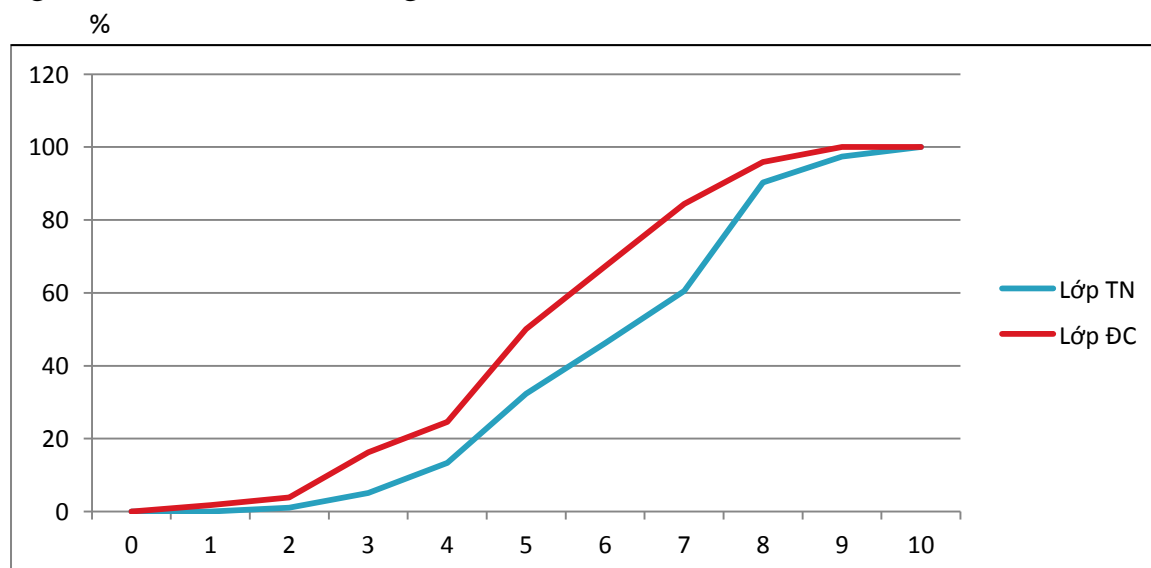
Từ đường biểu diễn phân phối tần suất tác giả luận án nhận thấy rằng, số % học sinh đạt các điểm (1, 2, 3, 4) là thấp hơn lớp đối chứng và điểm khá giỏi (6, 7, 8, 9, 10) của lớp TN cũng có dấu hiệu cao hơn, ở nhóm đối chứng điểm có tỉ lệ cao chủ yếu là điểm 5 và 6. Chúng tôi cộng dồn tần suất của điểm số x_i trở xuống theo từng lớp của khối 12, từng đợt thực nghiệm của các trường để thu được bảng phân phối tần số lũy tích. Tiến trình các bước trong xử lí số

liệu được bám dựa vào phương pháp khoa của bộ môn toán chuyên ngành xác suất thống kê để nắm bắt được số % học sinh đạt được từ một điểm nào đó trở xuống hoặc trở lên. Theo đó, từ bảng 4.3 và bảng 4.4 ta có bảng số liệu sau:

Bảng 4.6. Số % học sinh đạt từ điểm x trở xuống

Nhóm	% hs được kiểm tra	Số % học sinh đạt điểm x trở xuống										
		0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TN	100	0	0	1,1	5,1	13,4	32,3	46,2	60,5	90,3	97,4	100
ĐC	100	0	1,8	3,9	16,3	24,6	50,1	67,3	84,4	95,9	100	100

Từ những thông số trên, chúng tôi vẽ đường lũy tích để theo dõi, so sánh, đối chiếu và nắm bắt kết quả học tập của học sinh theo nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, cụ thể:



Hình 4.2. Đường lũy tích

Nhìn vào đồ thị ta thấy, trục dọc là chỉ số % học sinh đạt điểm tương ứng trở xuống, trục ngang là số điểm bài làm của học sinh. Nét đậm màu xanh biểu thị cho nhóm TN, nét đậm màu đỏ là biểu thị cho nhóm ĐC. Cũng từ đồ thị, chúng ta nhận thấy đường lũy tích biểu diễn kết quả của nhóm TN nằm ở phía dưới và bên phải của đường lũy tích biểu diễn kết quả của nhóm ĐC. Từ thông số này ta có thể hiểu rằng, chất lượng bài làm của học sinh trong nhóm TN có chiều hướng tốt hơn so với nhóm ĐC.

Có thể nói, những thông tin ở trên có thể xem là những căn cứ khoa học nhất định để chúng tôi đánh giá các kết quả TN. Tuy nhiên, để phân tích

sâu sắc các số liệu có được, cần phải hệ thống hóa chúng thành những tham số đặc trưng. Có nghĩa là từ các số liệu thu được, chúng ta tiến hành khái quát chúng thành các số liệu tiêu biểu trên cơ sở tính toán theo công thức tính trung bình cộng, phương sai và độ lệch chuẩn, ta có:

Bảng 4.7. So sánh các tham số đặc trưng của kết quả kiểm tra

Nhóm	Trung bình cộng \bar{X}	Phương sai S^2	Độ lệch chuẩn S
TN	6,47	2,72	1,64
ĐC	5,53	3,13	1,77

Quan sát bảng 4.6, ta thấy:

- Điểm trung bình cộng (\bar{X}_{TN}) kết quả học tập của nhóm TN là cao hơn điểm trung bình cộng ($\bar{X}_{ĐC}$) kết quả của nhóm ĐC.

- Mức độ phân tán của (S^2_{TN} và S_{TN}) kết quả kiểm tra xoay quanh giá trị *trung bình cộng* của nhóm TN thấp hơn mức độ phân tán ($S^2_{ĐC}$ và $S_{ĐC}$) kết quả kiểm tra xoay quanh giá trị trung bình cộng của nhóm ĐC.

- Để giải thích rõ hơn về điều này, chúng tôi so sánh mức độ phân tán kết quả kiểm tra xoay quanh giá trị trung bình cộng của nhóm TN và nhóm ĐC bằng hệ số biến thiên V (tức tỉ số giữa S và \bar{X} của từng nhóm trong bảng).

$$\text{Theo (4) ta có: } \left. \begin{aligned} V_{TN} &= \frac{S_{TN}}{\bar{X}_{TN}} \cdot 100 = \frac{1,64}{6,47} \cdot 100 = 25,34 \\ V_{ĐC} &= \frac{S_{ĐC}}{\bar{X}_{ĐC}} \cdot 100 = \frac{1,77}{5,53} \cdot 100 = 32,00 \end{aligned} \right\} \Rightarrow V_{TN} < V_{ĐC}$$

Điều này có nghĩa là kết quả học tập của học sinh các lớp TN ít phân tán hơn so với kết quả học tập của các lớp ĐC. Tuy nhiên, sự chênh lệch về kết quả học tập ở các lớp TN và ĐC trên đây thực sự là do tác động từ phương pháp dạy học hay là bởi yếu tố “ngẫu nhiên”? Để có câu trả lời tin cậy chúng tôi tiến hành phép kiểm định bằng cách tính hệ số T theo công thức (5). Cụ thể như sau:

$$T = (\bar{X}_{TN} - \bar{X}_{ĐC}) \cdot \sqrt{\frac{n}{S^2_{TN} + S^2_{ĐC}}} = 6,47 - 5,53 \cdot \sqrt{\frac{1281}{2,72 + 3,13}} = 13,90$$

Lấy $\alpha = 0,5$. Tra bảng phân phối Student, ứng với $\alpha = 0,05$ và $k = 2n - 2 = 2(621+660) - 2 = 2560$, ta có $T_{\alpha,k} = 1,96$. Nếu như lấy $\alpha = 0,01$ ta có $T_{\alpha,k} = 2,58$. So sánh T với $T_{\alpha,k}$ trong cả hai trường hợp ($\alpha = 0,05$ hay $\alpha = 0,01$) ta đều thấy: $T > T_{\alpha,k}$ ($13,90 > 1,96$ hoặc $13,90 > 2,58$). Như vậy, sự khác nhau giữa \bar{X}_{TN} và $\bar{X}_{ĐC}$ là

có ý nghĩa, và điều này cho phép chúng tôi nhận định rằng, dạy học phương pháp mới có hiệu quả hơn phương pháp cũ; đồng thời các giải pháp sư phạm mà tác giả luận án đề xuất có thể mang lại một hiệu quả dạy học tốt.

Quá trình xử lý số liệu trên đây đã cho chúng tôi những thông số có tính chất định lượng [21, tr.99]. Kết quả này là những căn cứ khoa học cho phép tác giả luận án khẳng định, khả năng triển khai hiệu quả các hoạt động dạy học và giải pháp sư phạm đã đề xuất là hoàn toàn có tính khả thi. Tuy nhiên, chúng ta đều biết, dạy học tác phẩm văn chương là một lĩnh vực sinh động và rất phức tạp. Do vậy, công việc đánh giá kết quả học tập và tiếp nhận của người học không chỉ bám dựa vào biểu hiện về tâm lí của học sinh trong và sau giờ học mà cần phải có sự tiếp sức của các hoạt động hỗ trợ như: quan sát, theo dõi học sinh, tham vấn ý kiến của giáo viên, đồng thời tham gia trải nghiệm sư phạm để có sự kiểm chứng cụ thể và trực tiếp. Từ những kênh thông tin đó, chúng tôi nhận thấy:

- Trong các giờ dạy học TN, không khí học tập diễn ra sôi nổi, dân chủ và hào hứng với sự chủ động cao nhất của chủ thể người học. Bằng chứng là, trước sự tương tác giữa thầy và trò về một hiện tượng văn học trong tác phẩm, các em đã được tự do bộc lộ những khám phá, sự lí giải của mình bằng khả năng tái hiện độc đáo, liên tưởng và tưởng tượng thú vị. Đây cũng là những nhận định chung của hầu hết các giáo viên tham gia TN.

- Trong quá trình học tập, nhiều em đã mạnh dạn trình bày những kiến giải riêng, thẳng thắn đối thoại với tập thể lớp học. Đặc biệt, học sinh rất hứng thú với hoạt động thảo luận nhóm, tranh biện những vấn đề đời sống được đặt ra từ tác phẩm hoặc tham gia kể chuyện nhập vai bằng sự tưởng tượng sáng tạo. Thông qua các hoạt động trải nghiệm bổ ích này, nhiều em đã thực sự được bộc lộ con người cá nhân của mình bằng những luận giải độc đáo và bất ngờ.

- Ở các lớp thực nghiệm, phần lớn học sinh có tính tự giác cao trong việc tự tìm kiếm tri thức và chiếm lĩnh bài học, đặc biệt là các em đã biết vận dụng được thành tựu từ Internet để rút ngắn thời gian học tập mà vẫn nâng cao năng lực tiếp nhận của mình. Điều này có thể xem là những tín hiệu khả quan trong việc đổi mới tư duy về phương pháp học tập nói chung và mở ra một hướng tiếp cận hiệu quả đối với thể loại truyện ngắn nói riêng.

Như vậy, từ những thông số có tính định tính và định lượng nêu trên, chúng tôi đã có thêm cơ sở để tin tưởng vào tiềm năng của các thiết kế thể nghiệm và tính khả thi của các phương pháp, biện pháp dạy học mà luận án đề xuất.

4.10. Một số kết luận sơ phạm rút ra từ thực nghiệm

Từ quá trình tổ chức dạy học thực nghiệm tại 8 trường THPT trên địa bàn 5 tỉnh trong các năm học 2014 – 2015, 2015 – 2016 và 2016 – 2017, qua trao đổi, rút kinh nghiệm với GV dạy thực nghiệm, chúng tôi nhận định như sau:

- Những biện pháp sơ phạm và thiết kế dạy học truyện ngắn lớp 12 theo hướng phát triển các năng lực tiếp nhận (tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng) mà luận án đề xuất là hoàn toàn phù hợp và có tính khả thi đối với các đối tượng học sinh trên nhiều địa bàn khác nhau.

- Trong các giờ học thực nghiệm, GV đã cơ bản loại bỏ và thoát ly được sự tác động của các phương pháp giảng giải, thuyết trình, đọc chép và truyền thụ áp đặt kiến thức. Thay vào đó là một bầu không khí học tập sôi nổi, với sự chủ động và sáng tạo cao nhất của chủ thể người học để chiếm lĩnh tác phẩm truyện ngắn.

- Từ trải nghiệm sơ phạm, chúng tôi nhận thấy, các GV khi tham gia dạy thực nghiệm đã chuyển hóa và tiếp biến rất năng động tư tưởng và bản chất của dạy học truyện ngắn theo định hướng phát triển năng lực tiếp nhận; hiểu sâu sắc ý đồ thiết kế giáo án của tác giả luận án. Từ thực tiễn này, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để đánh giá cũng như đặt niềm tin vào đội ngũ GV dạy Ngữ văn ở trường THPT trong bối cảnh đổi mới và cải cách giáo dục đang diễn ra mạnh mẽ.

- Theo quan sát và ghi nhận của chúng tôi, trong các giờ học thực nghiệm, HS đã giảm được khó khăn khi tiến hành tiếp nhận sáng tạo tác phẩm truyện ngắn. Thậm chí, các em còn cho thấy những tiềm năng sáng tạo, những phát hiện độc đáo mà chính người dạy cũng chưa hề nghĩ tới. Tác giả luận án cho rằng, học sinh hoàn toàn có đủ điều kiện để tiến hành các hoạt động tiếp nhận sáng tạo nếu được soi chiếu và kích hoạt bằng một hệ thống phương pháp phù hợp.

- Tuy nhiên, qua thực tế dạy học thực nghiệm cũng cho chúng tôi nhận những khó khăn và một số vướng mắc cần phải tiếp tục giải quyết:

- + Một bộ phận thầy, cô giáo vẫn chưa thực sự thấm thấu được tinh thần dạy học tác phẩm văn chương theo định hướng phát triển năng lực, chưa xác định

được vị thế mới của HS cũng như bản chất của tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong giờ học tác phẩm truyện ngắn.

+ Trong đồ án thiết kế thực nghiệm có nội dung ứng dụng công nghệ dạy học hiện đại, đó là các trang giáo án được thiết kế theo các phần mềm trong tin học. Tuy nhiên, một số giáo viên vẫn còn lúng túng trong vận dụng hoặc vận dụng tùy tiện không hợp lí (đối với tác phẩm văn xuôi, giáo viên cần hết sức thận trọng trong việc sử dụng các hình ảnh trực quan,...).

+ Các giờ TN cũng đặt ra những yêu cầu đòi hỏi người giáo viên phải nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn và khả năng ứng đáp sư phạm. Thực tiễn dạy học đang cho thấy: 1) Có nhiều tình huống sư phạm nằm ngoài dự kiến và kiểm soát của giáo viên; 2) Những hoạt động học tập tích cực, tiếp nhận sáng tạo của học sinh có thể phá vỡ xa hoặc phá vỡ kế hoạch dạy học; 3) Tiến trình bài học, giờ học có thể bị gián đoạn, ngắt quãng, tản mạn và không hướng đích bởi tính khó lường định trong tâm lí người học. Để giải quyết vướng mắc này, GV cần thiết lập nội dung dạy học thật hợp lí, đặc biệt phải hình dung tường tượng, phán đoán, dự báo và lập phương án đối phó trước tình huống học tập sẽ nảy sinh. Bên cạnh đó, giáo viên vừa phải kiên trì để tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, lại vừa linh hoạt để kiểm soát để đảm bảo tiến trình giờ học.

Tiểu kết chương 4

Cùng với việc bổ sung, hoàn thiện nội dung lí luận của dạy học truyện ngắn ở lớp 12 theo hướng phát triển năng lực văn học trong tiếp nhận, tác giả luận án đã cố gắng lực hiện để biến tư tưởng và mục tiêu dạy học trên thành hiện thực. Trong 8 truyện ngắn được chọn lọc đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn, chúng tôi chọn 2 văn bản là “Vợ chồng A Phủ” (Tô Hoài) và “Vợ nhặt” (Kim Lân) để tiến hành thực nghiệm. Sự ghi nhận và đánh giá tốt của GV trên nhiều địa bàn khác nhau về thiết kế thể nghiệm đã tăng thêm tính đúng đắn và khả thi của giả thuyết khoa học đồng thời cũng xác nhận những đóng góp của luận án khi chuyển hóa tư tưởng lí luận vào thực tiễn dạy học truyện ngắn. Bước đầu, chúng tôi nhận định, nghiên cứu phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tường tượng cho học sinh lớp 12 là một hướng đi đúng đắn và có thể triển khai rộng rãi ở nhà trường THPT hiện nay.

KẾT LUẬN

Dạy học truyện ngắn trong nhà trường đang vận động và tiếp biến theo hướng phát triển năng lực của học sinh. Nghiên cứu vận dụng lí thuyết tâm lí học, tâm lí học nghệ thuật, lí thuyết tiếp nhận,... vào dạy học truyện ngắn là một hướng tiếp cận mới, hứa hẹn có thể mở ra cơ hội để phát triển lớp bạn đọc học sinh có khả năng chiếm lĩnh giá trị của tác phẩm và sáng tạo văn hóa của nhân loại. Từ điểm nhìn chủ quan của mình, chúng tôi nhận thấy luận án đã được các kết quả nghiên cứu cơ bản sau đây:

1. Từ việc nghiên cứu tổng hợp các luận điểm cơ bản của tâm lí sáng tạo nghệ thuật, tâm lí tiếp nhận của người học,... luận án đã ghi nhận vai trò đặc biệt quan trọng của năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong tiếp nhận truyện ngắn. Đồng thời, luận án đã xác lập nguyên tắc đảm bảo tính khoa học trong việc ứng dụng và phát huy vai trò của nó trong dạy học thể loại này là: dù có tái hiện, liên tưởng và tưởng tượng sáng tạo đến đâu cũng cần phải bám dựa vào cấu trúc hình thức và nội dung tác phẩm, từ đặc trưng thi pháp thể loại và phương thức cấu tạo hình tượng. Đặc biệt, khi tổ chức tiếp nhận truyện ngắn, GV cần phải duy trì, bảo tồn được mối quan hệ hữu cơ của hoạt động tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng trong quá trình vận hành tâm lí của chủ thể người học.

2. Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn của đề tài, luận án đã nhận diện đích xác vị trí của hoạt động tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng. Đồng thời ghi nhận ưu thế của nó trong quá trình phát triển năng lực tiếp nhận học sinh khi tổ chức chiếm lĩnh giá trị tác phẩm truyện ngắn. Từ việc tường minh và khu biệt một cách rành rẽ các thành tố trong cấu trúc của năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng, tác giả luận án đã đề xuất một số biện pháp sư phạm để phát huy được tính chủ động, khả năng kiến tạo và giải phóng tối đa những tiềm năng sáng tạo của người học. Vấn đề là, để có thể phát triển toàn diện được năng lực tiếp nhận cho người học, chúng ta không nên sử dụng độc tôn và duy nhất một phương pháp hay biện pháp nào đó mà phải vận dụng đồng bộ, linh hoạt và cần đặt nó trong tổng thể hệ thống các cách thức tổ chức dạy học.

3. Tác giả luận án cũng đã xác nhận, truyện ngắn ở lớp 12 là một trong những nội dung cơ bản và trọng tâm của chương trình Ngữ văn THPT. Nghiên cứu về truyện ngắn nói chung và ở lớp 12 nói riêng ở góc độ lí luận đã đạt được nhiều thành tựu. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước chủ yếu hướng mục tiêu xu thế chung

của dạy học văn hiện hành, ghi nhận ưu thế của nó trong quá trình phát triển năng lực tiếp nhận học sinh khi tổ chức chiếm lĩnh giá trị tác phẩm truyện ngắn. Từ đó, tác giả luận án đã đề xuất một số biện pháp sư phạm để phát huy được tính chủ động, khả năng kiến tạo và giải phóng tối đa những tiềm năng sáng tạo của người học. Do vậy, việc dạy học truyện ngắn nói của đa số học sinh ở THPT vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

4. Từ trải nghiệm sư phạm, luận án đã chỉ ra những hạn chế trong quá trình tổ chức dạy học truyện ngắn, đó là GV không đánh giá đúng cũng như đo lường hết năng lực của học sinh, chưa có những phương cách để tác động liên hoàn, kích thích mạnh mẽ khả năng tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng – nhân tố có vai trò là đầu nút của những suy luận, phán đoán và rung động thẩm mỹ trong phản ứng tình cảm. Do vậy, trong giờ học GV thường bị mất kiểm soát, lệch phương hướng trước những diễn biến phức tạp, phong phú và tinh tế trong tâm lí người học. Đồng thời, nguy hại hơn là các hoạt động tâm lí của HS bị đứt gãy, tản mạn do các em chưa có đủ kinh nghiệm để có thể nuôi dưỡng và kết nối thành dòng trong suốt quá trình tiếp nhận tác phẩm như một chỉnh thể toàn vẹn.

5. Rèn luyện tư duy sáng tạo trong tiếp nhận truyện ngắn thông qua tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng là một phương thức tự biểu hiện và thanh lọc phản ứng thẩm mỹ. Đặc điểm này được cụ thể hóa trên nhiều phương diện, nhiều thang độ trong từng yêu cầu cụ thể và soi chiếu trong toàn bộ quá trình tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn. Vì vậy, các điều kiện để kích hoạt năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng của học sinh nhằm chuyển hóa hình tượng thành thế giới tinh thần của bạn đọc cần được xem như là một yêu cầu thiết yếu, một nguyên tắc sư phạm trong quá trình tiếp nhận truyện ngắn.

6. Từ thực tiễn dạy học, tác giả luận án đã chỉ ra bản chất của việc phát triển năng lực trong tiếp nhận truyện ngắn, đó là GV cần tạo cơ hội để học sinh phát huy tối đa tính chủ động, hứng thú và sáng tạo thế giới tưởng tượng của mình. Ở đó vai trò độc tôn và quyền uy của người thầy mờ đi và được chuyển hóa vào hoạt động say mê kiến tạo của người học. Trong quá trình vận dụng các biện pháp tổ chức nhằm phát triển năng lực cho HS, các nhà sư phạm Ngữ văn cần vận dụng và tiếp biến một cách sáng tạo để hướng đến mục tiêu giải phóng năng lực ẩn tàng người học như trong đề án đổi mới căn bản và toàn diện mà ngành giáo dục đang thực hiện.

DANH MỤC
CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Vũ Ngọc Hưng (2013), *Rèn luyện học sinh kết hợp các năng lực tiếp nhận trong dạy học “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu*, Tạp chí giáo dục số đặc biệt, trang 82-93.
2. Vũ Ngọc Hưng (2013), *Rèn luyện năng lực liên tưởng, tưởng tượng cho học sinh khi dạy học truyện ngắn “Hai đứa trẻ” (Ngữ văn 11)*, Tạp chí giáo dục số đặc biệt, trang 85-86.
3. Vũ Ngọc Hưng (2016), *Hình tượng – một phương thức duy nhất và trung nhất để tạo hình và biểu hiện của tất cả các loại hình nghệ thuật*, Tạp chí giáo dục số 386, trang 44 - 46.
4. Vũ Ngọc Hưng (2016), *Phát triển năng lực văn học cho học sinh - một nội dung quan trọng của đổi mới giáo dục*, Tạp chí giáo dục số 389, trang 22 - 23.
5. Vũ Ngọc Hưng (2016), *Đặc trưng của hình tượng nhân vật trong truyện ngắn và những định hướng trong dạy học*, Tạp chí nghiên cứu giáo dục số 130, trang 42 – 44.
6. Vũ Ngọc Hưng (2016), *Phát triển năng lực tái hiện hình tượng và liên tưởng tưởng tượng cho học sinh THPT trong tiếp nhận tác phẩm truyện ngắn*, Tạp chí nghiên cứu giáo dục số 133, trang 66 – 68.
7. Vũ Ngọc Hưng (2016), *Một số biện pháp để phát triển năng lực tái hiện hình tượng, liên tưởng và tưởng tượng cho học sinh trong dạy học truyện ngắn*, Tạp chí dạy và học ngày nay số tháng 9, trang 70 – 72.
8. Vũ Ngọc Hưng (2016), *Vai trò của hình tượng nhân vật trong truyện ngắn với việc nâng cao hiệu quả dạy học*, Tạp chí dạy và học ngày nay số tháng 12, trang 47 - 50.
9. Vũ Ngọc Hưng (2017), *Phát triển năng lực tái hiện hình tượng cho học sinh - một biện pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả dạy học truyện ngắn*, Kỷ yếu hội thảo văn học năm 2017, NXB ĐHSPTHN, H.

10. Vũ Ngọc Hưng (2017), *Tiếp nhận hình tượng nhân vật trong truyện ngắn từ góc nhìn thi pháp*, Tạp chí dạy và học ngày nay số tháng 7, trang 66 – 69.
11. Vũ Ngọc Hưng (2017), *Phát triển năng lực tái hiện hình tượng cho học sinh trong dạy học truyện ngắn ở THPT*, Tạp chí nghiên cứu văn học số 7, trang 112 – 115.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. M. Arnaudov (1978), *Tâm lí học sáng tạo*, Nxb Văn học.
2. Arixtotle (1964), *Nghệ thuật thơ ca*, Nxb Văn hóa nghệ thuật.
3. Nguyễn Duy Bình (1983), *Đạy văn dạy cái hay – cái đẹp*, Nxb giáo dục.
4. Lê Thị Bùng (2013), *Những điều kì diệu về tâm lí con người*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
5. Lê Thị Bùng (2013), *Hỏi – Đáp những vấn đề tâm lí*, Nxb giáo dục.
6. IU.M. Borodĩ (1966), *Tưởng tượng và lí luận nhận thức*, Nxb Đại học.
7. Bộ giáo dục và Đào tạo (2003), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia.
8. Bộ giáo dục và Đào tạo (2011), *Đạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới, toàn diện giáo dục phổ thông*, Kỉ yếu hội thảo khoa học, Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Bernd Meier – Nguyễn Văn Cường (2009), *Lí luận dạy học hiện đại*, Potsdam – Hà Nội.
11. Nguyễn Đình Chú (1998), “*Lại nói về cuộc cách mạng phương pháp trong sự nghiệp giáo dục*”, Kỉ yếu hội thảo khoa học về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học các môn khoa học cơ bản trong trường Đại học sư phạm, tr.30 - 34.
12. Hoàng Chúng (1972), “*Phương pháp dùng toán thống kê trong khoa học giáo dục*”, Tạp chí nghiên cứu giáo dục, (5), tr.21 – 29.
13. A.V. Bruklinxki (1967), *Tưởng tượng và nhận thức*, Tạp chí “*Những vấn đề triết học*, số 11.
14. A.G. Covaliop (1971), *Tâm lí học cá nhân*, Nxb Giáo dục.
15. Nguyễn Viết Chũ (2001), *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

16. Nguyễn Viết Chữ (2005), *Hướng đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên trung học phổ thông về đổi mới phương pháp dạy học văn, Viện nghiên cứu sư phạm.
17. Nguyễn Viết Chữ (2015), *Phương pháp dạy học tác phẩm chương trong nhà trường*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
18. John Dewey (2014), *Dân chủ và giáo dục*, Nxb Tri thức.
19. John Dewey (2014), *Cách ta nghĩ*, Nxb Tri thức.
20. Trương Đăng Dung (1998), *Từ văn bản đến tác phẩm văn học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
22. Hồ Ngọc Đại (1985), *Bài học là gì?*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
23. V.V. Đavudov (1974), *Các dạng khái quát hóa trong dạy học*, Nxb Đại học quốc gia Hà nội.
24. Trần Thanh Đạm (1974), *Vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo loại thể*, Nxb Giáo dục.
25. Bùi Minh Đức (2017), *Phát triển năng lực nghề cho sinh viên sư phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
26. Hà Nguyễn Kim Giang (2010), *Phương pháp đọc diễn cảm*, Nxb Đại học sư phạm.
27. M.B.Khrapchenko (1978), *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển của văn học*, Nxb Tác phẩm mới.
28. M.B.Khrapchenko (1984), *Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội.
29. M.B.Khrapchenko (1985), *Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội.

30. V. Ko-ghi-nop (1963), *Các loại hình nghệ thuật*, văn hóa – nghệ thuật.
31. Ngô Văn Giá (2014), *Giáo trình sáng tác truyện ngắn*, Nxb Lao động.
32. N.Đ. Levitov (1970), *Tâm lí học trẻ em và tâm lí học sư phạm*, tập 1, Nxb Giáo dục.
33. Gustave Le Bon (2014), *Tâm lí học đám đông*, Nxb Tri thức.
34. Exipop B.P (1971), *Những cơ sở của lí luận dạy học*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
35. Heghen (2005), *Mỹ Học*, Nxb Văn học, Hà Nội.
36. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (2012), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
37. Lê Tuyết Hạnh (2003), *Thời gian nghệ thuật trong cấu trúc văn bản tự sự*, Nxb Đại học sư phạm.
38. Lưu Hiệp (1999), *Văn tâm điều long*, Nxb Văn học.
39. Đặng Hiến (2005), *Dạy văn, học văn*, Nxb Đại học sư phạm.
40. Nguyễn Diệu Hoa (2015), *Tâm lí học phát triển*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
41. Nguyễn Trọng Hoàn (2003), *Rèn luyện tư duy sáng tạo trong dạy học tác phẩm văn chương*, Nxb Giáo dục.
42. Ngô Công Hoàn (2012), *Tâm lí học khác biệt*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
43. Đỗ Kim Hồi (1998), *Nghĩ từ công việc dạy văn*, Nxb Giáo dục.
44. Lê Văn Hồng - Lê Ngọc Lan - Nguyễn Văn Thành (2008), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, Nxb Thế giới.
45. Nguyễn Thanh Hùng (2000), *Hiểu Văn Dạy Văn*, Nxb Giáo dục.
46. Nguyễn Thanh Hùng (1996), *Văn học tâm nhìn biến đổi*, Nxb Văn học.
47. Nguyễn Thanh Hùng (2006), *Phương pháp dạy học Ngữ văn THPT – Những vấn đề cập nhật*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.
48. Nguyễn Thanh Hùng (2008), *Đọc – Hiểu tác phẩm văn chương trong nhà trường*, Nxb Giáo dục.
49. Nguyễn Thị Thanh Hương (1998), *Phương pháp tiếp cận tác phẩm văn học ở trường phổ thông*, Nxb Giáo dục.

50. Nguyễn Thị Thanh Hương (2005), *Dạy học truyện ngắn ở trường phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, tr.18 – 20.
51. Phạm Thị Thu Hương (2012), *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu trong nhà trường phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm.
52. E. V. Ilencov (1964), *Về bản chất thẩm mỹ của tưởng tượng*, Tạp chí những vấn đề thẩm mỹ học, số 6, Nxb Nghệ thuật.
53. I. F. Kharlamop (1978), *Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào*, Nxb Giáo dục.
54. I.Ia. Lecne (1977), *Dạy học nêu vấn đề*, Nxb Giáo dục.
55. Tô Phương Lan (2002), *Phong cách nghệ thuật Nguyễn Minh Châu*, Nxb Khoa học xã hội.
56. Phan Trọng Luận (1977), *Phân tích tác phẩm văn học trong nhà trường*, Nxb Giáo dục.
57. Phan Trọng Luận (1978), *Con đường nâng cao hiệu quả dạy văn*, Nxb giáo dục.
58. Phan Trọng Luận (1983), *Cảm thụ văn học – giảng dạy văn học*, Nxb Giáo dục.
59. Phan Trọng Luận- Trương Đình - Nguyễn Thanh Hùng - Trần Thế Phiệt (1996), *Phương pháp dạy học văn*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
60. Phan Trọng Luận (1996), *Xã hội - Văn học - Nhà trường*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
61. Phan Trọng Luận (2010), *Văn học Giáo dục thế kỉ XXI*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
62. Phan Trọng Luận (2011), *Văn chương bạn đọc sáng tạo*, Nxb Đại học sư phạm.
63. Phan Trọng Luận (2012), *Phương pháp dạy học văn*, tập 1, Nxb Đại học Sư phạm.
64. Phan Trọng Luận (2014), *Phương pháp giải mã văn bản văn học*, Nxb Đại học Sư phạm.
65. Phương Lưu (2006), *Lí luận văn học*, Nxb Giáo dục.

66. I.U.M. Lotman (2007), *Cấu trúc văn bản nghệ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia.
67. Đặng Thai Mai (2002), *Trên đường nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm văn chương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
68. V.A. Nihonxki (1978), *Phương pháp giảng dạy văn học ở nhà trường phổ thông*, tập 1, Nxb Giáo dục.
69. Mac –Ăng ghen (1958), *Về văn học nghệ thuật*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
70. Ben Meier (2011), *Cơ sở đổi mới phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Potsdam Cộng hòa liên Bang Đức.
71. Nhóm dịch giả (2004), *Truyện ngắn đặc sắc* (các tác giả được giải thưởng Nobel văn học), Nxb Văn học.
72. Nhiều tác giả (1981), *Giảng văn*, Trường Đại học sư phạm TPHCM.
73. Nhiều tác giả (2000), *Nghệ thuật viết truyện ngắn và ký*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
74. Nhiều tác giả (2015), *Dạy học theo định hướng phát triển năng lực*, Nxb Đại học sư phạm.
75. Vũ Nho (1999), *Nghệ thuật đọc diễn cảm*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
76. Guy Palmade (1999), *Các phương pháp sư phạm*, Nxb Thế giới.
77. K.Pauxtopxki (2011), *Bông hồng vàng và bình minh mưa*, Nxb Văn học.
78. Hoàng phê (1988), *Từ điển tiếng việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
79. G.N. Poxelop (1998), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Nxb Giáo dục.
80. Đỗ Huy Quang (1996), *Những hình thức hoạt động học của học sinh trong giờ dạy học tác phẩm văn học ở phổ thông trung học*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.
81. Gianni Rodari (1997), *Grammaire de l'imagination (Ngữ pháp của thao tác tưởng tượng)*, lời giới thiệu, bản dịch từ tiếng Italia sang tiếng Pháp và lời chú giải của Roger Salomon, Nhà xuất bản Rue du Monde, Paris.
82. Z.Ia. Rez (1983), *Phương pháp luận dạy văn*, Nxb Giáo dục.
83. Scott Thorpe (2002), *Tư duy như Einstein*, Nxb Lao động – Xã hội.

84. P.A.Sevarev (1959), *Khái quát hóa trong hoạt động liên tưởng của học sinh*. M. Nxb Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga.
85. P.A.Sevarev (1966), *Về vai trò của liên tưởng trong quá trình tư duy*, Tuyển tập “Nghiên cứu tư duy trong tâm lí học Xô Viết”, Nxb Khoa học.
86. Trần Đăng Suyền (2012), *Phương pháp nghiên cứu và phân tích tác phẩm văn học trong nhà trường*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
87. Trần Đình Sử, Phương Lựu, Nguyễn Xuân Nam (1987), *Lí luận văn học*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
88. Trần Đình Sử (2008), *Lí luận văn học* tập 2, Nxb Sư phạm.
89. Trần Đình Sử (2013), *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
90. Trần Đình Sử (2014), *Trên đường biên của lí luận văn học*, Nxb Văn học.
91. Đỗ Tiên Sỹ (2012), *Phong cách nhà văn và đọc hiểu tác phẩm văn học*, Nxb Văn học.
92. Chu Quang Tiềm (1991), *Tâm lí văn nghệ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
93. Phạm Toàn (2006), *Công Nghệ dạy văn*, Nxb Lao động trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.
94. Đỗ Ngọc Thống (2006), *Tìm hiểu Chương trình và SGK Ngữ văn THPT*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
95. Nguyễn Đình Thi (1964), *Công việc của người viết tiểu thuyết*, Nxb Văn học, Hà Nội.
96. Nguyễn Thị Bích Thu (2007), *“Truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 (nhìn từ góc độ thi pháp thể loại)”*, Luận án Tiến sĩ, Viện văn học, Viện KHXH Việt Nam.
97. Tz. Todorov (2008 Đặng Anh Đào, Lê Hồng Sâm dịch), *Thi pháp văn xuôi*, Nxb Đại học Sư phạm.
98. Bùi Việt Thắng (1998), *Sổ tay truyện ngắn*, Nxb Hội nhà văn.
99. Bùi Việt Thắng (1999), *Bình luận truyện ngắn*, Nxb Văn học.
100. Bùi Việt Thắng (2000), *Truyện ngắn những vấn đề thực tiễn và thể loại*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

101. Hoàng Trinh (1978), *Văn học cuộc sống nhà văn*, Nxb Khoa học xã hội.
102. Hoàng Văn Vĩnh (2015), *Dạy học truyện ngắn 1945 – 1975 cho học sinh THPT theo hướng hoạt động học sáng tạo*, Luận án Tiến sỹ khoa học – sư phạm, Trường ĐHSP Hà Nội.
103. L.X.Vygotski (1981), *Tâm lí học nghệ thuật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
104. L.X.Vygotski (1985), *Trí tưởng tượng và sáng tạo ở lứa tuổi thiếu nhi*, Nxb Phụ nữ.
105. A.A. Vetrov (1959), *Tư duy sáng tạo và liên tưởng*, Tạp chí “Những vấn đề tâm lí học”, số 6.
106. Nguyễn Quang Uẩn (2007), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Thế giới.
107. Ul.A. Xamarin (1957), *Về bản chất liên tưởng của hoạt động trí tuệ*, Tạp chí “Những vấn đề tâm lí”, Số 2.
108. A.V. Xavinov (1958), *Các quy luật logic của tư duy*, Nxb Đại học Tổng hợp Leningrát.
109. A. Xaytlin (1967), *Lao động nhà văn*, Nxb Văn học.
110. Trần Thanh Xuân (1982), *Vấn đề tái hiện hình tượng trong qua trình giảng văn trong nhà trường*, tạp san Giáo dục cấp 3, số 4.
111. Nguyễn Như Ý (2003), *Từ điển tiếng việt thông dụng*, Nxb Giáo dục.

II. TÀI LIỆU TIẾNG ANH

112. Adhkari, B. (2006), *Teaching Short Stories*, Journal of NELTA, 11, 1-2. Pp. 108-110.
113. Ailsa Cox (2011), *Teaching the Short Story*, Edge Hill University, UK.
114. David Jacobsen – Paul Eggen – Donald Kauchk (1989), *Methods for teaching*, Merrill Publishing Company, Ohio.
115. DonalR. Cruickshank – Deborah L. Bainer – Kim K. Metcalf (1995), *The Act of Teaching*, Mc Graw Hill, Inc.

116. Jennifer Janecek, (2017), *Strategies for Teaching Short stories*, Jennifer Janecek and compiled group, University of Iowa.
117. Kuan Chen Tsai, Dreeben (2012), *Play, Imagination, and Creativity*: Published by Canadian Center of Science and Education, Vol. 1, No. 2.
118. Kieran Egan (1992), *Imagination in Teaching and Learning*, University of Toronto Press, Canada.
119. Kieran Egan and Dan Nadelson (1998), *Imagination and Education*, New York: Teachers College.
120. Kate Prudchenko (2017), *Why is Character an Important Element in Short Stories?* Journal Contemporary literary review India.
121. Laurie Anderson (2015), *Using our Imaginations: Leadership and Innovation in Teaching and Learning*, Simon Fraser University.
122. Mukti Prakash Thapaliya (2012), *Teaching Short Story through Critical Thinking Strategies*, Journal of NELTA, Vol. 1-2.
123. Packet (2000), *Teaching the Short Story*, Kentucky Educational Television. (A ket professional development workshop for educators approved for Professional Development Training by the Kentucky Department of Education).
124. Pear Son (2014), *10 tips for teaching short story: part 1*, Posted on, Manhattan Art Institute of USA.
125. Parvin Ghasemi, Rasoodeh (2011), *Teaching Reading Comprehension Short Story*, Molana University, Abyek Gazvin, Iran.
126. Richard I. Arends (1998), *Learning to Teach*, Copyright by The McGraw-Hill Companies, Inc. Printed in Singapore.
127. Stephen Conway (1996), *Imagination and Literature*, University College London.
128. Vygotski (1930), *Imagination and creativity in childhood*, Journal of Russian and East European.

129. Vugotski (1930), *Imagination and creativity in the adolescent*, Soviet Psychology.

III. TRANG WEB

130. <https://www.youtube.com/watch?v=pq3il5EF5mo>.

131. www.baomoi.com/sinh-dong-cach-tai-hien-cuoc-doi-con-nguoi-qua-buc-ve/e/22096038.epi.

132. <https://vi.wktionnary.org/wiki/lien-tuong#ti.e1.ba>

133. <https://tiki.vn/tri-tuong-tuong-mo-con-duong-creative-visuazation-p337588.html>.

134. <https://www.com/bimatcuataohoa>.